

THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 144/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn
thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 và Công văn số 643/TT-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh công bố ngày 01 tháng 01 năm 2008;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 11942/STC-BVG ngày 19 tháng 11 năm 2006 và Công văn số 13146/STC-BVG ngày 18 tháng 12 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2008. Quyết định này thay thế Quyết định số 179/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

PHÂN LOẠI ĐẤT VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Điều 1. Phân loại đất

Căn cứ mục đích sử dụng, đất đai được phân loại thành ba (03) nhóm theo quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Giá đất tại Quy định này được sử dụng làm căn cứ, để:

a) Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003;

c) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

d) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường và mức xử phạt vi phạm hành chính đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Đối với trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, Nhà nước thu hồi đất và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất mà giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành tại thời điểm giao đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì sẽ căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường để quyết định mức giá cụ thể cho phù hợp.

3. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá khởi điểm quyền sử dụng đất không được thấp hơn mức giá đất theo Quy định này.

4. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chương II

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

Điều 3. Giá nhóm đất nông nghiệp

1. Phân khu vực và vị trí đất:

a) Khu vực: Đất nông nghiệp được phân thành ba (03) khu vực:

- Khu vực I: Thuộc địa bàn các quận;

- Khu vực II: Thuộc địa bàn các huyện Hóc Môn, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè, huyện Củ Chi;

- Khu vực III: Địa bàn huyện Cần Giờ.

b) Vị trí:

- Đối với đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản: Chia làm ba (03) vị trí:

Vị trí 1: Tiếp giáp với lề đường (đường có tên trong bảng giá đất ở) trong phạm vi 200m;

Vị trí 2: Trong phạm vi trên 200m đến 400m;

Vị trí 3: Các vị trí còn lại.

- Đối với đất làm muối: Chia làm ba (03) vị trí:

Vị trí 1: Có khoảng cách đến đường giao thông thủy, đường bộ hoặc đến kho muối tập trung tại khu vực sản xuất trong phạm vi 200m;

Vị trí 2: Có khoảng cách đến đường giao thông thủy, đường bộ hoặc đến kho muối tập trung tại khu vực sản xuất trong phạm vi trên 200m đến 400m;

Vị trí 3: Các vị trí còn lại.

2. Bảng giá các loại đất nông nghiệp:

a) Bảng giá đất trồng cây hàng năm (Bảng 1)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Vị trí 1	135.000	108.000	81.000
Vị trí 2	108.000	86.400	64.800
Vị trí 3	81.000	64.800	48.600

b) Bảng giá đất trồng cây lâu năm (Bảng 2)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Vị trí 1	158.000	126.400	94.800
Vị trí 2	126.400	101.100	75.800
Vị trí 3	94.800	75.800	56.900

c) Bảng giá đất rừng sản xuất (Bảng 3)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
Vị trí 1	60.000
Vị trí 2	48.000
Vị trí 3	36.000

* Đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng tính bằng 80% giá đất rừng sản xuất.

d) Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản (Bảng 4)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Vị trí 1	135.000	108.000	81.000
Vị trí 2	108.000	86.400	64.800
Vị trí 3	81.000	64.800	48.600

đ) Bảng giá đất làm muối (Bảng 5)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
Vị trí 1	62.000
Vị trí 2	49.600
Vị trí 3	37.200

3. Đối với đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu dân cư tại các huyện nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở thì giá đất được tính bằng mức giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1 cùng khu vực.

4. Đối với đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong khu dân cư tại các quận chưa được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác, thì giá đất được tính bằng 2 lần mức giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1 khu vực I.

Điều 4. Giá nhóm đất phi nông nghiệp

1. Bảng giá đất ở tại đô thị và nông thôn:

a) Vị trí đất ở mặt tiền: (Bảng 6 đính kèm).

b) Vị trí đất trong hẻm:

- Vị trí hẻm:

- Vị trí 1: có chiều rộng hẻm lớn hơn 5m được trải nhựa hoặc bê tông, xi măng;
- Vị trí 2: có chiều rộng hẻm từ 3m đến 5m được trải nhựa hoặc bê tông xi măng;
- Vị trí 3: có chiều rộng hẻm từ 2m đến dưới 3m được trải nhựa hoặc bê tông, xi măng;
- Vị trí 4: có chiều rộng hẻm dưới 2m được trải nhựa hoặc bê tông, xi măng.

- Phân cấp hẻm:

- Hẻm cấp 1: là hẻm có vị trí tiếp giáp với mặt tiền đường;
- Các cấp hẻm còn lại.

- Hệ số để tính giá đất theo các vị trí và cấp hẻm so với giá đất mặt tiền đường:

STT	Loại hẻm	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Hẻm cấp 1	0,5	0,4	0,3	0,2
2	Các cấp hẻm còn lại	Tính không quá 0,8 lần giá hẻm cấp 1			

Nếu là hẻm đất, tính bằng 0,8 lần so với mức giá của hẻm trải nhựa hoặc bê tông, xi măng của cùng loại hẻm.

2. Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

3. Căn cứ mức giá cụ thể đã quy định đối với giá các loại đất liền kề để xác định giá cho các loại đất sau (theo quy định tại điểm d Mục 2 Phần II Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính) cụ thể:

a) Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất phi nông nghiệp khác (gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật), thì căn cứ vào giá đất ở liền kề để xác định giá, trường hợp không có đất ở liền kề thì căn cứ vào giá đất ở khu vực gần nhất để xác định;

b) Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định của Chính phủ; các loại đất phi nông nghiệp khác (gồm đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp), thì căn cứ vào giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề để xác định giá, trường hợp không có đất sản xuất kinh doanh

phi nông nghiệp liền kề thì căn cứ vào giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu vực gần nhất để xác định;

c) Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: Thì căn cứ giá các loại đất liền kề để xác định giá cho các loại đất trên. Trường hợp loại đất trên liền kề với nhiều loại đất khác nhau, thì căn cứ vào giá của loại đất có mức giá thấp nhất;

d) Đối với đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản thì áp dụng khung giá đất nuôi trồng thủy sản; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng khai thác thủy sản thì căn cứ vào giá đất phi nông nghiệp liền kề để xác định giá hoặc giá đất phi nông nghiệp khu vực gần nhất để xác định (nếu không có đất liền kề).

Điều 5. Giá nhóm đất chưa sử dụng

Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng bao gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây thì căn cứ vào giá các loại đất liền kề để xác định giá;

Đối với đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng, thì căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng để xác định giá.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, giao Giám đốc Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện đề xuất ý kiến trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 1
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ALEXANDRE DE RHODES	TRỌN ĐƯỜNG		27.000
2	BÀ LÊ CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
3	BẾN CHƯƠNG DƯƠNG	HỒ TÙNG MẬU	NGUYỄN THÁI HỌC	19.400
		NGUYỄN THÁI HỌC	NGUYỄN VĂN CỪ	15.200
4	BÙI THỊ XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
5	BÙI VIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		20.900
6	CALMETTE	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
7	CAO BÁ NHẠ	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
8	CAO BÁ QUÁT	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
9	CHU MẠNH TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		17.400
10	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		24.000
11	CÔNG QUỲNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.600
12	CÔ BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
13	CÔ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		12.900
14	CÔNG TRƯỜNG LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		32.300
15	CÔNG XÃ PARIS	TRỌN ĐƯỜNG		24.200
16	CÂY ĐIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		11.600
17	ĐÌNH CÔNG TRÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.200
18	ĐÌNH TIÊN HOÀNG	LÊ DUẨN	ĐIỆN BIÊN PHỦ	20.600
		ĐIỆN BIÊN PHỦ	VÕ THỊ SÁU	23.300
		VÕ THỊ SÁU	CẦU BÔNG	21.600
19	ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	ĐÌNH TIÊN HOÀNG	22.500
		ĐÌNH TIÊN HOÀNG	HAI BÀ TRƯNG	26.000
20	ĐẶNG DUNG	TRỌN ĐƯỜNG		19.100
21	ĐẶNG THỊ NHU	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
22	ĐẶNG TRẦN CÔN	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
23	ĐẶNG TẮT	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
24	ĐỀ THÁM	BẾN CHƯƠNG DƯƠNG	TRẦN HƯNG ĐẠO	14.900
		TRẦN HƯNG ĐẠO	PHẠM NGŨ LÃO	18.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
25	ĐÔNG KHỞI	TRỌN ĐƯỜNG		67.500
26	ĐỖ QUANG ĐẦU	TRỌN ĐƯỜNG		12.900
27	ĐÔNG DU	TRỌN ĐƯỜNG		36.000
28	HAI BÀ TRƯNG	BẾN BẠCH ĐĂNG	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	38.600
		NGUYỄN THỊ MINH KHAI	VÕ THỊ SÁU	31.500
		VÕ THỊ SÁU	NGÃ 3 TRẦN QUANG KHẢI	30.000
		NGÃ 3 TRẦN QUANG KHẢI	CẦU KIỂU	24.000
29	HÒA MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
30	HUYỀN QUANG	TRỌN ĐƯỜNG		9.300
31	HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
32	HUỶNH THỨC KHÁNG	NGUYỄN HUỆ	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	31.500
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	QUÁCH THỊ TRANG	25.800
33	HUỶNH KHƯƠNG NINH	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
34	HÀM NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
35	HÀN THUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		32.300
36	HẢI TRIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		35.400
37	HOÀNG SA	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
38	HỒ HUẤN NGHIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		35.400
39	HỒ HẢO HÓN	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
40	HỒ TÙNG MẬU	BẾN CHƯƠNG DƯƠNG	HÀM NGHI	21.600
		HÀM NGHI	TÔN THẮT THIỆP	33.500
41	KÝ CON	TRỌN ĐƯỜNG		20.600
42	LÝ TỰ TRỌNG	NGÃ SÁU PHÙ ĐỔNG	HAI BÀ TRƯNG	38.600
		HAI BÀ TRƯNG	TÔN ĐỨC THẮNG	20.600
43	LÝ VĂN PHÚC	TRỌN ĐƯỜNG		12.600
44	LƯƠNG HỮU KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		11.600
45	LÊ ANH XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
46	LÊ CÔNG KIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
47	LÊ DUẨN	TRỌN ĐƯỜNG		29.000
48	LÊ LAI	CHỢ BẾN THÀNH	NGUYỄN THỊ NGHĨA	38.600
		NGUYỄN THỊ NGHĨA	NGUYỄN TRÃI	33.800
49	LÊ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		67.500
50	LÊ THÁNH TÔN	PHẠM HỒNG THÁI	TRƯƠNG ĐỊNH	35.400
		TRƯƠNG ĐỊNH	ĐÔNG KHỞI	43.800
		ĐÔNG KHỞI	TÔN ĐỨC THẮNG	40.200
		TÔN ĐỨC THẮNG	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	29.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
51	LÊ THỊ HỒNG GÁM	NGUYỄN THÁI HỌC	CALMETTE	17.700
		CALMETTE	PHÓ ĐỨC CHÍNH	19.400
52	LÊ THỊ RIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		20.600
53	LƯU VĂN LANG	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
54	LÊ VĂN HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
55	MAI THỊ LỰU	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
56	MÃ LỘ	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
57	MẠC THỊ BƯỞI	TRỌN ĐƯỜNG		38.600
58	MẠC ĐÌNH CHI	ĐIỆN BIÊN PHỦ	TRẦN CAO VÂN	16.100
		TRẦN CAO VÂN	NGUYỄN DU	19.400
59	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	CẦU THỊ NGHÈ	HAI BÀ TRUNG	23.700
		HAI BÀ TRUNG	CÔNG QUỲNH	25.500
		CÔNG QUỲNH	NGÃ SÁU NGUYỄN VĂN CỬ	23.700
60	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	BẾN CHUÔNG DƯƠNG	HÀM NGHI	20.600
		HÀM NGHI	LÊ THÁNH TÔN	30.900
		LÊ THÁNH TÔN	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	32.400
61	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
62	NGUYỄN CẢNH CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		16.100
63	NGUYỄN CÔNG TRỨ	NGUYỄN THÁI HỌC	PHÓ ĐỨC CHÍNH	17.700
		PHÓ ĐỨC CHÍNH	HỒ TÙNG MẬU	19.400
64	NGUYỄN CƯ TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		19.100
65	NGUYỄN DU	CÁCH MẠNG THÁNG 8	HAI BÀ TRUNG	23.100
		HAI BÀ TRUNG	TÔN ĐỨC THẮNG	19.400
66	NGUYỄN HUY TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		18.600
67	NGUYỄN HUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		67.500
68	NGUYỄN VĂN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
69	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		12.900
70	NGUYỄN HỮU CẦU	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
71	NGUYỄN KHẮC NHU	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
72	NGUYỄN PHI KHANH	TRỌN ĐƯỜNG		15.200
73	NAM QUỐC CANG	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
74	NGUYỄN SIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		17.400
75	NGUYỄN THIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		30.900
76	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
77	NGUYỄN THÁI HỌC	TRẦN HƯNG ĐẠO	PHẠM NGŨ LÃO	20.600
		ĐOẠN CÒN LẠI		16.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
78	NGUYỄN THÀNH Ý	TRỌN ĐƯỜNG		14.600
79	NGUYỄN THỊ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		20.600
80	NGUYỄN TRUNG NGẠN	TRỌN ĐƯỜNG		12.900
81	NGUYỄN TRUNG TRỰC	LÊ LỢI	LÊ THÁNH TÔN	25.800
		LÊ THÁNH TÔN	NGUYỄN DU	24.200
82	NGUYỄN TRÃI	NGÃ 6 PHÙ ĐỔNG	CÔNG QUỲNH	24.000
		CÔNG QUỲNH	NGUYỄN VĂN CỪ	22.500
83	NGUYỄN VĂN CHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		24.000
84	NGUYỄN VĂN CỪ	BẾN CHƯƠNG DƯƠNG	TRẦN HƯNG ĐẠO	17.000
		TRẦN HƯNG ĐẠO	NGÃ 6 NGUYỄN VĂN CỪ	19.400
85	NGUYỄN VĂN GIAI	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
86	NGUYỄN VĂN THỦ	HAI BÀ TRUNG	MẠC ĐỈNH CHI	18.000
		MẠC ĐỈNH CHI	HOÀNG SA	14.100
87	NGUYỄN VĂN TRÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
88	NGUYỄN VĂN ĐỢM	TRỌN ĐƯỜNG		12.900
89	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	HAI BÀ TRUNG	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	23.700
		NGUYỄN BÌNH KHIÊM	HOÀNG SA	18.000
90	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		20.600
91	NGÔ VĂN NĂM	TRỌN ĐƯỜNG		18.600
92	NGÔ ĐỨC KÊ	TRỌN ĐƯỜNG		36.000
93	PASTEUR	TRỌN ĐƯỜNG		28.800
94	PHAN BỘI CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
95	PHAN CHÂU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
96	PHAN KẾ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
97	PHAN LIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		12.900
98	PHAN NGŨ	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
99	PHAN TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
100	PHAN VĂN TRƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
101	PHAN VĂN ĐẠT	TRỌN ĐƯỜNG		21.900
102	PHẠM HỒNG THÁI	TRỌN ĐƯỜNG		28.400
103	PHẠM NGỌC THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		28.800
104	PHẠM NGŨ LÃO	PHÓ ĐỨC CHÍNH	TRẦN HƯNG ĐẠO	23.100
		TRẦN HƯNG ĐẠO	NGUYỄN THỊ NGHĨA	22.500
		NGUYỄN THỊ NGHĨA	NGUYỄN TRÃI	21.900
105	PHẠM VIỆT CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		16.800
106	PHÓ ĐỨC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		20.900
107	PHÙNG KHẮC KHOAN	TRỌN ĐƯỜNG		20.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
108	SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		25.100
109	THI SÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		20.900
110	THÁI VĂN LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		20.600
111	THẠCH THỊ THANH	TRỌN ĐƯỜNG		15.200
112	THỦ KHOA HUÂN	NGUYỄN DU	LÝ TỰ TRỌNG	28.100
		LÝ TỰ TRỌNG	LÊ THÁNH TÔN	28.400
113	TRẦN CAO VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		29.400
114	TRẦN DOÃN KHANH	TRỌN ĐƯỜNG		14.100
115	TRẦN HƯNG ĐẠO	QUÁCH THỊ TRANG	NGUYỄN THÁI HỌC	28.800
		NGUYỄN THÁI HỌC	NGUYỄN KHẮC NHU	27.000
		NGUYỄN KHẮC NHU	NGUYỄN VĂN CỪ	25.500
116	TRẦN KHÁNH DƯ	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
117	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
118	TRẦN NHẬT DUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
119	TRẦN QUANG KHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		18.000
120	TRẦN QUÝ KHOÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
121	TRẦN ĐÌNH XU	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
122	TRỊNH VĂN CÂN	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
123	TRƯƠNG HÁN SIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
124	TRƯƠNG ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		27.300
125	TÔN THẤT THIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		25.800
126	TÔN THẤT TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		20.600
127	TÔN THẤT ĐẠM	TÔN THẤT THIỆP	HÀM NGHI	24.200
		HÀM NGHI	BẾN CHƯỜNG DƯƠNG	21.600
128	TÔN ĐỨC THẮNG	LÊ DUÂN	CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH	25.100
		CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH	CẦU NGUYỄN TẮT THÀNH	29.600
129	VÕ THỊ SÁU	TRỌN ĐƯỜNG		26.300
130	YERSIN	TRỌN ĐƯỜNG		20.600

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 2***(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN PHÚ, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.700
2	BÌNH TRUNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	BÊN ĐƯỜNG TRÂU	1.400
3	ĐẶNG HỮU PHỔ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 39	THẢO ĐIỀN	1.400
4	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
5	ĐỖ QUANG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	ĐƯỜNG CỤT	1.400
6	ĐỖ XUÂN HỢP, PHƯỜNG AN PHÚ	CẦU NĂM LÝ	NGÃ BA TÂN LẬP	1.600
7	ĐOÀN HỮU TRUNG, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
8	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
9	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 8	1.200
10	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.200
11	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
12	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG SỐ 10	1.200
13	ĐƯỜNG 2, 3, 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
14	ĐƯỜNG 2, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
15	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
16	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	TRỊNH KHẮC LẬP	1.400
17	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
18	ĐƯỜNG 3, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 6 (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
19	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
20	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.200
21	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
22	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 6	1.400
23	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CỔNG PETEC	1.400
24	ĐƯỜNG 4, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1 - ĐƯỜNG H (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
25	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 8	1.200
26	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG 23	1.200
27	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
28	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	LIÊN TỈNH LỘ 25B	TRỊNH KHẮC LẬP	1.400
29	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	1.300
30	ĐƯỜNG 5, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2 - (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
31	ĐƯỜNG 5, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4	AN PHÚ	1.200
32	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 6	1.400
33	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
34	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 3	1.200
35	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	1.400
36	ĐƯỜNG 6, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1 - ĐƯỜNG H (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
37	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 17	1.400
		ĐƯỜNG 17	NGUYỄN VĂN GIÁP	1.200
38	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	1.400
39	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
40	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 4	1.400
41	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRẦN NGỌC DIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	1.300
42	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 9	1.400
		ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 17	1.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
43	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	LIÊN TỈNH LỘ 25B	THÍCH MẬT THỂ	1.400
44	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1	ĐOÀN HỮU TRUNG	1.200
45	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
46	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 17	1.200
47	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	ĐƯỜNG 27	1.200
48	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
49	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	1.200
50	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	1.300
51	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
52	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
53	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
54	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	2.300
55	ĐƯỜNG 10, 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 18	1.200
56	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	ĐƯỜNG 39	1.200
		ĐƯỜNG 39	ĐƯỜNG 30	1.200
57	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
58	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
59	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
60	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 39	ĐƯỜNG 42	1.200
61	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
62	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
63	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
64	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
65	ĐƯỜNG 12, 13, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
66	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	GIÁO XỨ MỸ HÒA	1.200
67	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
68	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
69	ĐƯỜNG 13, 15, 16, 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 18	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
70	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 14	ĐƯỜNG 39	1.200
71	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
72	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	1.200
73	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HÒA	ĐƯỜNG 18	1.200
74	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 33	1.200
75	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 13	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
76	ĐƯỜNG 15, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
77	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.200
78	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
79	ĐƯỜNG 16, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
80	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18	1.400
81	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOẢN	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
82	ĐƯỜNG 17, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
83	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	SÔNG GIÒNG ÔNG TỐ	1.200
84	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
85	ĐƯỜNG 18, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	VÕ TRƯỜNG TOẢN	ĐƯỜNG 20	1.700
86	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 10	ĐƯỜNG 17	1.200
87	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 28	1.200
88	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	RẠCH BẾN DỐC	1.400
89	ĐƯỜNG 19, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	VÕ TRƯỜNG TOẢN	ĐƯỜNG 20	1.700
90	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 11	1.200
91	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.200
92	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18	1.400
93	ĐƯỜNG 20, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 18	ĐƯỜNG 19	1.700
94	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 24	1.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
95	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
96	ĐƯỜNG 21, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
97	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 37	1.400
98	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 22	ĐƯỜNG 38	1.200
99	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
100	ĐƯỜNG 22, ÁP TÂY B, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
101	ĐƯỜNG 22 KHU PHỐ 1, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 21	1.200
102	ĐƯỜNG 22, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 21	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
103	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 28	1.200
104	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ VĂN THỊNH	1.700
105	ĐƯỜNG 23, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
106	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 31	1.200
107	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
108	ĐƯỜNG 24, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
109	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 23	1.200
110	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG 34	1.200
111	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	1.400
112	ĐƯỜNG 25, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
113	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
114	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	1.400
115	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 29 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
116	ĐƯỜNG 26, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 25	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	1.200
117	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 26 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
118	ĐƯỜNG 27, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐẦU ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
119	ĐƯỜNG 28, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 27 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
120	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 26	1.200
121	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.200
122	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	1.400
123	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
124	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	ĐƯỜNG 21	1.200
125	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	KHU TUỔI TRẺ	1.200
126	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ VĂN THỊNH NÓI DÀI	1.400
127	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31	1.400
128	ĐƯỜNG 30 PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	BÌNH TRƯNG	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	1.200
129	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	1.200
130	ĐƯỜNG 30B PHƯỜNG BÌNH AN (THUỘC DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN)	ĐƯỜNG 30	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN	2.400
131	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 30	NGÃ BA ĐƯỜNG 23 - ĐƯỜNG 24	1.200
132	ĐƯỜNG 31 PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	ĐƯỜNG 13	1.200
133	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31	1.400
134	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI VÀ PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
135	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	KHU 21HA	1.400
136	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 13	LÊ VĂN THỊNH	1.200
137	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	KHU 21HA	1.400
138	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 5	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	1.200
139	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 13	ĐƯỜNG 17	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
140	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN TUYỂN	NGUYỄN DUY TRINH	1.300
141	ĐƯỜNG 36, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
142	ĐƯỜNG 36, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
143	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
144	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 13	ĐƯỜNG 35	1.200
145	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 38	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
146	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT	1.400
147	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 1	ĐƯỜNG 19	1.200
148	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 37	SÔNG SÀI GÒN	2.400
149	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
150	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG TÂY	ĐƯỜNG 10	LÊ VĂN THỊNH	1.200
151	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 34	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
152	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
153	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	1.200
154	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 37	ĐƯỜNG 39	2.400
155	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
156	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT	ĐƯỜNG 42	1.200
157	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 36	ĐƯỜNG 38	2.400
158	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN BÁ HUÂN	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
159	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	ĐƯỜNG 6	1.400
160	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH AN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	TỔ DÂN PHỐ	2.400
161	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	ĐƯỜNG 48	1.200
162	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	KHU 154HA	1.200
163	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 42	ĐƯỜNG 44	2.400
164	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
165	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	KHU 154HA	1.200
166	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG BÌNH AN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	TỔ DÂN PHỐ	2.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
167	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
168	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 48	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
169	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
170	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 50	1.700
171	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59	ĐƯỜNG 66	1.200
172	ĐƯỜNG 48, 59, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
173	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46	HÈM 37 ĐƯỜNG 49	1.400
174	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	SÔNG GIÒNG ÔNG TỐ	1.700
175	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	SÔNG SÀI GÒN	1.400
176	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46	ĐƯỜNG 49	1.400
177	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 49B	SÔNG SÀI GÒN	1.200
178	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
179	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 55	ĐƯỜNG SỐ 57	1.200
180	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 44	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
181	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	ĐƯỜNG 55	1.200
182	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59	RẠCH ÔNG DĨ	1.200
183	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	GIÁP ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 47	1.200
184	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐẦU ĐƯỜNG	ĐƯỜNG 61	1.200
185	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 64	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
186	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 66	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
187	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
188	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	ĐƯỜNG 47	1.200
189	ĐƯỜNG A2.1, PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG A2.2	1.900
190	ĐƯỜNG A2.10, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	ĐƯỜNG A2.15	1.200
191	ĐƯỜNG A2.11, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	ĐƯỜNG A2.15	1.200
192	ĐƯỜNG A2.12, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
193	ĐƯỜNG A2.13, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
194	ĐƯỜNG A2.14, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.10	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
195	ĐƯỜNG A2.15, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.10	ĐƯỜNG A2.12	1.200
196	ĐƯỜNG A2.16, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
197	ĐƯỜNG A2.2, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.1	SÔNG GIÒNG	1.200
198	ĐƯỜNG A2.3, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.1	ĐƯỜNG A2.2	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
199	ĐƯỜNG A2.4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.2	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
200	ĐƯỜNG A2.5, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.2	ĐƯỜNG A2.4	1.200
201	ĐƯỜNG A2.6, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.4	ĐƯỜNG A2.5	1.200
202	ĐƯỜNG A2.7, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.4	ĐƯỜNG A2.3	1.200
203	ĐƯỜNG A2.8, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.4	ĐƯỜNG A2.5	1.200
204	ĐƯỜNG A2.9, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.2	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
205	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
206	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10	1.400
207	ĐƯỜNG CHỢ AN ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG QUỐC HƯƠNG	2.900
208	ĐƯỜNG D10 (10M), PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (TUỔI TRẺ)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
209	ĐƯỜNG D14 (14M), PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (TUỔI TRẺ)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
210	ĐƯỜNG D16 (16M), PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
211	ĐƯỜNG ĐÔNG TÂY I, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	LTL 25B	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
212	ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG VÀO TRƯỜNG TIỂU HỌC AN KHÁNH	2.400
213	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY THÁI DƯƠNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CTY PHÚC ĐIỀN	1.700
214	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY XD & KD NHÀ PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	DỰ ÁN TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI	DỰ ÁN THUỘC CTY THỦ THIÊM	1.400
215	ĐƯỜNG SỐ 1 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG SỐ 8	1.700
216	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
217	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	1.400
218	ĐƯỜNG SỐ 2 PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỬA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
219	ĐƯỜNG SỐ 2 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
220	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
221	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	1.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
222	ĐƯỜNG SỐ 3 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 2	1.700
		ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 8	1.400
223	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 2	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
224	ĐƯỜNG SỐ 4 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 3	1.400
225	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	1.800
226	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN Ư DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
227	ĐƯỜNG SỐ 5 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 2	ĐƯỜNG 8	1.400
228	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN Ư DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
229	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 3, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐẦU ĐƯỜNG	RẠCH BÁO CHÍ	1.800
230	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	KHU DÂN CƯ	1.800
231	ĐƯỜNG SỐ 6 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 1	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
232	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	1.200
233	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	1.800
234	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 27	1.200
235	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	1.800
236	ĐƯỜNG SỐ 8 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 1	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
237	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 9	1.800
238	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
239	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 8	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	1.800
240	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 8	2.400
241	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
242	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
243	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 12	ĐƯỜNG 9	2.400
244	ĐƯỜNG SỐ 14, 15, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 12	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
245	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 14	KHU DỰ ÁN HIM LAM	2.400
246	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	2.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
247	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	2.400
248	ĐƯỜNG SỐ 19, 20, 21, 23, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
249	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 21	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
250	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
251	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
252	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
253	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
254	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
255	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
256	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 29	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
257	ĐƯỜNG SỐ 26, 28, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 25	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
258	ĐƯỜNG SỐ 26, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
259	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	ĐƯỜNG 8	1.200
260	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	ĐƯỜNG 25	2.400
261	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	VÀO CÁC TỔ DÂN PHỐ	2.400
262	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	KHU DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN	2.400
263	ĐƯỜNG SỐ 31 PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	SÔNG SÀI GÒN	2.400
264	ĐƯỜNG SỐ 32 PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 31	SÔNG SÀI GÒN	2.400
265	ĐƯỜNG SỐ 33, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	SÔNG SÀI GÒN	2.400
266	ĐƯỜNG SỐ 34 PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NÃO	SÔNG SÀI GÒN	2.400
267	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 4	1.200
268	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 11	ĐƯỜNG 39	1.200
269	ĐƯỜNG VÀO KHÁCH SẠN THIÊN TUỆ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
270	ĐƯỜNG VEN SÔNG	CUỐI TRẦN NÃO	TÌM CẦU PHẠO	3.100
271	ĐƯỜNG VEN SÔNG SÀI GÒN	NGÃ BA CHỢ	CẦU PHẠO 5	3.100
272	ĐƯỜNG VEN SÔNG THUỘC DỰ ÁN CTY XD VÀ KD NHÀ PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	DỰ ÁN TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI	DỰ ÁN THUỘC CTY THỦ THIÊM	1.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
273	GIANG VĂN MINH, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.700
274	LÊ ĐÌNH QUẢN, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG 28	1.200
275	LÊ PHỤNG HIẾU, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CẢNG CÁT LÁI	1.200
276	LÊ THƯỚC, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	TRUNG TÂM VĂN HÓA QUẬN	1.700
277	LÊ VĂN MIẾN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN	1.400
278	LÊ VĂN THỊNH NÓI DÀI, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 22	ĐƯỜNG 5	1.200
279	LÊ VĂN THỊNH, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
280	LIÊN TỈNH LỘ 25B	NGÃ 3 CÁT LÁI	CẦU GIÒNG ÔNG TỐ	2.400
		CẦU GIÒNG ÔNG TỐ	CẦU MỸ THỦY	1.800
		CẦU MỸ THỦY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	1.800
281	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	PHÀ THỦ THIÊM	NGÃ TƯ TRẦN NẢO - LƯƠNG ĐỊNH CỬA	3.400
		NGÃ TƯ TRẦN NẢO - LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CẦU ÔNG TRANH	3.400
		CẦU ÔNG TRANH	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	3.400
282	NGÔ QUANG HUY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN	1.400
283	NGUYỄN BÁ HUÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	ĐƯỜNG 41	1.400
284	NGUYỄN BÁ LÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	XA LỘ HÀ NỘI	1.400
285	NGUYỄN CỬ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
286	NGUYỄN ĐĂNG GIAI, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	RẠCH ÔNG CHUA	THẢO ĐIỀN	1.400
287	NGUYỄN ĐÓN TIẾT, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
288	NGUYỄN DUY HIẾU, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XÍ NGHIỆP SKAVI	THẢO ĐIỀN	1.400
289	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU GIÒNG ÔNG TỐ	NGÃ BA TÂN LẬP	1.900
		NGÃ BA TÂN LẬP	CẦU XÂY DỰNG	1.600
290	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGÃ BA CÁT LÁI	CẦU GIÒNG ÔNG TỐ	2.400
		CẦU GIÒNG ÔNG TỐ	CẦU MỸ THỦY	3.600
		CẦU MỸ THỦY	PHÀ CÁT LÁI	2.400
291	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42	1.400
292	NGUYỄN TƯ NGHIÊM, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		1.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
293	NGUYỄN TUYẾN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
294	NGUYỄN Ư DĨ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRẦN NGỌC ĐIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
295	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	BÌNH TRUNG	ĐƯỜNG 40	1.200
296	NGUYỄN VĂN HƯỞNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	THẢO ĐIỀN	1.700
297	NHÀ THỜ	NGÃ BA CHỢ	CẦU ÔNG CẬY	3.100
298	QUỐC HƯƠNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 47	1.700
299	THANH MỸ LỢI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 16	1.400
300	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	KHÁCH SẠN THIÊN TUỆ	2.200
		KHÁCH SẠN THIÊN TUỆ	XA LỘ HÀ NỘI	2.200
301	THÍCH MẬT THỂ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 16	LIÊN TỈNH LỘ 25B	1.400
		DỰ ÁN 143HA (KHU 5)	ĐƯỜNG SỐ 25	1.400
302	TỔNG HỮU ĐỊNH, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN	1.400
303	TRẦN NÃO	XA LỘ HÀ NỘI	NGÃ TƯ TRẦN NÃO - LƯƠNG ĐỊNH CỬA	4.300
		NGÃ TƯ TRẦN NÃO - LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CẦU CÁ TRÊ 1	3.400
		CẦU CÁ TRÊ 1	BỜ SÔNG SÀI GÒN	3.100
304	TRẦN NGỌC ĐIỆN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	1.700
305	TRỊNH KHẮC LẬP	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CƠ QUAN QUÂN ĐỘI	1.400
		CƠ QUAN QUÂN ĐỘI	LIÊN TỈNH LỘ 25B	1.400
306	TRÚC ĐƯỜNG (ĐƯỜNG SỐ 3 KHU BẢO CHÍ), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	1.400
307	VÕ TRƯỜNG TOẢN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 11	2.900
		ĐƯỜNG 11	RIVERSIDE	2.400
308	XA LỘ HÀ NỘI, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	CHÂN CẦU SÀI GÒN	CẦU RẠCH CHIẾC	3.600
309	XUÂN THỦY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯỞNG	THẢO ĐIỀN	1.700

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 3
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÀ HUYỆN THANH QUAN	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
2	BÀN CỜ	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
3	BỜ KÊNH NHIÊU LỘC	TRỌN ĐƯỜNG (HAI BÊN BỜ KÊNH)		8.500
4	CÁC ĐƯỜNG TRONG CƯ XÁ ĐÔ THÀNH			9.800
5	CÁCH MẠNG THÁNG 8	RANH QUẬN TÂN BÌNH	VÕ THỊ SÁU	16.900
		VÕ THỊ SÁU	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	20.500
6	CAO THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		20.500
7	CÔNG TRƯỜNG QUỐC TẾ	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
8	ĐIỆN BIÊN PHỦ	NGÃ BẢY	CÁCH MẠNG THÁNG 8	20.500
		CÁCH MẠNG THÁNG 8	HAI BÀ TRƯNG	22.500
9	ĐOÀN CÔNG BỮU	TRỌN ĐƯỜNG		12.700
10	HAI BÀ TRƯNG	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	VÕ THỊ SÁU	31.500
		VÕ THỊ SÁU	LÝ CHÍNH THẮNG	30.000
		LÝ CHÍNH THẮNG	CẦU KIỆU	24.000
11	HỒ XUÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.000
12	HUYỄN TỊNH CỦA	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
13	KỶ ĐỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.800
14	LÊ NGÔ CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		17.000
15	LÊ QUÝ ĐÔN	TRỌN ĐƯỜNG		20.500
16	LÊ VĂN SỸ	CẦU LÊ VĂN SỸ	TRẦN QUANG DIỆU	18.600
		TRẦN QUANG DIỆU	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	17.000
17	LÝ CHÍNH THẮNG	RANH QUẬN 10	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	13.500
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	RANH QUẬN 1	15.500
18	LÝ THÁI TỎ	TRỌN ĐƯỜNG		20.500
19	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		26.800
20	NGÔ THỜI NHIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		17.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
21	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		20.500
22	NGUYỄN GIA THIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
23	NGUYỄN HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		11.400
24	NGUYỄN PHÚC NGUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
25	NGUYỄN SƠN HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
26	NGUYỄN THỊ DIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		17.900
27	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	HAI BÀ TRUNG	CAO THẮNG	25.500
		CAO THẮNG	NGÃ 6 NGUYỄN VĂN CỪ	23.700
28	NGUYỄN THIÊN THUẬT	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	16.900
		NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	ĐIỆN BIÊN PHỦ	16.000
29	NGUYỄN THÔNG	HỒ XUÂN HƯƠNG	KỶ ĐỒNG	13.800
		KỶ ĐỒNG	TRẦN VĂN ĐANG	12.600
30	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		8.700
31	NGUYỄN VĂN MAI	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
32	PASTEUR	TRẦN QUỐC TOẢN	VÕ THỊ SÁU	20.800
		VÕ THỊ SÁU	RANH QUẬN 1	22.400
33	PHẠM ĐÌNH TOÁI	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
34	PHẠM NGỌC THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		22.400
35	RẠCH BÙNG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
36	SƯ THIÊN CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
37	TRẦN CAO VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		25.500
38	TRẦN QUANG DIỆU	TRẦN VĂN ĐANG	LÊ VĂN SỸ	13.000
		LÊ VĂN SỸ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	14.300
39	TRẦN QUỐC THẢO	VÕ VĂN TÀN	LÝ CHÍNH THẮNG	17.000
		LÝ CHÍNH THẮNG	CẦU LÊ VĂN SỸ	18.600
40	TRẦN QUỐC TOẢN	TRẦN QUỐC THẢO	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	13.500
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	RANH QUẬN 1	15.500
41	TRẦN VĂN ĐANG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
42	TRƯƠNG ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
43	TRƯƠNG QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		15.500
44	TÚ XƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		17.000
45	VÕ THỊ SÁU	TRỌN ĐƯỜNG		20.500
46	VÕ VĂN TÀN	HỒ CON RÙA	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	25.500
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	CAO THẮNG	22.100
47	VƯỜN CHUỐI	TRỌN ĐƯỜNG		15.500

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 4

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BẾN VÂN ĐỒN	CẦU NGUYỄN KIỆU	CUỐI CÙ LAO NGUYỄN KIỆU	4.200
		CÙ LAO NGUYỄN KIỆU	NGUYỄN KHOÁI	4.400
		NGUYỄN KHOÁI	CẦU DỪA	6.400
		CẦU DỪA	NGUYỄN TÁT THÀNH	8.600
2	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ CHUNG CƯ PHƯỜNG 3			5.300
3	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ VĨNH HỘI			5.300
4	ĐÌNH LỄ	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
5	ĐOÀN NHỮ HÀI	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
6	ĐOÀN VĂN BƠ	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	10.900
		HOÀNG DIỆU	TÔN ĐẢN	7.000
		TÔN ĐẢN	XÓM CHIẾU	5.000
		XÓM CHIẾU	NGUYỄN THẦN HIẾN	3.800
7	ĐƯỜNG 10C	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
8	ĐƯỜNG 20 THUỐC	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
9	ĐƯỜNG DÂN SINH HAI BÊN CẦU ÔNG LÃNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
10	ĐƯỜNG PHƯỜNG 1	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
11	ĐƯỜNG SỐ 1	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
12	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
13	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
14	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
15	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
16	ĐƯỜNG SỐ 6	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
17	ĐƯỜNG SỐ 7	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
18	ĐƯỜNG SỐ 8	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
19	ĐƯỜNG SỐ 9	TRỌN ĐƯỜNG		7.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
20	ĐƯỜNG SỐ 10	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
21	ĐƯỜNG SỐ 10A	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
22	ĐƯỜNG SỐ 10B	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
23	ĐƯỜNG SỐ 11	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
24	ĐƯỜNG SỐ 12	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
25	ĐƯỜNG SỐ 12A	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
26	ĐƯỜNG SỐ 13	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
27	ĐƯỜNG SỐ 15	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
28	ĐƯỜNG SỐ 16	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
29	ĐƯỜNG SỐ 17	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
30	ĐƯỜNG SỐ 18	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
31	ĐƯỜNG SỐ 19	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
32	ĐƯỜNG SỐ 20	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
33	ĐƯỜNG SỐ 21	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
34	ĐƯỜNG SỐ 22	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
35	ĐƯỜNG SỐ 23	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
36	ĐƯỜNG SỐ 24	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
37	ĐƯỜNG SỐ 25	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
38	ĐƯỜNG SỐ 28	TRỌN ĐƯỜNG		7.600
39	ĐƯỜNG SỐ 29	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
40	ĐƯỜNG SỐ 30	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
41	ĐƯỜNG SỐ 31	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
42	ĐƯỜNG SỐ 32	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
43	ĐƯỜNG SỐ 32A	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
44	ĐƯỜNG SỐ 33	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
45	ĐƯỜNG SỐ 34	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
46	ĐƯỜNG SỐ 35	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
47	ĐƯỜNG SỐ 36	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
48	ĐƯỜNG SỐ 37	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
49	ĐƯỜNG SỐ 38	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
50	ĐƯỜNG SỐ 39	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
51	ĐƯỜNG SỐ 40	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
52	ĐƯỜNG SỐ 42	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
53	ĐƯỜNG SỐ 43	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
54	ĐƯỜNG SỐ 44	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
55	ĐƯỜNG SỐ 45	TRỌN ĐƯỜNG		7.600
56	ĐƯỜNG SỐ 46	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
57	ĐƯỜNG SỐ 47	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
58	ĐƯỜNG SỐ 48	TRỌN ĐƯỜNG		9.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
59	ĐƯỜNG SỐ 49	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
60	ĐƯỜNG SỐ 50	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
61	HOÀNG DIỆU	SÁT CẢNG SÀI GÒN	NGUYỄN TẮT THÀNH	9.600
		NGUYỄN TẮT THÀNH	ĐOÀN VĂN BƠ	13.400
		ĐOÀN VĂN BƠ	KHÁNH HỘI	13.400
		KHÁNH HỘI	CUỐI ĐƯỜNG	9.600
62	KHÁNH HỘI	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	10.700
		HOÀNG DIỆU	CẦU KÊNH TỂ	11.500
		CẦU KÊNH TỂ	TÔN THẮT THUYẾT	6.500
63	LÊ QUỐC HÙNG	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	12.400
		HOÀNG DIỆU	LÊ VĂN LINH	12.600
64	LÊ THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		13.400
65	LÊ VĂN LINH	NGUYỄN TẮT THÀNH	LÊ QUỐC HÙNG	10.800
		LÊ QUỐC HÙNG	ĐOÀN VĂN BƠ	8.000
66	LÊ VĂN LINH NỐI DÀI	TÂN VĨNH	ĐƯỜNG 48	10.800
67	NGÔ VĂN SỞ	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
68	NGUYỄN HỮU HÀO	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	7.800
		HOÀNG DIỆU	CUỐI ĐƯỜNG	6.100
69	NGUYỄN KHOÁI	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
70	NGUYỄN TẮT THÀNH	CẦU KHÁNH HỘI	LÊ VĂN LINH	11.200
		LÊ VĂN LINH	XÓM CHIẾU	11.200
		XÓM CHIẾU	CẦU TÂN THUẬN	6.700
71	NGUYỄN THÂN HIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
72	NGUYỄN TRƯỜNG TỌ	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
73	TÂN VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
74	TÔN ĐẢN	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
75	TÔN THẮT THUYẾT	NGUYỄN TẮT THÀNH	NGUYỄN THÂN HIẾN	5.500
		NGUYỄN THÂN HIẾN	XÓM CHIẾU	5.900
		XÓM CHIẾU	TÔN ĐẢN	5.900
		TÔN ĐẢN	NGUYỄN KHOÁI	6.400
		NGUYỄN KHOÁI	CUỐI ĐƯỜNG	4.400
76	TRƯƠNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
77	VĨNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
78	VĨNH KHÁNH	BẾN VÂN ĐỒN	HOÀNG DIỆU	7.200
		HOÀNG DIỆU	TÔN ĐẢN	5.000
79	XÓM CHIẾU	TRỌN ĐƯỜNG		5.900

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 5

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
2	AN DƯƠNG VƯƠNG	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	21.200
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	NGÔ QUYỀN	16.300
3	AN ĐIỀM	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
4	BẠCH VÂN	HÀM TỬ	TRẦN TUẤN KHAI	12.500
		TRẦN TUẤN KHAI	AN BÌNH	11.300
5	BÀ TRIỆU	NGUYỄN KIM	LÝ THƯỜNG KIẾT	13.900
		LÝ THƯỜNG KIẾT	TRIỆU QUANG PHỤC	9.100
6	BÃI SẬY	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
7	BÙI HỮU NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
8	CAO ĐẠT	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
9	CHÂU VĂN LIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		22.600
10	CHIÊU ANH CÁC	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
11	CÔNG TRƯỜNG AN ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
12	DƯƠNG TỬ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
13	ĐẶNG THÁI THÂN	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
14	ĐÀO TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
15	ĐỖ NGỌC THẠNH	HẢI THƯỢNG LẤN ÔNG	NGUYỄN CHÍ THANH	13.100
16	ĐỖ VĂN SỬU	TRỌN ĐƯỜNG		9.100
17	GIA PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
18	GÒ CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
19	HÀ TÔN QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
20	HÀM TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
21	HẢI THƯỢNG LẤN ÔNG	TRẦN VĂN KIỀU	CHÂU VĂN LIÊM	16.800
		CHÂU VĂN LIÊM	HỌC LẠC	18.300
22	HỒNG BÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		18.300
23	HỌC LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		13.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
24	HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		16.300
25	HUYỀN MÃN ĐẠT	HÀM TỬ	TRẦN HÙNG ĐẠO	11.700
		TRẦN HÙNG ĐẠO	TRẦN PHÚ	13.900
26	KIM BIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
27	KỶ HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
28	LÃO TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
29	LÊ HỒNG PHONG	HÙNG VƯƠNG	NGUYỄN TRÃI	15.300
		NGUYỄN TRÃI	TRẦN HÙNG ĐẠO	10.800
30	LÊ QUANG ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
31	LƯƠNG NHỮ HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
32	LIU XUÂN TÍN	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
33	LÝ THƯỜNG KIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		15.300
34	MẠC CỬU	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
35	MẠC THIÊN TÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
36	NGHĨA THỰC	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
37	NGÔ GIA TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
38	NGÔ NHÂN TỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
39	NGÔ QUYỀN	HÀM TỬ	TRẦN HÙNG ĐẠO	10.900
		TRẦN HÙNG ĐẠO	AN DƯƠNG VƯƠNG	13.900
		AN DƯƠNG VƯƠNG	NGUYỄN CHÍ THANH	10.300
40	NGUYỄN AN KHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
41	NGUYỄN ÁN	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
42	NGUYỄN BIỂU	NGUYỄN TRÃI	CAO ĐẠT	13.100
		CAO ĐẠT	HÀM TỬ	10.900
43	NGUYỄN CHÍ THANH	TRỌN ĐƯỜNG		16.800
44	NGUYỄN DUY DƯƠNG	NGUYỄN TRÃI	NGUYỄN CHÍ THANH	13.900
45	NGUYỄN KIM	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
46	NGUYỄN THI	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
47	NGUYỄN THỊ NHỎ	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
48	NGUYỄN THỜI TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
49	NGUYỄN TRÃI	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	19.500
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	HỌC LẠC	16.800
		HỌC LẠC	HỒNG BÀNG	15.300
50	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	HÀM TỬ	TRẦN HÙNG ĐẠO	10.900
		TRẦN HÙNG ĐẠO	NGUYỄN CHÍ THANH	18.300
51	NGUYỄN VĂN CỬ	BẾN CHƯƠNG DƯƠNG	TRẦN HÙNG ĐẠO	17.000
		TRẦN HÙNG ĐẠO	NGÃ SÁU NGUYỄN VĂN CỬ	19.400
52	NGUYỄN VĂN ĐỪNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
53	NHIÊU TÂM	TRỌN ĐƯỜNG		15.300
54	PHẠM BÂN	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
55	PHẠM HỮU CHÍ	NGUYỄN KIM	LÝ THƯỜNG KIẾT	13.900
		TRIỆU QUANG PHỤC	THUẬN KIỀU	10.300
		THUẬN KIỀU	HÀ TÔN QUYỀN	10.900
56	PHẠM ĐÔN	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
57	PHAN HUY CHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		9.100
58	PHAN PHÚ TIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
59	PHAN VĂN KHÔI	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
60	PHAN VĂN TRỊ	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
61	PHƯỚC HÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
62	PHÓ CƠ ĐIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
63	PHÙ ĐÔNG THIÊN VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
64	PHÙNG HÙNG	TRẦN VĂN KIỀU	TRỊNH HOÀI ĐỨC	14.700
		TRỊNH HOÀI ĐỨC	HỒNG BÀNG	16.800
65	PHÚ GIÁO	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
66	PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
67	PHÚ ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
68	SƯ VẠN HẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		15.300
69	TÂN HÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
70	TÂN HÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
71	TÂN THÀNH	THUẬN KIỀU	ĐỖ NGỌC THẠNH	10.900
		ĐỖ NGỌC THẠNH	TẠ UYÊN	12.500
		TẠ UYÊN	NGUYỄN THỊ NHỎ	10.900
72	TĂNG BẠT HỒ	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
73	TẠ UYÊN	HỒNG BÀNG	NGUYỄN CHÍ THANH	14.700
74	TẢN ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		12.700
75	THUẬN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		12.700
76	TỔNG DUY TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		9.100
77	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
78	TRẦN CHÁNH CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
79	TRẦN HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
80	TRẦN HÙNG ĐẠO	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	21.200
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	CHÂU VĂN LIÊM	18.300
		CHÂU VĂN LIÊM	HỌC LẠC	19.500
81	TRẦN NHÂN TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
82	TRẦN ĐIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		10.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
83	TRẦN PHÚ	TRẦN HUNG ĐẠO	NGUYỄN TRÃI	13.100
		NGUYỄN TRÃI	AN DƯƠNG VƯƠNG	15.300
		AN DƯƠNG VƯƠNG	NGÃ SÁU NGUYỄN VĂN CỬ	14.700
84	TRẦN TƯỚNG CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
85	TRẦN TUẤN KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
86	TRẦN VĂN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
87	TRẦN XUÂN HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
88	TRANG TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
89	TRIỆU QUANG PHỤC	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
90	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		14.700
91	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
92	VẠN TƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
93	VÕ TRƯỜNG TOẢN	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
94	VŨ CHÍ HIẾU	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
95	XÓM CHỈ	TRỌN ĐƯỜNG		9.100
96	XÓM VÔI	TRỌN ĐƯỜNG		10.900
97	YẾT KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		12.100

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 6

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	TÂN HÒA ĐÔNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	5.400
		KINH DƯƠNG VƯƠNG	LÝ CHIÊU HOÀNG	5.400
		LÝ CHIÊU HOÀNG	RANH QUẬN 8	4.200
2	BÀ HOM	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HÈM 76 Bà HOM	7.700
	BÀ HOM	HÈM 76 Bà HOM	AN DƯƠNG VƯƠNG	6.400
3	BÀ KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
4	BÀ LÀI	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
5	BÃI SẬY	NGÔ NHÂN TỊNH	BÌNH TIÊN	8.400
		BÌNH TIÊN	LÒ GÓM	7.400
6	BẾN LÒ GÓM	BẾN PHÚ LÂM	BÀ LÀI	5.200
		BÀ LÀI	TRẦN VĂN KIỂU	3.000
7	BẾN PHÚ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
8	BÌNH PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
9	BÌNH TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		8.500
10	BÌNH TIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		10.200
11	BỮU ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
12	CAO VÂN LẬU	LÊ QUANG SUNG	BÃI SẬY	11.500
		BÃI SẬY	TRẦN VĂN KIỂU	9.600
13	CHỢ LỚN	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
14	CHU VĂN AN	LÊ QUANG SUNG	BÃI SẬY	13.700
		BÃI SẬY	TRẦN VĂN KIỂU	9.400
15	ĐẶNG NGUYỄN CẦN	TÂN HÒA	TÂN HÒA ĐÔNG	6.400
		TÂN HÒA ĐÔNG	BÀ HOM	9.000
		BÀ HOM	KINH DƯƠNG VƯƠNG	7.800
16	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ ĐÀI RAĐA	PHƯỜNG 13		3.600
17	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM A	PHƯỜNG 12		3.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM B	PHƯỜNG 13		3.600
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM D	PHƯỜNG 10		3.600
20	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU PHỐ CHỢ PHÚ LÂM	PHƯỜNG 13, 14		4.800
21	ĐƯỜNG SỐ 10	PHƯỜNG 13		3.600
22	ĐƯỜNG SỐ 11	PHƯỜNG 13		3.600
23	GIA PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		9.400
24	HẬU GIANG	PHẠM ĐÌNH HỒ	MINH PHỤNG	14.400
		MINH PHỤNG	NGUYỄN VĂN LUÔNG	13.200
		NGUYỄN VĂN LUÔNG	MŨI TÀU	10.800
25	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	CẦU PHÚ LÂM	14.400
		CẦU PHÚ LÂM	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	13.700
26	HOÀNG LÊ KHA	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
27	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.800
28	LÊ QUANG SUNG	NGÔ NHÂN TỊNH	MAI XUÂN THƯỜNG	13.700
		MAI XUÂN THƯỜNG	MINH PHỤNG	8.400
		MINH PHỤNG	LÒ GỒM	6.800
29	LÊ TẤN KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
30	LÊ TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
31	LÊ TUẤN MẬU	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
32	LÝ CHIÊU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
33	MAI XUÂN THƯỜNG	LÊ QUANG SUNG	PHAN VĂN KHỎE	10.200
		PHAN VĂN KHỎE	TRẦN VĂN KIỂU	9.000
34	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
35	NGÔ NHÂN TỊNH	LÊ QUANG SUNG	PHAN VĂN KHỎE	12.800
		PHAN VĂN KHỎE	TRẦN VĂN KIỂU	12.800
36	NGUYỄN HỮU THẬN	TRỌN ĐƯỜNG		17.000
37	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
38	NGUYỄN ĐÌNH CHI	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
39	NGUYỄN PHẠM TUẤN	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
40	NGUYỄN THỊ NHỎ	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
41	NGUYỄN VĂN LUÔNG	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	HẬU GIANG	10.800
		HẬU GIANG	CẦU BÀ LÀI	8.500
		CẦU BÀ LÀI	LÝ CHIÊU HOÀNG	6.000
42	NGUYỄN XUÂN PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
43	PHẠM ĐÌNH HỒ	HỒNG BÀNG	BÃI SẬY	13.700
		BÃI SẬY	PHẠM VĂN CHÍ	9.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
44	PHẠM PHÚ THỨ	TRỌN ĐƯỜNG		8.500
45	PHẠM VĂN CHÍ	BÌNH TÂY	BÌNH TIÊN	9.000
		BÌNH TIÊN	LÒ GÓM	7.200
46	PHAN ANH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
47	PHAN VĂN KHỎE	NGÔ NHÂN TỊNH	MAI XUÂN THƯỜNG	10.200
		MAI XUÂN THƯỜNG	BÌNH TIÊN	8.400
		BÌNH TIÊN	LÒ GÓM	7.400
48	TÂN HÒA ĐÔNG	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	ĐẶNG NGUYỄN CĂN	6.400
		ĐẶNG NGUYỄN CĂN	AN DƯƠNG VƯƠNG	5.200
49	TÂN HÓA	HỒNG BÀNG	ĐẶNG NGUYỄN CĂN	6.000
		ĐẶNG NGUYỄN CĂN	CẦU TÂN HÓA	4.800
50	THÁP MƯỜI	TRỌN ĐƯỜNG		19.200
51	TRẦN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
52	TRẦN TRUNG LẬP	TRỌN ĐƯỜNG		9.800
53	TRẦN VĂN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
54	TRANG TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		11.500
55	VĂN THÂN	BÌNH TIÊN	BÀ LÀI	7.200
		BÀ LÀI	LÒ GÓM	5.200

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 7
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÉ VĂN CẨM	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
2	BẾN NGHÉ	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
3	BÙI VĂN BA	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
4	CÁC ĐƯỜNG TRONG CƯ XÁ NGÂN HÀNG			3.400
5	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ TÂN QUY ĐÔNG			3.400
6	CHUYÊN DỪNG 9	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
7	ĐÀO TRÍ	GÒ Ô MÔI	HOÀNG QUỐC VIỆT	1.700
		HOÀNG QUỐC VIỆT	TRƯỜNG HÀNG GIANG	1.700
8	ĐƯỜNG SỐ 10			4.200
9	ĐƯỜNG 17	ĐƯỜNG SỐ 10	MAI VĂN VĨNH	3.400
		ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 10	3.400
10	ĐƯỜNG 17 (PHƯỜNG TÂN THUẬN TÂY)	TÂN MỸ	LÂM VĂN BÈN	3.000
11	ĐƯỜNG 15B (PHƯỜNG PHÚ MỸ)	PHẠM HỮU LẦU	SÔNG PHÚ XUÂN	2.200
12	ĐƯỜNG 60, 62 LÂM VĂN BÈN (PHƯỜNG TÂN KIẾNG)	LÂM VĂN BÈN	CUỐI TRƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ	3.000
13	ĐƯỜNG 67			4.200
14	ĐƯỜNG CẦU TÂN THUẬN 2	CẦU TÂN THUẬN 2	NGUYỄN VĂN LINH	5.000
15	ĐƯỜNG NHÁNH CẦU TÂN THUẬN 2	TRẦN XUÂN SOẠN	ĐƯỜNG CẦU TÂN THUẬN 2	4.200
16	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở TÂN AN HUY			2.500
17	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN QUY ĐÔNG			
	ĐƯỜNG >= 16M			3.400
	ĐƯỜNG < 16M			2.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VEN SÔNG			
	ĐƯỜNG SONG HÀNH VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LINH			4.200
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq 16M$			3.400
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $< 16M$			2.500
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở TÂN PHONG			
	ĐƯỜNG SONG HÀNH VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ			4.200
	ĐƯỜNG NỐI LÊ VĂN LƯƠNG VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ			3.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\leq 12M$			2.500
20	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VẠN PHÁT HUNG			
	ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT NỐI DÀI			4.200
	ĐƯỜNG $\geq 16M$			3.400
	ĐƯỜNG $< 16M$			2.500
21	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CTY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CHỢ LỚN (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq 16M$			1.800
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $< 16M$			1.400
22	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂN THUẬN			2.900
23	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ BỘ NỘI VỤ			2.200
24	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU CƯ XÁ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG			2.200
25	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CẢNG BẾN NGHÉ			3.000
26	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG			3.000
27	ĐƯỜNG NỐI LÊ VĂN LƯƠNG VỚI NGUYỄN HỮU THỌ	NGUYỄN HỮU THỌ	LÊ VĂN LƯƠNG	5.500
28	ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ (CỦA CTY VẠN PHÁT HUNG ĐẦU TƯ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
29	ĐƯỜNG TRỰC CHÍNH KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ (CỦA CTY TTNT ĐẦU TƯ) (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		2.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
30	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ (CỦA CTY TTNT ĐẦU TƯ (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			1.700
31	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ (CỦA CTY VẠN PHÁT HƯNG ĐẦU TƯ) (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			1.700
32	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU QUY HOẠCH TÂN HƯNG (KIỂU ĐÀM NI TỰ)			4.200
33	ĐƯỜNG NHÁNH NỘI BỘ KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ TÂN HƯNG (KIỂU ĐÀM NI TỰ)			2.200
34	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRONG KHU DÂN CƯ (CỦA CÔNG TY NAM LONG ĐẦU TƯ)			2.500
35	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ (CỦA CÔNG TY NAM LONG ĐẦU TƯ) (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			2.200
36	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRONG KHU DÂN CƯ TÂN MỸ			4.200
37	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN MỸ			3.400
38	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1			4.200
39	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1 < 16M			2.500
40	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1 >= 16M			3.400
41	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ BỘ NỘI VỤ	NGUYỄN VĂN QUỲ	KHU DÂN CƯ BỘ NỘI VỤ	2.200
42	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ TÂN HƯNG			
	- ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
	- ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
43	PHÚ THUẬN (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
44	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN THÀNH LẬP (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	- ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
	- ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
45	ĐƯỜNG VÀO CHỢ GÒ Ô MÔI	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
46	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ LÊ HOÀI ANH (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		2.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
47	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN TRƯỜNG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			
	- ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
	- ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
48	ĐƯỜNG ĐÀO TRÍ NÓI DÀI (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
49	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ ĐÀO CHIẾN THẮNG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			
	- ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
	- ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
50	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ PHÚ MỸ (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	- ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
	- ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
51	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ NAM LONG (PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG)			
	- ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
	- ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
52	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VÕ VĂN THƠM (PHƯỜNG TÂN PHÚ)	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
53	KHU DÂN CƯ CỦA TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SÔNG MIỀN NAM	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
54	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NAM (PHƯỜNG TÂN PHÚ)			
	- ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
	- ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
55	GÒ Ô MÔI	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
56	HOÀNG QUỐC VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
57	HUỶNH TẤN PHÁT	CẦU TÂN THUẬN	NGUYỄN THỊ THẬP	6.400
		NGUYỄN THỊ THẬP	CẦU PHÚ XUÂN	5.000
58	LÂM VĂN BÈN	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
59	LÊ VĂN LƯƠNG	TRẦN XUÂN SOẠN	CẦU RẠCH BÀNG	5.000
		CẦU RẠCH BÀNG	CẦU RẠCH ĐĨA	4.200
60	LƯU TRỌNG LƯ	HUỶNH TẤN PHÁT	KHO 18	4.200
61	LÝ PHỤC MAN	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
62	MAI VĂN VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
63	NGUYỄN HỮU THỌ	CẦU KÊNH TỂ	BỜ SÔNG RẠCH ĐĨA	6.400
64	NGUYỄN THỊ THẬP	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
65	NGUYỄN VĂN LINH	TRỌN ĐƯỜNG		6.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
66	NGUYỄN VĂN QUỲ	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
67	PHẠM HỮU LÂU	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
68	PHAN HUY THỰC	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
69	TÂN MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
70	TÂN THUẬN TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
71	TRẦN TRỌNG CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
72	TRẦN VĂN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
73	TRẦN XUÂN SOẠN	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU ĐÔ THỊ NAM THÀNH PHỐ			
74	BERTRAND RUSSELL (CR.2102 + C22102)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
75	BÙI BẰNG ĐOÀN (BẮC PARK WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
76	CAO TRIỀU PHÁT (R.2102)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
77	ĐẶNG ĐẠI ĐỘ (R.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
78	ĐẶNG ĐỨC THUẬT (H.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
79	ĐÔ ĐỐC TUYẾT (CN.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
80	ĐƯỜNG 10	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
81	ĐƯỜNG 15	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
82	ĐƯỜNG 16	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
83	ĐƯỜNG 17	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
84	ĐƯỜNG 18	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
85	ĐƯỜNG 19	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
86	ĐƯỜNG 2	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
87	ĐƯỜNG 20	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
88	ĐƯỜNG 21	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
89	ĐƯỜNG 22	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
90	ĐƯỜNG 23	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
91	ĐƯỜNG 6	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
92	ĐƯỜNG B	HOÀNG VĂN THÁI	TRẦN VĂN TRÀ	5.000
		ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG 16	4.200
93	ĐƯỜNG C	HOÀNG VĂN THÁI	RẠCH CẢ CẨM	5.600
		RẠCH CẢ CẨM	ĐƯỜNG 23	5.000
94	ĐƯỜNG D	HOÀNG VĂN THÁI	TRẦN VĂN TRÀ	5.000
		ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG 16	4.200
95	ĐƯỜNG G	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
96	ĐƯỜNG N	TRẦN VĂN TRÀ	TÔN DẬT TIÊN	5.000
		NGUYỄN VĂN LINH	NGUYỄN ĐỒNG CHI	5.600
97	ĐƯỜNG O	TRỌN ĐƯỜNG		5.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
98	ĐƯỜNG P	NGUYỄN VĂN LINH	HÀ HUY TẬP	5.600
		ĐƯỜNG 10	TRẦN VĂN TRÀ	5.000
99	ĐƯỜNG U	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
100	HÀ HUY TẬP (H.2102)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
101	HOÀNG VĂN THÁI (CR.2101+C.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
102	HÙNG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
103	LÊ VĂN THÊM (R.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
104	LUTHER KING (CR.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
105	LÝ LONG TƯỜNG (H.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
106	MORISON (CR.2103+C.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
107	NGUYỄN BÌNH (H.2109)	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
108	NGUYỄN CAO (R.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
109	NGUYỄN ĐỨC CẢNH (NAM PARK WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
110	NGUYỄN KHẮC VIỆN (C.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
111	NGUYỄN LƯƠNG BẰNG (BROAD WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
112	NGUYỄN PHAN CHÁNH (H.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
113	PHẠM THÁI BỪNG (H.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
114	PHẠM THIỀU (CR.2104+C.2104)	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
115	PHẠM VĂN NGHỊ (H.2108)	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
116	PHAN KHIÊM ÍCH (R.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
117	PHAN VĂN CHƯƠNG (R.2107)	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
118	PHỐ TIỂU BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
119	PHỐ TIỂU ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
120	PHỐ TIỂU NAM	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
121	RAYMONDIENNE (C.2104)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
122	TÂN PHÚ (C.2109)	NGUYỄN VĂN LINH	CẦU CẢ CẨM 1	6.400
		CẦU CẢ CẨM 1	ĐƯỜNG 23	5.600
123	TÂN TRÀO (MARKET STREET)	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
124	TÔN DẬT TIÊN (CR.2105)	NGUYỄN VĂN LINH	TRẦN VĂN TRÀ	5.600
125	TRẦN VĂN TRÀ (C.2401+C.2404 ROI RIVER DRIVE)	TÂN PHÚ	PHAN VĂN CHƯƠNG	5.600
		ĐỒ ĐỐC TUYẾT	TÔN DẬT TIÊN	5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 8

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	CẢNG PHÚ ĐÌNH	CẦU MỸ THUẬN	4.200
2	ÂU DƯƠNG LÂN	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
3	BA ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
4	BA TỐ	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
5	BẾN CÀN GIUỘC	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
6	BẾN PHÚ ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
7	BẾN XÓM CỬI	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
8	BẾN Ụ CÂY	CẦU CHÁNH HƯNG	CẦU PHÁT TRIỂN	1.800
9	BÌNH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG (PHƯỜNG 11)	CẦU CHÀ VÀ	4.900
		CẦU CHÀ VÀ	CẦU SỐ 1	6.100
		CẦU SỐ 1	CẦU VĨNH MẬU	3.600
10	BÌNH ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
11	BÔNG SAO	PHẠM THẾ HIỂN	BÙI MINH TRỰC	3.500
		BÙI MINH TRỰC	TẠ QUANG BỬU	3.600
12	BÙI HUY BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
13	BÙI MINH TRỰC	BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	5.600
		QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	5.300
14	CÂY SUNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
15	CAO LỖ	PHẠM THẾ HIỂN	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
16	CAO XUÂN DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
17	CÁC ĐƯỜNG LÔ TRONG KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 9, 10	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
18	CÁC ĐƯỜNG SỐ CHẴN PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
19	CÁC ĐƯỜNG SỐ LẺ PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		4.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
20	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI BẢO THANH NIÊN PHƯỜNG 1	TỪ 12 MÉT ĐẾN 16 MÉT		4.200
		TỪ 6 MÉT ĐẾN DƯỚI 12 MÉT		3.600
21	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 4	TỪ 12 MÉT ĐẾN 16 MÉT		4.200
		TỪ 6 MÉT ĐẾN DƯỚI 12 MÉT		3.600
22	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 5	TỪ 12 MÉT ĐẾN 16 MÉT		4.200
		TỪ 6 MÉT ĐẾN DƯỚI 12 MÉT		3.600
23	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 6	TỪ 12 MÉT ĐẾN 16 MÉT		4.200
		TỪ 6 MÉT ĐẾN DƯỚI 12 MÉT		3.600
24	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 7	TỪ 12 MÉT ĐẾN 16 MÉT		3.000
		TỪ 6 MÉT ĐẾN DƯỚI 12 MÉT		2.500
25	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 16	TỪ 12 MÉT ĐẾN 16 MÉT		2.800
		TỪ 6 MÉT ĐẾN DƯỚI 12 MÉT		2.300
26	DẠ NAM	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
27	DÃ TƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
28	DƯƠNG BÁ TRẠC	PHẠM THẾ HIỂN	CẦU 290	5.600
		CẦU 290	CẦU SÔNG XÁNG	3.500
		TRƯỜNG RẠCH ÔNG	CẢNG PHƯỜNG 1	4.200
29	ĐẶNG CHẤT	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
30	ĐÀO CAM MỘC	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
31	ĐÌNH AN TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
32	ĐÌNH HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
33	ĐÔNG HỒ (ĐƯỜNG SỐ 11)	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
34	ĐƯỜNG 1011 PHẠM THẾ HIỂN	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
35	ĐƯỜNG 1107 PHẠM THẾ HIỂN (ĐỌC RẠCH HIỆP AN)	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
36	ĐƯỜNG 41 - PHÚ ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
37	ĐƯỜNG 44 - TRƯỞNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
38	ĐƯỜNG NỘI PHẠM THẾ HIỂN -BATƠ	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
39	ĐƯỜNG SỐ 111	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
40	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ PHÚ LỢI			3.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
41	ĐƯỜNG VEN SÔNG XÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
42	HỒ HỌC LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
43	HOÀNG MINH ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
44	HUNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
45	HOÀI THANH	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
46	HOÀNG ĐẠO THÚY	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
47	HOÀNG SĨ KHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
48	HUỶNH THỊ PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
49	LÊ QUANG KIM	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
50	LÊ THÀNH PHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
51	LƯƠNG NGỌC QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
52	LƯƠNG VĂN CAN	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
53	LƯU HỮU PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
54	LƯU QUÝ KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
55	LÝ ĐẠO THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
56	MẶC VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
57	MAI HẮC ĐẾ	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
58	MAI AM	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
59	MỄ CỐC	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
60	NGÔ SĨ LIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
61	NGUYỄN CHẾ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
62	NGUYỄN DUY	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
63	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
64	NGUYỄN NHƯỘC THỊ	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
65	NGUYỄN QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
66	NGUYỄN SĨ CỐ	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
67	NGUYỄN THỊ TÀN	TRỌN ĐƯỜNG		7.600
68	NGUYỄN VĂN CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
69	NGUYỄN VĂN LINH	ĐOẠN QUẬN 8		4.200
70	PHẠM HÙNG (P4)	PHẠM THẾ HIÊN	CHÂN CẦU CHÁNH HÙNG	6.000
		CHÂN CẦU CHÁNH HÙNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	7.600
71	PHẠM HÙNG (P9)	BA ĐÌNH	HUNG PHÚ	6.000
		HUNG PHÚ	NGUYỄN DUY	5.400
72	PHẠM THẾ HIÊN	CẦU RẠCH ÔNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	7.200
		CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	CẦU BÀ TÀNG	6.000
		CẦU BÀ TÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
73	PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
74	QUỐC LỘ 50	PHẠM THỂ HIỂN	CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	6.000
		CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	7.200
75	RẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
76	RẠCH CÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
77	RẠCH LÔNG ĐÈN	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
78	TẠ QUANG BỬU	CẢNG PHƯỜNG 1	DƯƠNG BÁ TRẠC	4.800
		DƯƠNG BÁ TRẠC	ÂU DƯƠNG LÂN	4.200
		ÂU DƯƠNG LÂN	PHẠM HÙNG	4.800
		PHẠM HÙNG	QUỐC LỘ 50	6.700
		QUỐC LỘ 50	RẠCH BÀ TÀNG	6.100
79	TRẦN NGUYỄN HÃN	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
80	TRẦN VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
81	TRƯƠNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
82	TÙNG THIỆN VƯƠNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG (2 BÊN HÔNG CẦU)	NGUYỄN VĂN CỬA	4.900
		NGUYỄN VĂN CỬA	ĐÌNH HÒA	7.600
		ĐÌNH HÒA	CUỐI ĐƯỜNG	7.100
83	TUY LÝ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
84	ỮU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
85	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		7.600
86	VĨNH NAM	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
87	VỠ TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		4.200

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 9
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÙI QUỐC KHÁI	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
2	BỤNG ÔNG THOÀN	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
3	BỤNG SÁU XÃ	XA LỘ HÀ NỘI	NAM CAO	1.400
4	CẦU ĐÌNH	GIAO ĐƯỜNG LONG PHƯỚC	SÔNG ĐỒNG NAI	1.200
5	CẦU XÂY	ĐẦU TUYẾN (HOÀNG HỮU NAM)	CUỐI TUYẾN NAM CAO	1.400
6	CẦU XÂY 2	ĐẦU TUYẾN NAM CAO	CUỐI TUYẾN (CẦU XÂY 1)	1.400
7	DÂN CHỦ, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG	ĐƯỜNG VÀO NHÀ MÁY BỘT GIẶT VISO	2.200
8	DƯƠNG ĐÌNH HỘI	ĐỒ XUÂN HỢP	NGÃ 3 BỤNG ÔNG THOÀN	1.200
9	ĐẠI LỘ 2, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
10	ĐẠI LỘ 3, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
11	ĐÌNH PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
12	ĐỒ XUÂN HỢP	NGÃ 4 BÌNH THÁI	CẦU NĂM LÝ	3.000
		CẦU NĂM LÝ	NGUYỄN DUY TRINH	1.600
13	ĐƯỜNG 100, PHƯỜNG TÂN PHÚ	CẦU XÂY 1	ĐƯỜNG 671	1.200
14	ĐƯỜNG 100, ẤP TÂN NHƠN, PHƯỜNG TÂN PHÚ	QUỐC LỘ 1A	CÔNG 1 SUỐI TIÊN	2.400
		CÔNG 1 SUỐI TIÊN	NAM CAO	1.200
15	ĐƯỜNG 109, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
16	ĐƯỜNG 11	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	1.200
17	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRƯƠNG VĂN HẢI	ĐƯỜNG 8	1.200
18	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG 11	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
19	ĐƯỜNG 1-20, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
20	ĐƯỜNG 120, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
21	ĐƯỜNG 138, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
22	ĐƯỜNG 144, PHƯỜNG TÂN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 138	1.200
23	ĐƯỜNG 147, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
24	ĐƯỜNG 15	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
25	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
26	ĐƯỜNG 160, PHƯỜNG TĂNG NHON PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
27	ĐƯỜNG 179, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	TÁI ĐỊNH CƯ CẦU XÂY	1.200
28	ĐƯỜNG 185, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
29	ĐƯỜNG 18A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 6A	ĐƯỜNG SỐ 9	1.400
30	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐẠI LỘ 2	ĐƯỜNG SỐ 6D	1.400
31	ĐƯỜNG 197, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG	1.200
32	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
33	ĐƯỜNG 215, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG	1.200
34	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
35	ĐƯỜNG 22-25, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
36	ĐƯỜNG 23	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
37	ĐƯỜNG 24	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
38	ĐƯỜNG 245, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG	1.200
39	ĐƯỜNG 29	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
40	ĐƯỜNG 297, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
41	ĐƯỜNG 339, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
42	ĐƯỜNG 359, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	ĐỖ XUÂN HỢP	DƯƠNG ĐÌNH HỘI	1.200
43	ĐƯỜNG 400, PHƯỜNG TÂN PHÚ	QUỐC LỘ 1A	HOÀNG HỮU NAM	1.400
44	ĐƯỜNG 442, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	LÃ XUÂN OAI	1.200
45	ĐƯỜNG 475, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
46	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	ĐỖ XUÂN HỢP	NGÃ 4 ĐƯỜNG 79	1.200
		NGÃ 4 ĐƯỜNG 79	TĂNG NHƠN PHÚ	1.400
47	ĐƯỜNG 671, PHƯỜNG TÂN PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG 100	1.200
48	ĐƯỜNG 6A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐƯỜNG 18B	1.400
49	ĐƯỜNG 6B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	1.400
50	ĐƯỜNG 6C, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	1.400
51	ĐƯỜNG 6D, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG SỐ 21	1.400
52	ĐƯỜNG 79, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
53	ĐƯỜNG 990 (GÒ TRẠNG)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
54	ĐƯỜNG LÀNG TĂNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
55	ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
56	ĐƯỜNG NHÀ THIẾU NHI	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYỀN	3.100
57	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
58	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LONG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
59	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG BÌNH	LONG SON	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
60	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
61	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	TAM ĐA	SÔNG TẮC	1.200
62	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 11	1.200
63	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
64	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG LONG BÌNH	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
65	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
66	ĐƯỜNG SỐ 154, TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
67	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
68	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
69	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
70	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
71	ĐƯỜNG SỐ 207, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	1.600
72	ĐƯỜNG SỐ 236, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	NGÃ 3 TRƯƠNG VĂN THÀNH	ĐÌNH TĂNG PHÚ	1.200
73	ĐƯỜNG SỐ 265, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	MAN THIỆN	2.200
74	ĐƯỜNG SỐ 275, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	2.200
75	ĐƯỜNG SỐ 311, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	1.600
76	ĐƯỜNG SỐ 379, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
77	ĐƯỜNG SỐ 385, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
78	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
79	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
80	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIỂN	SÔNG ĐỒNG NAI	1.200
81	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG THẠNH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
82	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
83	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	DỰ ÁN ĐÔNG TĂNG LONG	1.200
84	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
85	ĐƯỜNG SỐ 68, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYỀN	2.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
86	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
87	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG TRƯỜNG THẠNH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
88	ĐƯỜNG SỐ 8	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	1.200
89	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
90	ĐƯỜNG SỐ 85, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	TÂN LẬP I	1.800
91	ĐƯỜNG SỐ 904, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	QUỐC LỘ 22	TÂN HÒA II	2.200
92	ĐƯỜNG TÔ 1 ẤP LONG HÒA	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
93	GÒ CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
94	GÒ NỘI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
95	HAI BÀ TRƯNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
96	HÀNG TRE	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
97	HỒ BÁ PHẦN	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
98	HOÀNG HỮU NAM	NGÃ 3 XA LỘ HÀ NỘI (NGHĨA TRANG LIỆT SĨ THÀNH PHỐ)	NGÃ 3 MỸ THÀNH	1.900
99	HỒNG SÊN	ĐÀU TUYẾN (BÙI QUỐC KHÁI)	CUỐI ĐƯỜNG (ĐƯỜNG 24)	1.200
100	HUỲNH THỨC KHÁNG	NGÔ QUYỀN	KHÔNG TỬ	2.600
101	ÍCH THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
102	KHÔNG TỬ	HAI BÀ TRƯNG	NGÔ QUYỀN	2.600
103	LÃ XUÂN OAI	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	NGÃ 3 LONG TRƯỜNG	2.600
104	LÊ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
105	LÊ VĂN VIỆT	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	5.000
		NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	CẦU BẾN NỌC	4.300
		CẦU BẾN NỌC	NGÃ 3 MỸ THÀNH	3.600
106	LÒ LU	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
107	LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
108	LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
109	LONG THUẬN	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
110	MẠC HIỂN TÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
111	MAN THIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
112	NAM CAO	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
113	NAM HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
114	NGÔ QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		2.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
115	NGUYỄN CÔNG TRÚ	HAI BÀ TRUNG	TRẦN HƯNG ĐẠO	2.200
116	NGUYỄN DUY TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
117	NGUYỄN THÁI HỌC	HAI BÀ TRUNG	TRẦN QUỐC TOẢN	2.200
118	NGUYỄN VĂN TĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
119	NGUYỄN VĂN THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
120	NGUYỄN XIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
121	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
122	PHAN ĐẠT ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
123	PHAN ĐÌNH PHÙNG	KHÔNG TỬ	LÊ LỢI	2.200
124	PHƯỚC THIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
125	QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
126	QUANG TRUNG (NÓI DÀI)	ĐƯỜNG 12	CUỐI TUYẾN	2.200
127	TAM ĐA	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU HAI TÝ	1.200
		CẦU HAI TÝ	RẠCH MƯƠNG	1.200
		RẠCH MƯƠNG	SÔNG TẮC	1.200
128	TÂN HÒA II	TRƯƠNG VĂN THÀNH	MAN THIÊN	1.600
129	TÂN LẬP I, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	QUỐC LỘ 50	2.200
130	TÂN LẬP II	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
131	TĂNG NHƠN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
132	TÂY HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
133	TRẦN HƯNG ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
134	TRẦN QUỐC TOẢN	KHÔNG TỬ	LÊ LỢI	2.200
135	TRẦN TRỌNG KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
136	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
137	TRƯƠNG HANH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
138	TRƯỜNG LƯU	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
139	TRƯƠNG VĂN HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
140	TRƯƠNG VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
141	TÚ XƯƠNG	PHAN CHU TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
142	VÕ VĂN HÁT	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
143	XA LỘ HÀ NỘI	CẦU RẠCH CHIẾC	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	2.200
		NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGHĨA TRANG LIỆT SĨ	1.800

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 10**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÀ HẠT	NGÔ GIA TỰ	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	10.500
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	NGUYỄN KIM	11.300
2	BA VÌ	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
3	BẠCH MÃ	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
4	BỮU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
5	BẮC HẢI	CÁCH MẠNG THÁNG TÁM	ĐỒNG NAI	7.300
	BẮC HẢI (NÓI DÀI)	ĐỒNG NAI	LÝ THƯỜNG KIỆT	7.700
6	CAO THẮNG	ĐIỆN BIÊN PHỦ	ĐƯỜNG 3/2	12.600
		ĐƯỜNG 3/2	HOÀNG DƯ KHƯƠNG	12.000
7	CÁC ĐƯỜNG TRONG CƯ XÁ BẮC HẢI			5.700
8	CÁCH MẠNG THÁNG 8	VÕ THỊ SÁU	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	16.900
9	CHÂU THỜI	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
10	CỬU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		6.900
11	ĐIỆN BIÊN PHỦ	NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	NGÃ 3 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	15.600
12	ĐỒNG NAI	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
13	ĐÀO DUY TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
14	ĐƯỜNG 3/2	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	19.100
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	LÊ HỒNG PHONG	19.100
		LÊ HỒNG PHONG	NGÃ 6 CÔNG TRƯỜNG DÂN CHỦ	19.100
15	HỒ BÁ KIỆN	TÔ HIỀN THÀNH	TRƯỜNG SƠN	7.300
16	HỒ THỊ KỶ	LÝ THÁI TÔ	HÙNG VƯƠNG	5.900
17	HỒNG LĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
18	HƯNG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
19	HÒA HẢO	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
20	HÒA HƯNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
21	HOÀNG DƯ KHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
22	HƯƠNG GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
23	HÙNG VƯƠNG	LÝ THÁI TỎ	NGUYỄN CHÍ THANH	12.400
24	LÊ HỒNG PHONG	KỶ HÒA	ĐƯỜNG 3/2	13.400
		ĐƯỜNG 3/2	NGÃ 7 LÝ THÁI TỎ	13.900
		NGÃ 7 LÝ THÁI TỎ	HÙNG VƯƠNG	13.000
25	LÝ THÁI TỎ	TRỌN ĐƯỜNG		13.900
26	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN CHÍ THANH	RANH QUẬN TÂN BÌNH	15.600
27	NGÔ GIA TỰ	NGÃ 7 LÝ THÁI TỎ	HÒA HẢO	18.200
		HÒA HẢO	NGÃ 6 NGUYỄN TRI PHƯƠNG	17.600
28	NGÔ QUYỀN	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	10.000
29	NGUYỄN NGỌC LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
30	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	13.700
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	HÙNG VƯƠNG	12.400
31	NGUYỄN DUY DƯƠNG	BÀ HẠT	NGUYỄN CHÍ THANH	9.500
32	NGUYỄN KIM	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	10.100
33	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
34	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
35	NGUYỄN TIỂU LA	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
36	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	17.600
37	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	9.800
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	NGUYỄN DUY DƯƠNG	8.200
38	SƯ VẠN HẠNH	TÔ HIỂN THÀNH	ĐƯỜNG 3/2	13.400
		ĐƯỜNG 3/2	NGÔ GIA TỰ	12.400
		NGÔ GIA TỰ	NGUYỄN CHÍ THANH	10.100
39	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGÔ QUYỀN	9.900
40	THẮT SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
41	THÀNH THÁI	ĐƯỜNG 3/2	TÔ HIỂN THÀNH	17.300
	THÀNH THÁI (NÓI DÀI)	TÔ HIỂN THÀNH	BẮC HẢI (NÓI DÀI)	18.600
42	TÔ HIỂN THÀNH	LÝ THƯỜNG KIẾT	THÀNH THÁI	13.000
		THÀNH THÁI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	15.000
43	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.600
44	TRẦN MINH QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
45	TRẦN NHÂN TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		8.500
46	TRẦN THIỆN CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
47	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		7.400
48	VĨNH VIỄN	LÊ HỒNG PHONG	NGUYỄN LÂM	9.800
		NGUYỄN LÂM	NGUYỄN KIM	8.200
		NGUYỄN KIM	LÝ THƯỜNG KIẾT	10.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 11
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ÂU CƠ	BÌNH THỚI	RANH QUẬN TÂN BÌNH	8.600
2	BÌNH DƯƠNG THI XÃ	ÂU CƠ	ÔNG ÍCH KHIÊM	4.300
3	BÌNH THỚI	LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	7.200
		MINH PHỤNG	LẠC LONG QUÂN	5.800
4	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ LỮ GIA			5.800
5	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
6	ĐẶNG MINH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
7	ĐÀO NGUYỄN PHỔ	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
8	ĐỖ NGỌC THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
9	ĐỘI CUNG (QUÂN SỰ CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
10	ĐƯỜNG 100 BÌNH THỚI	BÌNH THỚI	HÈM 86 ÔNG ÍCH KHIÊM	5.200
11	ĐƯỜNG 281 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	5.800
12	ĐƯỜNG 3/2	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	14.500
		LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	13.200
13	ĐƯỜNG 702 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	DỰ PHÓNG	4.900
14	ĐƯỜNG 762 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	4.300
15	ĐƯỜNG SỐ 2 CƯ XÁ LỮ GIA	ĐƯỜNG 52 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	7.200
16	ĐƯỜNG SỐ 3 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	7.200
17	ĐƯỜNG SỐ 2, 5, 9	CƯ XÁ BÌNH THỚI		5.200
18	ĐƯỜNG SỐ 3, 7	CƯ XÁ BÌNH THỚI		5.200
19	ĐƯỜNG SỐ 3A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		4.300
20	ĐƯỜNG SỐ 4, 6, 8	CƯ XÁ BÌNH THỚI		4.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
21	ĐƯỜNG SỐ 5A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		4.300
22	ĐƯỜNG SỐ 7A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		4.300
23	DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
24	DƯƠNG TỬ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
25	HÀ TÔN QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
26	HÀN HẢI NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
27	HÀN HẢI NGUYỄN (NÓI DÀI)	PHÚ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	5.200
28	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	TÂN HÓA	14.400
29	HOÀNG ĐỨC TƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
30	HÒA BÌNH	LẠC LONG QUÂN	RANH QUẬN TÂN PHÚ	9.600
31	HÒA HẢO	TRỌN ĐƯỜNG		9.800
32	HUYỆN TOẠI	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
33	KHUÔNG VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
34	LẠC LONG QUÂN	LẠC LONG QUÂN (NÓI DÀI)	HÒA BÌNH	7.200
		HÒA BÌNH	ÂU CƠ	8.600
35	LẠC LONG QUÂN (NÓI DÀI)	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
36	LÃNH BINH THẮNG	ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỚI	8.600
37	LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN CHÍ THANH	ĐƯỜNG 3/2	8.600
		ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỚI	12.600
38	LÊ THỊ BẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
39	LÊ TUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
40	LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	12.000
41	LÒ SIÊU	QUÂN SỰ	ĐƯỜNG 3/2	5.800
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	7.200
42	LÝ NAM ĐẾ	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	8.600
43	LÝ THƯỜNG KIỆT	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN CHÍ THANH	14.500
44	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		10.800
45	NGUYỄN BÁ HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
46	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	12.600
		LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	10.800
		NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	8.600
47	NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	10.800
48	NGUYỄN THỊ NHỎ (NÓI DÀI)	BÌNH THỚI	THIÊN PHƯỚC	7.800
49	NGUYỄN VĂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		4.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
50	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ NAM ĐẾ	8.600
		LÝ NAM ĐẾ	CUỐI ĐƯỜNG	5.800
51	ÔNG ÍCH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
52	PHAN XÍCH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
53	PHÓ CƠ ĐIỀU	ĐƯỜNG 3/2	TRẦN QUÝ	10.800
		TRẦN QUÝ	NGUYỄN CHÍ THANH	9.000
54	PHÚ THỌ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
55	QUÂN SỰ	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
56	TÂN HÓA	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
57	TÂN KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
58	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ NAM ĐẾ	5.800
		LÊ ĐẠI HÀNH	LÊ THỊ RIÊNG	7.200
59	TÂN THÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÒ SIÊU	5.800
60	TẠ UYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
61	THÁI PHIÊN	ĐỘI CUNG	ĐƯỜNG 3/2	5.800
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	7.200
62	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ (NỐI DÀI)	LÝ THƯỜNG KIỆT	5.800
63	THUẬN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
64	TÔN THẮT HIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
65	TỔNG LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
66	TỔNG VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
67	TRẦN QUÝ	LÊ ĐẠI HÀNH	TẠ UYÊN	8.600
		TẠ UYÊN	NGUYỄN THỊ NHỎ	7.200
68	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	ÂU CƠ	TỔNG VĂN TRÂN	4.200
69	TUỆ TĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
70	VĨNH VIỄN	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
71	XÓM ĐẤT	TRỌN ĐƯỜNG		5.400

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN 12
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÙI CÔNG TRÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
2	BÙI VĂN NGŨ	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
3	ĐÌNH GIAO KHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
4	ĐÔNG HÙNG THUẬN 2	NGUYỄN VĂN QUÁ	ĐÔNG HÙNG THUẬN 11	1.300
5	HÀ HUY GIÁP	CẦU AN LỘC	NGÃ TƯ GA	3.600
		NGÃ TƯ GA	CẦU PHÚ LONG	1.300
6	HIỆP THÀNH 13	NGUYỄN ẢNH THỦ	HIỆP THÀNH 39	1.400
7	HIỆP THÀNH 17	HIỆP THÀNH 37	NGUYỄN ẢNH THỦ	1.300
8	HIỆP THÀNH 27	NGUYỄN ẢNH THỦ	HIỆP THÀNH 37	1.300
9	LÊ ĐỨC THỌ	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
10	LÊ THỊ RIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
11	LÊ VĂN KHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
12	NGUYỄN ẢNH THỦ	LÊ VĂN KHƯƠNG	TÔ KÝ	1.800
		TÔ KÝ	QUỐC LỘ 22	3.300
13	NGUYỄN THÀNH VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
14	NGUYỄN VĂN QUÁ	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
15	PHAN VĂN HÓN	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
16	QUỐC LỘ 1A	GIÁP BÌNH TÂN	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	2.600
		NGÃ TƯ AN SƯƠNG	VÒNG XOAY QUANG TRUNG	3.600
		VÒNG XOAY QUANG TRUNG	TỈNH LỘ 16	3.600
		TỈNH LỘ 16	NGÃ TƯ GA	2.400
		NGÃ TƯ GA	CẦU BÌNH PHƯỚC	2.400
17	QUỐC LỘ 22	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	NGÃ TƯ TRUNG CHÁNH	3.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
18	TÂN CHÁNH HIỆP 10	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
19	ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG (TRƯỚC TRUNG TÂM Y TẾ)	NGÃ 3 HỒ ĐÀO	NGUYỄN ẨM THỦ	1.300
20	TÂN THỚI HIỆP 22	HIỆP THÀNH 37	PHÍA SAU TRẠM ĐIỆN HỐC MÔN	1.300
21	TÂN THỚI NHẤT 1	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 1 A	1.600
22	TÂN THỚI NHẤT 2	TÂN THỚI NHẤT 1	TÂN THỚI NHẤT 5	1.200
23	TÂN THỚI NHẤT 6	PHAN VĂN HÓN	TÂN THỚI NHẤT 1	1.200
24	TÂN THỚI NHẤT 8	TÂN THỚI NHẤT 2	PHAN VĂN HÓN	1.300
		PHAN VĂN HÓN	RẠCH CẦU SA	1.300
25	THẠNH LỘC 30	HÀ HUY GIÁP	TRẠI CÁ SÁU HOA CÀ	1.200
26	THẠNH XUÂN 13	QUỐC LỘ 1 A	CÔNG GÒ SAO	1.200
27	THỚI AN 19	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	1.600
28	TỈNH LỘ 15	CẦU CHỢ CẦU	QUỐC LỘ 1 A	4.200
29	TÔ KÝ	CẦU VƯỢT QUANG TRUNG	NGÃ 3 BÀU	3.500
30	TÔ NGỌC VÂN	CẦU BẾN PHÂN	QUỐC LỘ 1 A	1.400
		QUỐC LỘ 1 A	HÀ HUY GIÁP	1.200
31	TRUNG MỸ TÂY 13	TÔ KÝ	TUYẾN NƯỚC SẠCH	1.900
32	TRUNG MỸ TÂY 08	NGUYỄN ẨM THỦ	NHÀ TƯỚNG NIỆM NGUYỄN AN NINH	1.700
33	TRUNG MỸ TÂY 2A	QUỐC LỘ 22	TRƯỜNG QUÂN KHU 7	1.900
34	TRƯỜNG CHINH	CẦU THAM LƯƠNG	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	6.000
35	VƯỜN LÀI	QUỐC LỘ 1 A	CẦU RẠCH GIA	1.600
		CẦU RẠCH GIA	CẦU BẾN CÁT	1.300

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN TÂN BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ẤP BẮC	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	5.000
2	ÂU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
3	BA GIA	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
4	BA VÂN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ÂU CƠ	4.800
5	BA VÌ	THẮNG LONG	KÊNH SÂN BAY (A41)	4.800
6	BẮC HẢI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	CUỐI ĐƯỜNG	5.800
7	BẠCH ĐẰNG 1	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	NGÃ BA HỒNG HÀ - BẠCH ĐẰNG 2	5.000
8	BẠCH ĐẰNG 2	NGÃ 3 HỒNG HÀ	CUỐI ĐƯỜNG	7.000
9	BÀNH VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
10	BÀU BÀNG	NÚI THÀNH	BÌNH GIÃ	5.000
11	BÀU CÁT	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	7.000
		ĐỒNG ĐEN	VỖ THÀNH TRANG	6.000
12	BC1	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HẸM 273 BÀU CÁT	4.800
13	BC2	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HẸM 273 BÀU CÁT	4.800
14	BC3	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HẸM 273 BÀU CÁT	4.800
15	BC4	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	4.800
16	BC5	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	4.800
17	BC6	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	4.800
18	BC7	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	4.800
19	BC9	ÂU CƠ	ĐỒNG ĐEN	4.800
		ĐỒNG ĐEN	HỒNG LẠC	4.000
20	BẾ VĂN ĐÀN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	4.800
21	BẾN CÁT	ĐƯỜNG PHÚ HÒA	NGHĨA PHÁT	4.000
22	BÌNH GIÃ	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	6.000
23	BÙI THỊ XUÂN	HOÀNG VĂN THỤ	KÊNH NHIÊU LỘC	6.000
24	CA VĂN THỈNH	VỖ THÀNH TRANG	ĐỒNG ĐEN	4.800
25	CẦU CÔNG LỠ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	2.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
26	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
27	CHẤN HUNG	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NGHĨA HÒA NỐI DÀI	3.600
28	CHÂU VĨNH TẾ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
29	CHÍ CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
30	CHÍ LINH	KHAI TRÍ	ĐẠI NGHĨA	3.600
31	CHỮ ĐỒNG TỬ	BÀNH VĂN TRẦN	VÂN CÔI	3.600
32	CỘNG HÒA	TRƯỜNG CHINH	LÃNG CHA CẢ	12.500
33	CỬU LONG	TRƯỜNG SƠN	YÊN THẾ	5.500
34	CÙ CHÍNH LAN	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIỂN LÊ	4.800
35	DÂN TRÍ	NGHĨA HÒA	KHAI TRÍ	3.600
36	ĐỌC BỜ KÊNH NHIÊU LỘC	NGÃ BA ĐƯỜNG LÊ BÌNH, ÚT TỊCH	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN VÀ QUẬN 3	5.000
37	DƯƠNG VÂN NGA	NGUYỄN BẠC	ĐƯỜNG 122 PHẠM VĂN HAI	5.500
38	DUY TÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIẾN	4.000
39	ĐẠI NGHĨA	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	3.600
40	ĐẶNG LỘ	NGHĨA PHÁT	CHỮ ĐỒNG TỬ	3.600
41	ĐẤT THÁNH	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẮC HẢI	4.800
42	ĐỒ SƠN	THĂNG LONG	HÈM SỐ 6 HẢI VÂN	4.800
43	ĐÔNG HỒ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	4.800
44	ĐÔNG NAI	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	5.500
45	ĐÔNG ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
46	ĐÔNG SƠN	VÂN CÔI	BA GIA	4.000
47	ĐÔNG XOÀI	BÌNH GIÃ	HOÀNG HOA THẨM	5.000
48	ĐÌNH ĐIỀN	DƯƠNG VÂN NGA	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI	4.800
49	ĐƯỜNG A4	CỘNG HÒA	TRƯỜNG CHINH	6.000
50	ĐƯỜNG B6	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
51	ĐƯỜNG KẾ XÍ NGHIỆP ĐÔNG LẠNH	ÂU CƠ	VƯỜN LAN	3.600
52	ĐƯỜNG 122 PHẠM VĂN HAI	PHẠM VĂN HAI	LÊ VĂN SỸ	5.500
53	ĐƯỜNG 175 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	4.000
54	ĐƯỜNG B1	THÂN NHÂN TRUNG	ĐƯỜNG 12	4.800
55	ĐƯỜNG C1	CỘNG HÒA	NGUYỄN QUANG BÍCH	4.800
56	ĐƯỜNG C12	CỘNG HÒA	ĐƯỜNG B1	4.800
57	ĐƯỜNG C18	CỘNG HÒA	NGUYỄN THÁI BÌNH	4.800
58	ĐƯỜNG C2	NGUYỄN QUANG BÍCH	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
59	ĐƯỜNG C22	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	4.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
60	ĐƯỜNG C27	ĐƯỜNG A4	NGUYỄN BÁ TUYẾN (C29)	4.800
61	ĐƯỜNG C3	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	4.800
62	ĐƯỜNG D50	NGUYỄN MINH HOÀNG (C25)	CỘNG HÒA	4.800
63	ĐƯỜNG D51	ĐƯỜNG C20	NGUYỄN THÁI BÌNH	4.800
64	ĐƯỜNG D52	ĐƯỜNG D50	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
65	ĐƯỜNG HÔNG TRƯỜNG MÂM NON 10	ĐƯỜNG TRƯỚC TRƯỜNG MÂM NON 10	NI SƯ HUỖNH LIÊN	3.000
66	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI	ĐƯỜNG 122 PHẠM VĂN HAI	NHÀ SỐ 130/9 PHẠM VĂN HAI	6.000
67	ĐƯỜNG SỐ 1	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
68	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
69	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
70	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
71	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
72	ĐƯỜNG SỐ 6	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
73	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG HÔNG TRƯỜNG MÂM NON 10	3.000
74	ĐƯỜNG TÔ 46-P10	HÔNG LẠC	ĐƯỜNG SỐ 1	3.000
75	ĐƯỜNG TRƯỚC TRƯỜNG MÂM NON 10	HÔNG LẠC	NI SƯ HUỖNH LIÊN	3.000
76	ĐỒNG ĐÀ	CỬU LONG	TIỀN GIANG	5.500
77	GIẢI PHÓNG	THĂNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
78	GÒ CẨM ĐỆM	LẠC LONG QUÂN	TRẦN VĂN ĐANG	3.000
79	HẬU GIANG	THĂNG LONG	TRƯỜNG SƠN	5.500
80	HÀ BÁ TƯỜNG	TRƯỜNG CHINH	LÊ LAI	4.800
81	HÁT GIANG	LAM SƠN	YÊN THẾ	5.500
82	HIỆP NHẤT	HÒA HIỆP	NHÀ SỐ 1024 HIỆP NHẤT	4.000
83	HÔNG HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
84	HÔNG LẠC	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	4.800
85	HÔNG LẠC (HƯƠNG LỘ 2)	ÂU CƠ	KÊNH ĐỒNG ĐEN	4.800
86	HOÀNG BẬT ĐẠT	NGUYỄN PHÚC CHU	CỔNG LỖ	2.800
87	HOÀNG HOA THẨM	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	7.000
		CỘNG HÒA	RANH SÂN BAY	5.500
88	HOÀNG KẾ VIÊM (C21)	ĐƯỜNG A4	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
89	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN VĂN TRỖI	NGÃ 4 BẢY HIỀN	11.200
90	HOÀNG VIỆT	HOÀNG VĂN THỤ	LÊ BÌNH	8.000
91	HÙNG HÓA	CHẶN HÙNG	NGÃ 3 THÁNH GIA	3.600
92	HÒA HIỆP	HIỆP NHẤT	NHÀ 1253 HÒA HIỆP	3.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
93	HUỶNH TỊNH CỬA	SƠN HƯNG	NGUYỄN TỬ NHA	4.800
94	HUỶNH VĂN NGHỆ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	1.700
95	KHAI QUANG	CHỢ NAM HÒA	ĐẤT THÁNH	3.600
96	KHAI TRÍ	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	3.600
97	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	ÂU CƠ	8.000
98	LAM SƠN	SÔNG NHUỆ	HỒNG HÀ	5.500
99	LÊ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
100	LÊ DUY NHUẬN (C28)	ĐƯỜNG C19	ĐƯỜNG A4	4.800
101	LÊ LAI	TRƯỜNG CHINH	HÈM 291 TRƯỜNG CHINH	4.000
102	LÊ LỢI	TRƯỜNG CHINH	HÈM 11 LÊ LAI	4.000
103	LÊ MINH XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	7.000
		LÝ THƯỜNG KIỆT	VÂN CÔI	4.000
104	LÊ NGÂN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN TỬ NHA	4.800
105	LÊ TẤN QUỐC	CỘNG HÒA	NHÁT CHI MAI	4.800
106	LÊ TRUNG NGHĨA (C26)	C13	HOÀNG HOA THÁM	4.800
107	LÊ VĂN HUÂN	CỘNG HÒA	ĐƯỜNG B1	4.800
108	LÊ VĂN SỸ	LÃNG CHA CẢ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	9.800
109	LỘC HƯNG	CHẤN HƯNG	NGÃ 3 NHÀ THỜ LỘC HƯNG	3.200
110	LỘC VINH	NGHĨA PHÁT	NGHĨA HÒA	3.600
111	LONG HƯNG	BẾN CÁT	BA GIA	4.000
112	LƯU NHÂN CHÚ	PHẠM VĂN HAI	HÈM 98 CÁCH MẠNG THÁNG 8	3.200
113	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 4 BẢY HIỀN	RANH QUẬN 10	11.200
114	MAI LÃO BẠNG	THÂN NHÂN TRUNG	TRẦN VĂN DƯ	4.800
115	NĂM CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
116	NGHĨA HƯNG	HÈM TỔ 36	HÈM TỔ 28	3.600
117	NGHĨA HÒA	NGHĨA PHÁT	BẮC HẢI	3.600
118	NGHĨA PHÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẾN CÁT	4.700
		BẾN CÁT	BÀNH VĂN TRÂN	4.800
119	NGÔ BỆ	CỘNG HÒA	ĐƯỜNG B1	4.800
120	NGỰ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
121	NGUYỄN BẠC	PHẠM VĂN HAI	DƯƠNG VĂN NGA	6.000
122	NGUYỄN BÁ TÔNG	TRƯỜNG CHINH	SƠN HƯNG	4.800
123	NGUYỄN BÁ TUYẾN (C29)	C25	C28	4.800
124	NGUYỄN CẢNH DỊ	THẮNG LONG	NGUYỄN VĂN MẠI	4.800
125	NGUYỄN CHÁNH SẮT	TRẦN VĂN DƯ	ĐƯỜNG C2	4.800
126	NGUYỄN HIẾN LÊ	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	4.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
127	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	TRƯỜNG CHINH	ÂU CƠ	6.000
128	NGUYỄN MINH HOÀNG (C25)	HOÀNG HOA THÁM	QUÁCH VĂN TUẤN	4.800
129	NGUYỄN ĐÌNH KHÔI	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG VIỆT	4.800
130	NGUYỄN PHÚC CHU	TRƯỜNG CHINH	KÊNH HY VỌNG	2.800
131	NGUYỄN QUANG BÍCH (B4)	TRẦN VĂN DƯ	HOÀNG HOA THÁM	4.800
132	NGUYỄN SỸ SÁCH	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	2.800
133	NGUYỄN THANH TUYỀN	NGUYỄN TRỌNG TUYỀN	HÈM 500 PHẠM VĂN HAI	5.500
134	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	6.400
135	NGUYỄN THẾ LỘC	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	4.800
136	NGUYỄN THỊ NHỎ	ÂU CƠ	THIÊN PHƯỚC	5.500
137	NGUYỄN TỬ NHA	NĂM CHÂU	NHÀ THỜ VÂN CÔI	4.800
138	NGUYỄN TRỌNG LỢI	HẬU GIANG	HÈM 27/10 NGUYỄN VĂN VĨNH	4.800
139	NGUYỄN TRỌNG TUYỀN	HÈM 413 HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	7.200
140	NGUYỄN VĂN MẠI	SỐ 1 TRƯỜNG SƠN	SỐ 1/54 TRƯỜNG SƠN	4.800
141	NGUYỄN VĂN TRỖI	HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	11.200
142	NGUYỄN VĂN VĨ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
143	NGUYỄN VĂN VĨNH	HÈM 27 HẬU GIANG	THĂNG LONG	4.800
144	NHẤT CHI MAI	CỘNG HÒA	ĐƯỜNG C12	4.800
145	NI SƯ HUỲNH LIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
146	NÚI THÀNH	ÁP BẮC	CỘNG HÒA	5.000
147	PHẠM CỰ LƯỢNG	PHỔ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
148	PHẠM HỒNG THÁI	PHỔ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	5.500
149	PHẠM PHÚ THỨ	HÈM 1017/6 LẠC LONG QUÂN	ĐỒNG ĐEN	4.800
150	PHẠM VĂN BẠCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	3.100
151	PHẠM VĂN HAI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÊ VĂN SỸ	7.900
		LÊ VĂN SỸ	HOÀNG VĂN THỤ	6.000
152	PHAN BÁ PHIÊN	ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	4.800
153	PHAN HUY ÍCH	TRƯỜNG CHINH	RANH QUẬN GÒ VẤP	2.300
154	PHAN ĐÌNH GIÓT	PHỔ QUANG	TRƯỜNG SƠN	7.000
155	PHAN SÀO NAM	BÀU CÁT	HỒNG LẠC	4.800
156	PHAN THỨC DUYỆT	THĂNG LONG	PHAN ĐÌNH GIÓT	4.800
157	PHAN VĂN LÂU	ĐỒ SƠN	HÈM 61 THĂNG LONG	3.600
158	PHAN VĂN SỬU	CỘNG HÒA	NHẤT CHI MAI	4.800
159	PHỔ QUANG	PHAN ĐÌNH GIÓT	HỒ VĂN HUÊ (QUẬN PHÚ NHUẬN)	7.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
160	PHÚ HÒA	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	4.000
		LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	7.000
161	PHÚ LỘC	BÀNH VĂN TRẦN	NHÀ SỐ 61/22	3.600
162	QUÁCH VĂN TUẤN	CỘNG HÒA	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
163	QUẢNG HIỀN	NĂM CHÂU	SƠN HÙNG	4.000
164	SẦM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
165	SAO MAI	SỐ 147 CÁCH MẠNG THÁNG 8	BÀNH VĂN TRẦN	3.600
		BÀNH VĂN TRẦN	NHÀ THỜ SAO MAI	3.000
166	SÔNG ĐÀ	TRƯỜNG SƠN	TRÀ KHÚC	5.500
167	SÔNG ĐÁY	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
168	SÔNG NHUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
169	SÔNG THAO	LAM SƠN	ĐỒNG ĐA	5.500
170	SÔNG THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
171	SƠN CANG	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
172	SƠN HÙNG	HUYỀN TỊNH CỦA	NGUYỄN BÁ TÔNG	4.000
		NGUYỄN BÁ TÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
173	TÂN CANH	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	LÊ VĂN SỸ	6.000
174	TÂN CHÂU	DUY TÂN	TÂN PHƯỚC	4.000
175	TÂN KHAI	HIỆP NHẤT	TỰ CƯỜNG	4.000
176	TÂN KỸ TÂN QUÝ	CỘNG HÒA	TRƯỜNG CHINH	4.800
177	TÂN HẢI	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HÒA	5.000
178	TÂN LẬP	TÂN THỌ	TÂN XUÂN	4.000
179	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIẾN	4.000
180	TÂN SƠN HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
181	TÂN TẠO	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN XUÂN	4.000
182	TÂN THỌ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	4.000
183	TÂN TIẾN	TÂN THỌ	ĐÔNG HỒ	7.000
184	TÂN TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
185	TÂN TRỤ	NGUYỄN PHÚC CHU	PHAN HUY ÍCH	2.400
186	TÂN XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÊ MINH XUÂN	4.000
187	TÁI THIẾT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NĂM CHÂU	4.800
188	TẢN VIÊN	SÔNG ĐÁY	ĐỒNG NAI	5.500
189	THÂN NHÂN TRUNG	CỘNG HÒA	MAI LÃO BẠNG	4.800
190	THĂNG LONG	CỘNG HÒA	GA HÀNG HÓA SÂN BAY	4.800
191	THÀNH MỸ	ĐÔNG HỒ	HÈM 175 LÝ THƯỜNG KIỆT	4.000
192	THÉP MỚI	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN THÁI BÌNH	4.800
193	THÍCH MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
194	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÝ THƯỜNG KIỆT	4.800
195	THỦ KHOA HUÂN	PHÚ HÒA	ĐÔNG HỒ	4.000
196	TIỀN GIANG	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	5.500
197	TỔNG VĂN HÈN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN PHÚC CHU	2.400
198	TỰ CƯỜNG	TỰ LẬP	HÈM 384 CÁCH MẠNG THÁNG 8	4.000
199	TỰ LẬP	CÁCH MẠNG THÁNG 8	HIỆP NHẤT	4.000
200	TỨ HẢI	NGHĨA PHÁT	ĐẤT THÁNH	3.600
201	TRẦN MAI NINH	TRƯỜNG CHINH	BÀU CÁT	4.800
202	TRẦN QUỐC HOÀN	LÃNG CHA CẢ	VÀO CÔNG SÂN BAY	9.800
203	TRẦN THÁI TÔNG	TRƯỜNG CHINH	PHẠM VĂN BẠCH	2.800
204	TRẦN THÁNH TÔNG	HUỲNH VĂN NGHỆ	CÔNG LỖ	2.800
205	TRẦN TRIỆU LUẬT	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	6.000
206	TRẦN VĂN DƯ	CỘNG HÒA	TƯỜNG RÀO SÂN BAY	4.800
207	TRẦN VĂN HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
208	TRẦN VĂN QUANG	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	4.800
209	TRÀ KHÚC	TRƯỜNG SƠN	NHÀ SỐ 17 TRÀ KHÚC	5.500
210	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	TRƯỜNG CHINH	ÂU CƠ	6.000
211	TRƯƠNG HOÀNG THANH	NGUYỄN THÁI BÌNH	ĐƯỜNG C19	4.800
212	TRƯỜNG CHINH	NGÃ 4 BẢY HIỀN	NGÃ 3 BÀ QUỆO	8.400
		NGÃ 3 BÀ QUỆO	CẦU THAM LƯƠNG	7.000
213	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		11.200
214	TRUNG LANG	TRẦN MAI NINH	LÊ LAI	4.800
215	ÚT TỊCH	CỘNG HÒA	LÊ BÌNH	6.000
216	VÂN CÔI	BÀNH VÂN TRẦN	NGHĨA PHÁT	4.000
217	VĂN CHUNG	TRẦN VĂN DƯ	ĐƯỜNG C2	4.800
218	VEN TƯỜNG RÀO SÂN BAY	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
219	VÕ THÀNH TRANG	LÝ THƯỜNG KIỆT	HỒNG LẠC	4.800
220	VƯỜN LAN	HỒNG LẠC	ĐƯỜNG HỒNG TRƯỜNG MÂM NON 10	4.800
221	XUÂN DIỆU	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN THÁI BÌNH	8.000
222	XUÂN HỒNG	TRƯỜNG CHINH	XUÂN DIỆU	8.000
223	YÊN THẾ	TƯỜNG RÀO QUÂN ĐỘI	HỒNG HÀ	5.000
		HỒNG HÀ	KÊNH NHẬT BẢN	5.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN TÂN PHÚ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ÂU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
2	BÁC ÁI	TÂN SINH	PHAN ĐÌNH PHÙNG	4.700
3	BÌNH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
4	BÙI CẨM HỒ	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HÓA	5.000
5	CẦU XÉO	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
6	CÁC ĐƯỜNG NỐI GIỮA ĐƯỜNG SỐ 16 VÀ 20	NGUYỄN NHỮ LÃM	ĐỖ ĐỨC DỤC	4.100
7	CÁCH MẠNG	LŨY BÁN BÍCH	TÂN SINH	5.400
8	CHÂN LÝ	ĐỘC LẬP	NGUYỄN TRƯỜNG TỌ	4.700
9	CHẾ LAN VIÊN	TRƯỜNG CHINH	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
10	CHU THIÊN	NGUYỄN MỸ CA	TÔ HIỆU	4.700
11	CHU VĂN AN	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	CUỐI ĐƯỜNG	4.700
12	CỘNG HÒA 3	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN HUYỀN	4.300
13	DÂN CHỦ	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	4.700
14	DÂN TỘC	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
15	DƯƠNG KHUÊ	LŨY BÁN BÍCH	TÔ HIỆU	5.400
16	DƯƠNG ĐỨC HIỀN	LÊ TRỌNG TẤN	CHẾ LAN VIÊN	4.800
17	DƯƠNG VĂN DƯƠNG	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐỖ THỪA LUÔNG	5.000
18	ĐÀM THẬN HUY	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
19	ĐÌNH LIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
20	ĐOÀN GIỎI	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
21	ĐOÀN KẾT	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	TỰ DO 1	4.700
22	ĐỖ BÍ	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
23	ĐỖ CÔNG TƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
24	ĐÔ ĐỐC CHẤN	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
25	ĐÔ ĐỐC LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
26	ĐÔ ĐỐC LONG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
27	ĐÔ ĐỐC THỦ	TRỌN ĐƯỜNG		2.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
28	ĐỒ ĐỨC DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
29	ĐỒ THỊ TÂM	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
30	ĐỒ THỪA LUÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
31	ĐỒ THỪA TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
32	ĐỒ NHUẬN	LÊ TRỌNG TẤN	CUỐI HẸM SỐ 01 SƠN KỶ	4.300
		CUỐI HẸM SỐ 01 SƠN KỶ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	2.300
33	ĐỘC LẬP	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
34	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	BÌNH LONG	LÊ TRỌNG TẤN	4.200
		LÊ TRỌNG TẤN	KÊNH THAM LƯƠNG	4.200
35	ĐƯỜNG 30/4	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
36	ĐƯỜNG BỜ BAO TÂN THẮNG	BÌNH LONG	ĐƯỜNG KÊNH 19/5	4.700
37	ĐƯỜNG CÂY KEO	LŨY BÁN BÍCH	TÔ HIỆU	5.400
38	ĐƯỜNG HƯỚNG ĐÔNG CHỢ SƠN KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
39	ĐƯỜNG KÊNH TÂN HÓA	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
40	ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THỂ	BÌNH LONG	CUỐI ĐƯỜNG (P. PHÚ THẠNH)	4.700
		TRƯƠNG VĨNH KÝ	CUỐI ĐƯỜNG (P.TSN)	4.700
41	ĐƯỜNG NỐI TÂN SƠN NHÌ-TRƯỜNG VĨNH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
42	ĐƯỜNG SỐ 18 (P.TÂN QUÝ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
43	ĐƯỜNG SỐ 19 (P.TÂN QUÝ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
44	ĐƯỜNG SỐ 27 (P.SƠN KỶ)	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
45	ĐƯỜNG TRƯỚC TRƯỜNG PTTH TÂN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
46	GÒ DẦU	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
47	HÀNH LANG BẢO VỆ NHÁNH PHỤ KÊNH NƯỚC ĐEN	TÂN HƯƠNG	THƯỢNG NGUỒN NHÁNH PHỤ	2.800
48	ĐƯỜNG TỔ 46	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
49	ĐƯỜNG TỔ 48	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
50	HÀN MẶC TỬ	THỐNG NHẤT	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	4.700
51	HIỀN VƯƠNG	Đ. TRUNG TÂM	PHAN VĂN NĂM	3.600
		PHAN VĂN NĂM	VĂN CAO	5.400
		VĂN CAO	BÌNH LONG	3.600
52	HỒ ĐẮC DI	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
53	HỒ NGỌC CẦN	TRẦN HÙNG ĐẠO	THỐNG NHẤT	4.700
54	HOÀNG NGỌC PHÁCH	NGUYỄN SƠN	LÊ THỨC HOẠCH	5.000
55	HOÀNG THIỀU HOA	THẠCH LAM	HÒA BÌNH	5.400
56	HOÀNG VĂN HÒE	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
57	HOÀNG XUÂN NHỊ	ÂU CƠ	KHUÔNG VIỆT	5.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
58	HÒA BÌNH	KHUÔNG VIỆT	LŨY BÁN BÍCH	8.400
		LŨY BÁN BÍCH	NGÃ TƯ 4 XÃ	6.000
59	HUỖNH VĂN CHÍNH	KHUÔNG VIỆT	CHUNG CƯ NHIÊU LỘC	5.400
60	HUỖNH THIÊN LỘC	LŨY BÁN BÍCH	KÊNH TÂN HÓA	4.800
61	ÍCH THIÊN	PHỐ CHỢ	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	4.700
62	KHUÔNG VIỆT	ÂU CƠ	HÒA BÌNH	5.400
63	LÊ CAO LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
64	LÊ CẢNH TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
65	LÊ KHÔI	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
66	LÊ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
67	LÊ LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
68	LÊ LIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
69	LÊ LƯ	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
70	LÊ LỘ	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
71	LÊ ĐẠI	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
72	LÊ NGÃ	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
73	LÊ NIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
74	LÊ ĐÌNH THÁM	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
75	LÊ QUANG CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
76	LÊ QUỐC TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
77	LÊ SAO	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
78	LÊ SÁT	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
79	LÊ THIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
80	LÊ THỨC HOẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
81	LÊ TRỌNG TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
82	LÊ TRUNG ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
83	LÊ VĂN PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
84	LÊ VĨNH HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
85	LƯƠNG MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
86	LƯƠNG ĐẮC BẰNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
87	LƯƠNG THẾ VINH	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
88	LƯƠNG TRÚC ĐÀM	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
89	LŨY BÁN BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
90	LÝ THÁI TÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
91	LÝ THÁNH TÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
92	LÝ TUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		3.200
93	NGÔ QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
94	NGUYỄN BÁ TÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
95	NGUYỄN CHÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		5.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
96	NGUYỄN CỬU ĐÀM	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
97	NGUYỄN DỮ	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
98	NGUYỄN HẬU	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
99	NGUYỄN HỮU DẠT	TRỌN ĐƯỜNG		4.300
100	NGUYỄN HỮU TIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
101	NGUYỄN LỘ TRẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
102	NGUYỄN LÝ	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
103	NGUYỄN MINH CHÂU	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐOẠN THUỘC PHƯỜNG HÒA THẠNH	5.400
		ÂU CƠ	HẸM 999 PHƯỜNG PHÚ TRUNG	5.400
		HẸM 999 PHƯỜNG PHÚ TRUNG	CUỐI ĐOẠN THUỘC PHƯỜNG HÒA THẠNH	2.900
104	NGUYỄN MỸ CA	ĐƯỜNG CÂY KEO	QUÁCH VŨ	4.700
105	NGUYỄN NGỌC NHỰT	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
106	NGUYỄN NHỮ LÃM	NGUYỄN SƠN	PHÚ THỌ HÒA	5.000
107	NGUYỄN SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
108	NGUYỄN SUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
109	NGUYỄN THÁI HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
110	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
111	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
112	NGUYỄN VĂN HUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
113	NGUYỄN VĂN NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
114	NGUYỄN VĂN SẴNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
115	NGUYỄN VĂN TỐ	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
116	NGUYỄN XUÂN KHOÁT	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
117	NHÁNH ĐƯỜNG LÝ TUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		3.200
118	PHẠM NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
119	PHẠM VẤN	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
120	PHẠM VĂN XẢO	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
121	PHẠM QUÝ THÍCH	LÊ THỨC HOẠCH	TÂN HƯƠNG	4.200
122	PHAN ANH	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
123	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
124	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
125	PHAN VĂN NĂM	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
126	PHỐ CHỢ	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
127	PHÙNG CHÍ KIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
128	PHÚ THỌ HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
129	QUÁCH ĐÌNH BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
130	QUÁCH VŨ	TRỌN ĐƯỜNG		5.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
131	QUÁCH HỮU NGHIÊM	THOẠI NGỌC HẦU	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
132	SƠN KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
133	TÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
134	TÂN KỶ TÂN QUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
135	TÂN QUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
136	TÂN SƠN NHÌ	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
137	TÂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
138	TÂY SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
139	TÂY THẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
140	THÂM MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
141	THẠCH LAM	TRỌN ĐƯỜNG		5.800
142	THÀNH CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
143	THOẠI NGỌC HẦU	ÂU CỐ	LỮY BÁN BÍCH	6.000
		LỮY BÁN BÍCH	PHAN ANH	4.800
144	THỐNG NHẤT	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
145	TÔ HIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		5.400
146	TỰ DO 1	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
147	TỰ QUYẾT	TRƯƠNG VĨNH KÝ	CUỐI ĐƯỜNG	4.700
148	TRẦN HƯNG ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
149	TRẦN QUANG CỐ	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
150	TRẦN TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
151	TRẦN THỦ ĐỘ	VĂN CAO	PHAN VĂN NĂM	5.000
152	TRẦN VĂN GIÁP	LÊ QUANG CHIỂU	HÈM THẠCH LAM	4.700
153	TRẦN VĂN ƠN	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
154	TRỊNH LỖI	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
155	TRỊNH ĐÌNH THẢO	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
156	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
157	TRƯƠNG VĨNH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
158	TRƯƠNG VÂN LĨNH	TRƯƠNG VĨNH KÝ	DÂN TỘC	4.300
159	TRƯỜNG CHINH	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
160	VĂN CAO	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
161	VẠN HẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
162	VÕ HOÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
163	VÕ VĂN DŨNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.000
164	VƯỜN LÀI	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
165	VŨ TRỌNG PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
166	YÊN ĐỒ	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
167	Ỡ LAN	TRỌN ĐƯỜNG		5.400

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN BÌNH THẠNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BẠCH ĐẰNG	NGÃ 3 HÀNG XANH	CHỢ BÀ CHIỂU	17.300
2	BÌNH LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
3	BÌNH QUỚI	CẦU KINH	THANH ĐÀ	8.300
		THANH ĐÀ	BẾN ĐÒ	6.200
4	BÙI HỮU NGHĨA	CẦU BÙI HỮU NGHĨA	NGÃ BA THÁNH MẪU	12.500
		NGÃ BA THÁNH MẪU	BẠCH ĐẰNG	13.800
5	BÙI ĐÌNH TÚY	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
6	CHU VĂN AN	NGÃ 5 BÌNH HÒA	CẦU CHU VĂN AN	11.000
		CẦU CHU VĂN AN	ĐÌNH BỘ LĨNH	12.500
7	THANH ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
8	CÔNG TRƯỜNG HÒA BÌNH			11.000
9	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO			11.000
10	DIÊN HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
11	ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU SÀI GÒN	17.300
12	ĐÌNH BỘ LĨNH	CẦU BÌNH TRIỆU	NGUYỄN XÍ	12.000
		NGUYỄN XÍ	ĐIỆN BIÊN PHỦ	12.500
13	ĐÌNH TIÊN HOÀNG	CẦU BÔNG	PHAN ĐĂNG LƯU	17.300
14	ĐỒNG ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
15	ĐƯỜNG 12AB KHU MIẾU NỔI	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
16	ĐƯỜNG 16 KHU MIẾU NỔI	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
17	ĐƯỜNG D1	TRỌN ĐƯỜNG		13.800
18	ĐƯỜNG D2	TRỌN ĐƯỜNG		13.800
19	ĐƯỜNG D3	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
20	ĐƯỜNG D5	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
21	ĐƯỜNG TRỰC 30M	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
22	HỒ XUÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
23	HỒNG BÀNG	VŨ TÙNG	DIÊN HỒNG	12.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
24	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	NGUYỄN VĂN ĐẬU	8.000
		NGUYỄN VĂN ĐẬU	PHAN ĐĂNG LƯU	9.500
25	HUỶNH MÃN ĐẠT	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	11.000
26	HUỶNH ĐÌNH HAI	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
27	HUỶNH TÁ BANG	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
28	HUỶNH TỊNH CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
29	LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
30	LÊ QUANG ĐỊNH	CHỢ BÀ CHIỂU	NƠ TRANG LONG	15.600
		NƠ TRANG LONG	NGUYỄN VĂN ĐẬU	12.000
		NGUYỄN VĂN ĐẬU	RANH QUẬN GÒ VẤP	10.200
31	LÊ TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
32	LƯƠNG NGỌC QUYẾN	BÌNH LỢI	RANH GÒ VẤP	6.000
33	MAI XUÂN THƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
34	MÊ LINH	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
35	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
36	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	LÊ QUANG ĐỊNH	HOÀNG HOA THÁM	10.200
		HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN VĂN ĐẬU	6.000
37	NGÔ NHÂN TỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
38	NGÔ ĐỨC KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
39	NGÔ TẮT TỐ	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
40	ĐƯỜNG PHÚ MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
41	NGUYỄN TRUNG TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
42	NGUYỄN XÍ	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
43	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
44	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
45	NGUYỄN CÔNG HOAN	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
46	NGUYỄN CÔNG TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
47	NGUYỄN CỬU VÂN	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	ĐIỆN BIÊN PHỦ	12.000
48	NGUYỄN DUY	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
49	NGUYỄN HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
50	NGUYỄN HỮU CẢNH	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
51	NGUYỄN HUY LƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
52	NGUYỄN HUY TƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
53	NGUYỄN KHUYẾN	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
54	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
55	NGUYỄN THÁI HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
56	NGUYỄN THIỆN THUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
57	NGUYỄN VĂN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		12.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
58	NGUYỄN VĂN ĐẬU	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	LÊ QUANG ĐỊNH	12.000
		LÊ QUANG ĐỊNH	PHAN VĂN TRỊ	10.200
59	NGUYỄN XUÂN ÔN	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
60	NỖ TRANG LONG	PHAN ĐĂNG LƯU	LÊ QUANG ĐỊNH	16.200
		LÊ QUANG ĐỊNH	NGUYỄN XÍ	15.200
		NGUYỄN XÍ	BÌNH LỢI	9.000
61	PHẠM VIỆT CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
62	PHAN HUY ÔN	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
63	PHAN BỘI CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
64	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
65	PHAN ĐĂNG LƯU	LÊ QUANG ĐỊNH	GIÁP QUẬN PHÚ NHUẬN	17.300
66	PHAN VĂN HÂN	ĐIỆN BIÊN PHỦ	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	9.600
		XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO	12.000
67	PHAN VĂN TRỊ	LÊ QUANG ĐỊNH	NỖ TRANG LONG	9.600
		NỖ TRANG LONG	GIÁP QUẬN GỖ VẤP	9.000
68	PHÓ ĐỨC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
69	QUỐC LỘ 13	ĐÀI LIỆT SĨ	CẦU BÌNH TRIỆU	15.200
70	TẶNG BẠT HỒ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
71	THIÊN HỘ DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
72	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
73	TRẦN KẾ XƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
74	TRẦN QUÝ CÁP	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
75	TRẦN VĂN KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
76	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
77	TRƯỜNG SA	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	9.600
		CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU BÔNG	7.200
78	UNG VĂN KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
79	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
80	VÕ DUY NINH	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
81	VÕ TRƯỜNG TOẢN	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
82	VŨ HUY TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
83	VŨ NGỌC PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
84	VŨ TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
85	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	CẦU THỊ NGHÈ	VÒNG XOAY HÀNG XANH	17.300
		VÒNG XOAY HÀNG XANH	ĐÀI LIỆT SĨ	13.200
		ĐÀI LIỆT SĨ	CẦU KINH	10.300
		ĐẠ CẦU THỊ NGHÈ		13.800
86	YÊN ĐỒ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN PHÚ NHUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND

ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	CÀM BÁ THUỐC	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
2	CAO THẮNG	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TRỖI	7.800
3	CHIẾN THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
4	CÔ BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
5	CÔ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		7.400
6	CÙ LAO	TRỌN ĐƯỜNG		9.100
7	DUY TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
8	ĐẶNG THAI MAI	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
9	ĐẶNG VĂN NGŨ	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	KÊNH NHIÊU LỘC	10.400
10	ĐÀO DUY ANH	TRỌN ĐƯỜNG		11.800
11	ĐÀO DUY TỪ (6M)	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
12	ĐỖ TẤN PHONG	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
13	ĐOÀN THỊ ĐIỂM (8M)	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
14	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ RẠCH MIỄU (P.2,7)	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
15	HỒ BIỂU CHÁNH	NGUYỄN VĂN TRỖI	HUỖNH VĂN BÁNH	11.800
		HUỖNH VĂN BÁNH	GIÁP QUẬN 3	6.500
16	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	5.200
17	HỒ VĂN HUÊ	TRỌN ĐƯỜNG		13.000
18	HOÀNG DIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
19	HOÀNG MINH GIÁM	TRỌN ĐƯỜNG		10.400
20	HOÀNG VĂN THỤ	TRỌN ĐƯỜNG		13.000
21	HUỖNH VĂN BÁNH	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TRỖI	11.400
		NGUYỄN VĂN TRỖI	LÊ VĂN SỸ	13.000
		LÊ VĂN SỸ	ĐẶNG VĂN NGŨ	10.400
22	KÝ CON (6M)	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
23	LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
24	LÊ QUÝ ĐÔN	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
25	LÊ TỰ TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		6.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
26	LÊ VĂN SỸ	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
27	MAI VĂN NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
28	NGÔ THỜI NHIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
29	NGUYỄN CÔNG HOAN	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
30	NGUYỄN KIỆM	NGÃ 4 PHÚ NHUẬN	ĐƯỜNG SẮT	11.800
		ĐƯỜNG SẮT	GIÁP QUẬN GÒ VẤP	10.400
31	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	NGUYỄN KIỆM	PHAN XÍCH LONG	8.200
		PHAN XÍCH LONG	THÍCH QUẢNG ĐỨC	5.900
32	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		8.200
33	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
34	NGUYỄN THỊ HUỖNH	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	NGUYỄN VĂN TRỖI	9.100
		NGUYỄN VĂN TRỖI	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	7.800
35	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
36	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TRỖI	11.400
		NGUYỄN VĂN TRỖI	GIÁP QUẬN TÂN BÌNH	10.400
37	NGUYỄN TRƯỜNG TỘ	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
38	NGUYỄN VĂN ĐẠU	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
39	NGUYỄN VĂN TRỖI	CẦU CÔNG LÝ	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	21.600
		NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	HOÀNG VĂN THỤ	16.400
40	NHIÊU TỨ	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
41	PHAN ĐĂNG LƯU	NGÃ 4 PHÚ NHUẬN	GIÁP QUẬN BÌNH THẠNH	13.000
42	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.600
43	PHAN TÂY HỒ	CÀM BÁ THƯỚC	NHIÊU TỨ	5.900
		NHIÊU TỨ	KHU DÂN CƯ RẠCH MIỄU	9.100
44	PHAN XÍCH LONG	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	PHAN ĐĂNG LƯU	10.400
		PHAN ĐĂNG LƯU	GIÁP QUẬN BÌNH THẠNH	13.000
45	PHÙNG VĂN CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
46	THÍCH QUẢNG ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
47	TRẦN CAO VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
48	TRẦN HỮU TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
49	TRẦN HUY LIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
50	TRẦN KẾ XƯƠNG	PHAN ĐĂNG LƯU	GIÁP KHU DÂN CƯ RẠCH MIỄU	7.200
		KHU DÂN CƯ RẠCH MIỄU		9.700
51	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
52	TRƯƠNG QUỐC DUNG	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG DIỆU	9.700
		HOÀNG DIỆU	TRẦN HỮU TRANG	8.200
53	VEN KÊNH NHIÊU LỘC THỊ NGHÈ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN GÒ VẤP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
2	AN NHƠN	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
3	CÂY TRÂM	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
4	DƯƠNG QUẢNG HÀM	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
5	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 3	NGUYỄN VĂN CÔNG	ĐƯỜNG SỐ 2	3.400
6	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 7	PHẠM HUY THÔNG	LÊ ĐỨC THỌ	4.000
7	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 10	PHAN VĂN TRỊ	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	3.000
8	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 11	ĐƯỜNG SỐ 3	THỐNG NHẤT	2.400
9	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 13	LÊ ĐỨC THỌ	PHẠM VĂN CHIÊU	2.000
10	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.500
11	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 3	THỐNG NHẤT	2.400
12	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG 17	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	ĐƯỜNG SỐ 2	2.500
13	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 3	NGUYỄN KIỆM	ĐƯỜNG SỐ 1	3.400
14	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 5	HUỖNH KHƯƠNG AN	PHAN VĂN TRỊ	3.400
15	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 7	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	3.400
16	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 10	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG C 200	3.400
17	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.500
18	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 1	LÊ ĐỨC THỌ	1.900
19	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG 17	LÊ HOÀNG PHÁI	RẠCH BÀ MIÊN	2.200
20	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 3	NGUYỄN KIỆM	ĐƯỜNG SỐ 1	3.400
21	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 7	LÊ ĐỨC THỌ	PHẠM HUY THÔNG	3.400
22	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 11	LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 2	2.400
23	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 13	LÊ ĐỨC THỌ	SÔNG VÀM THUẬT	1.800
24	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 15	ĐƯỜNG SỐ 2	GIÁP PHƯỜNG 17	2.200
25	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG 16	LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 2	2.400
26	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 3	NGUYỄN VĂN CÔNG	ĐƯỜNG SỐ 3	3.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
27	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 7	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	3.400
28	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 10	QUANG TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.700
29	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 13	LÊ ĐỨC THỌ	SÔNG VÀM THUẬT	1.700
30	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.200
31	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 3	PHẠM VĂN CHIÊU	2.200
32	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 3	NGUYỄN KIỆM	ĐƯỜNG SỐ 3	3.400
33	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 7	PHẠM HUY THÔNG	LÊ ĐỨC THỌ	3.400
34	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 13	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 6	1.700
35	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.500
36	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 3	PHẠM VĂN CHIÊU	1.900
37	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG 17	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG SỐ 7	2.500
38	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG 3	NGUYỄN THÁI SƠN	NGUYỄN VĂN CÔNG	4.200
39	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG 13	LÊ ĐỨC THỌ	SÔNG VÀM THUẬT	1.700
40	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 2	THỐNG NHẤT	2.400
41	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG 3	LÊ LỢI	GIÁP RANH PHÚ NHUẬN	3.400
42	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG 16	THỐNG NHẤT	ĐƯỜNG SỐ 9	1.800
43	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG 11	LÊ VĂN THỌ	THỐNG NHẤT	3.500
44	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG 16	THỐNG NHẤT	ĐƯỜNG SỐ 16	1.900
45	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG 15	LÊ ĐỨC THỌ	ĐƯỜNG DỰ PHÓNG DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.200
46	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG SỐ 14	LÊ ĐỨC THỌ	2.800
47	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG 17	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	3.600
48	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ ĐỨC THỌ	2.500
49	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG 17	ĐƯỜNG SỐ 9	LÊ THỊ HỒNG	3.600
50	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG 11	LÊ VĂN THỌ	ĐƯỜNG SỐ 8	3.400
51	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG 16	THỐNG NHẤT	NHÀ SỐ 86	3.000
		NHÀ SỐ 86	ĐƯỜNG SỐ 16	1.800
52	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG 17	ĐƯỜNG SỐ 10	LÊ ĐỨC THỌ	3.600
53	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG 11	THỐNG NHẤT	ĐƯỜNG SỐ 8	2.400
54	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG 16	THỐNG NHẤT	ĐƯỜNG SỐ 8	1.900
55	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG 17	LÊ THỊ HỒNG	ĐƯỜNG SỐ 10	3.600
56	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	ĐƯỜNG SỐ 8	1.900
57	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG 17	LÊ THỊ HỒNG	ĐƯỜNG SỐ 11	3.600
58	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	ĐƯỜNG SỐ 9	1.900
59	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG 17	LÊ THỊ HỒNG	LÊ ĐỨC THỌ	3.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
60	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	ĐƯỜNG SỐ 11	2.400
61	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG 17	LÊ THỊ HỒNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.600
62	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG 16	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ ĐỨC THỌ	2.400
63	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG 17	NGUYỄN OANH	LÊ THỊ HỒNG	3.600
64	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG 17	NGUYỄN OANH	CUỐI ĐƯỜNG	3.600
65	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG 11	QUANG TRUNG	LÊ VĂN THỌ	3.600
66	ĐƯỜNG SỐ 18, PHƯỜNG 17	LÊ ĐỨC THỌ	AN NHƠN	2.800
67	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG 5	DƯƠNG QUẢNG HÀM	SÔNG VÀM THUẬT	2.800
68	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG 6	DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	2.500
69	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG 5	DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
70	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG 11	QUANG TRUNG	CÂY TRÂM (ĐS 10)	3.600
71	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG 5	CUỐI ĐƯỜNG SỐ 21	ĐƯỜNG SỐ 20	2.400
72	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG 5	ĐƯỜNG SỐ 20	SÔNG VÀM THUẬT	2.400
73	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG 6	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.400
74	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG 6	LÊ ĐỨC THỌ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	2.200
75	ĐƯỜNG SỐ 28, PHƯỜNG 6	DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
76	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG 6	ĐƯỜNG SỐ 30	ĐƯỜNG SỐ 27	2.400
77	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG 6	LÊ ĐỨC THỌ	NGUYỄN VĂN DUNG	2.400
78	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG 6	DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
79	HẠNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
80	HOÀNG HOA THÁM	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
81	HOÀNG MINH GIÁM	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	NGUYỄN KIỆM	9.400
82	HUỲNH KHƯƠNG AN	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
83	HUỲNH VĂN NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
84	LÊ ĐỨC THỌ	PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	6.500
		DƯƠNG QUẢNG HÀM	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	4.900
		NGUYỄN VĂN LƯỢNG	LÊ HOÀNG PHÁI	5.900
		LÊ HOÀNG PHÁI	THỐNG NHẤT	4.900
		THỐNG NHẤT	PHẠM VĂN CHIÊU	5.900
		PHẠM VĂN CHIÊU	CẦU CỤT	4.000
		CẦU CỤT	CẦU TRƯỜNG ĐAI	3.200
85	LÊ HOÀNG PHÁI	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
86	LÊ LAI	NGUYỄN THÁI SƠN	LÊ LỢI	5.200
		LÊ LỢI	CUỐI ĐƯỜNG	4.100
87	LÊ LỢI	NGUYỄN VĂN NGHI	LÊ LAI	5.900
		LÊ LAI	NGUYỄN KIỆM	5.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
88	LÊ QUANG ĐỊNH	CẦU HANG	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	7.800
89	LÊ THỊ HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
90	LÊ VĂN THỌ	QUANG TRUNG	LÊ ĐỨC THỌ	5.200
91	LƯƠNG NGỌC QUYẾN	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
92	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
93	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	LÊ QUANG ĐỊNH	GA XE LỬA	4.000
94	NGUYỄN DU	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
95	NGUYỄN HỒNG	LÊ QUANG ĐỊNH	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	5.200
96	NGUYỄN KIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		9.400
97	NGUYỄN OANH	NGÃ SÁU	PHAN VĂN TRỊ	9.600
		PHAN VĂN TRỊ	LÊ ĐỨC THỌ	8.400
		LÊ ĐỨC THỌ	CẦU AN LỘC	7.200
98	NGUYỄN THÁI SƠN	GIÁP RANH TÂN BÌNH	NGUYỄN KIỆM	6.600
		NGUYỄN KIỆM	PHẠM NGŨ LÃO	7.200
		PHẠM NGŨ LÃO	PHAN VĂN TRỊ	8.200
		PHAN VĂN TRỊ	DƯƠNG QUẢNG HÀM	5.900
		DƯƠNG QUẢNG HÀM	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
99	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
100	NGUYỄN TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
101	NGUYỄN VĂN BẢO	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
102	NGUYỄN VĂN CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
103	NGUYỄN VĂN DUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
104	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
105	NGUYỄN VĂN NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
106	PHẠM HUY THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
107	PHẠM NGŨ LÃO	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
108	PHẠM VĂN BẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
109	PHẠM VĂN CHIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
110	PHAN HUY ÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
111	PHAN VĂN TRỊ	GIÁP RANH QUẬN BÌNH THẠNH	NGUYỄN THÁI SƠN	7.200
		NGUYỄN THÁI SƠN	NGUYỄN OANH	7.800
		NGUYỄN OANH	THỐNG NHẤT	6.500
112	QUANG TRUNG	NGÃ SÁU	LÊ VĂN THỌ	9.700
		LÊ VĂN THỌ	TÂN SƠN	7.800
		TÂN SƠN	CHỢ CẦU	6.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
113	TÂN SƠN	QUANG TRUNG	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	3.600
114	THÍCH BỬU ĐĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
115	THIÊN HỘ DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.200
116	THỐNG NHẤT	SÂN BAY	QUANG TRUNG	4.900
		QUANG TRUNG	DIỆU HIỀN	5.900
		DIỆU HIỀN	NHÀ THỜ HÀ NỘI	6.500
		NHÀ THỜ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	4.800
117	THÔNG TÂY HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		3.200
118	TRẦN BÁ GIAO	CHUNG CƯ HÀ KIỀU	NGUYỄN THÁI SƠN	2.600
119	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
120	TRẦN PHÚ CƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
121	TRẦN QUỐC TUẤN	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
122	TRẦN THỊ NGHĨ	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
123	TRUNG NỮ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.500
124	TRƯƠNG ĐĂNG QUÊ	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
125	TRƯƠNG MINH KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
126	TÚ MỠ	TRỌN ĐƯỜNG		4.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN THỦ ĐỨC***(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÀ GIANG	QUỐC LỘ 1K	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	1.300
2	BÌNH CHIỂU	TỈNH LỘ 43	RANH QUÂN ĐOÀN 4	2.300
3	BỒI HOÀN	LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1A	1.300
4	CÂY KEO	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
5	CHƯƠNG DƯƠNG	VÕ VĂN NGÂN	KHA VẠN CÂN	2.400
6	ĐẶNG THỊ RÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
7	ĐẶNG VĂN BI	VÕ VĂN NGÂN	NGUYỄN VĂN BÁ	3.400
8	ĐÀO TRINH NHÁT	KHA VẠN CÂN	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	1.200
9	ĐOÀN CÔNG HÓN	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
10	ĐƯỜNG SỐ 1 (ĐƯỜNG CHỮ U), PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
11	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
12	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	NGUYỄN VĂN BÁ (XA LỘ HẠ NỘI)	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
13	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
14	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TRƯỜNG THỌ	ĐẶNG VĂN BI	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
15	ĐƯỜNG SỐ 4 (LINH TÂY), PHƯỜNG LINH TÂY	NGUYỄN VĂN LỊCH	NGÃ BA ĐÌNH THÀN LINH TÂY	1.600
16	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH CHIỂU	HOÀNG DIỆU	VÕ VĂN NGÂN	2.500
17	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LINH TRUNG	LINH TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
18	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LINH TRUNG	LINH TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
19	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG LINH TRUNG	HOÀNG DIỆU	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
20	ĐƯỜNG SỐ 8 (ĐƯỜNG XUÂN HIỆP), PHƯỜNG LINH XUÂN	QUỐC LỘ 1K	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
21	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
22	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG TAM BÌNH	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
23	ĐƯỜNG SỐ 11 (TRƯỜNG TRE)	NGÃ 3 ĐƯỜNG BÀ GIANG	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	1.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
24	ĐƯỜNG SỐ 12 (ĐƯỜNG CẦU BÀ CẢ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
25	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LINH TÂY	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
26	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LINH TRUNG	LÊ VĂN CHÍ	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
27	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH CHIÊU	HOÀNG DIỆU	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
28	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG HIỆP BÌNH PHƯỚC	QUỐC LỘ 13	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
29	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG LINH TRUNG	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
30	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
31	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG LINH ĐÔNG	LINH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
32	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
33	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG LINH ĐÔNG	TÔ NGỌC VÂN	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
34	ĐƯỜNG SỐ 36 (BẾN ĐÒ), PHƯỜNG LINH ĐÔNG	KHA VẠN CÂN	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
35	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG HIỆP BÌNH CHÁNH	HIỆP BÌNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.600
36	DƯƠNG VĂN CAM	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
37	GÒ DỪA (HƯỚNG LỘ 25, PHƯỜNG TAM BÌNH)	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
38	HIỆP BÌNH	KHA VẠN CÂN	QUỐC LỘ 13	2.300
39	HỒ VĂN TƯ	NGÃ 3 KHA VẠN CÂN	NGÃ 3 ĐOÀN CÔNG HỒN	3.600
		NGÃ 3 ĐOÀN CÔNG HỒN	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
40	HOÀNG DIỆU	KHA VẠN CÂN	LÊ VĂN CHÍ	2.800
41	KHA VẠN CÂN	NGÃ 5 CHỢ THỦ ĐỨC	CẦU NGANG	4.100
		CẦU NGANG	CẦU GÒ DỪA	
			BÊN CÓ ĐƯỜNG SẮT	1.900
			BÊN KHÔNG CÓ ĐƯỜNG SẮT	2.800
		CẦU GÒ DỪA	CẦU BÌNH LỢI	
			BÊN CÓ ĐƯỜNG SẮT	1.300
			BÊN KHÔNG CÓ ĐƯỜNG SẮT	2.000
		NGÃ 5 CHỢ THỦ ĐỨC	NGÃ 4 LINH XUÂN	2.400
42	KHU LÀNG ĐẠI HỌC (PHƯỜNG BÌNH THỌ)	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÓ TÊN KHU LÀNG ĐẠI HỌC (TRỌN ĐƯỜNG)		2.300
43	LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
44	LÊ THỊ HOA, PHƯỜNG BÌNH CHIÊU	TỈNH LỘ 43	QUỐC LỘ 1A	1.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
45	LÊ VĂN CHÍ	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
46	LÊ VĂN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
47	LÊ VĂN TÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
48	LINH ĐÔNG	KHA VẠN CÂN	TÔ NGỌC VÂN	1.600
49	LINH TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
50	LÝ TẾ XUYÊN	LINH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
51	NGÔ CHÍ QUỐC (ĐƯỜNG GÒ ĐÌNH, PHƯỜNG BÌNH CHIỂU)	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
52	NGUYỄN VĂN LỊCH (NGUYỄN TRÃI CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
53	PHÚ CHÂU	QUỐC LỘ 1A	TÔ NGỌC VÂN	1.800
54	QUỐC LỘ 13 CŨ	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
55	QUỐC LỘ 13 MỚI	CẦU BÌNH TRIỆU	CẦU ÔNG DẦU	3.400
		CẦU ÔNG DẦU	NGÃ 4 BÌNH PHƯỚC	3.000
		NGÃ 4 BÌNH PHƯỚC	CẦU VĨNH BÌNH	2.500
56	QUỐC LỘ 1A	CẦU BÌNH PHƯỚC	NGÃ 4 LINH XUÂN	2.800
		NGÃ 4 LINH XUÂN	XA LỘ HÀ NỘI	2.300
57	QUỐC LỘ 1K (KHA VẠN CÂN CŨ)	NGÃ 4 LINH XUÂN	SUỐI NHUM (RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG)	2.300
58	TAM BÌNH	TÔ NGỌC VÂN	HIỆP BÌNH	1.600
59	TAM HÀ	TÔ NGỌC VÂN	PHÚ CHÂU	2.800
60	TAM CHÂU (TAM PHÚ - TAM BÌNH)	PHÚ CHÂU	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
61	THỐNG NHẤT, DÂN CHỦ (PHƯỜNG BÌNH THỌ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
62	TỈNH LỘ 43	NGÃ 4 GÒ DỪA	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	2.300
63	TÔ NGỌC VÂN	KHA VẠN CÂN	NGÃ 3 TRẦN VĂN NỮA (NGÔ QUYỀN)	3.600
		NGÃ 3 TRẦN VĂN NỮA (NGÔ QUYỀN)	QUỐC LỘ 1A	2.800
64	TÔ VĨNH DIỆN	VÕ VĂN NGÂN	HOÀNG DIỆU	2.300
65	TRẦN VĂN NỮA (NGÔ QUYỀN)	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
66	TRƯỜNG THỌ (LÊ VĂN KHÓI)	XA LỘ HÀ NỘI	NGÃ 4 ĐƯỜNG PHỐ NHÀ TRÀ	2.300
		NGÃ 4 ĐƯỜNG PHỐ NHÀ TRÀ	KHA VẠN CÂN	1.900
67	TRƯƠNG VĂN NGƯ (THỦ KHOA HUÂN)	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
68	VÕ VĂN NGÂN (HOÀNG DIỆU 1 CŨ)	KHA VẠN CÂN	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	5.400
69	XA LỘ HÀ NỘI (QUỐC LỘ 52)	CẦU RẠCH CHIẾC	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	2.200
		NGÃ 4 THỦ ĐỨC	RANH TỈNH BÌNH DƯƠNG	1.600

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ QUẬN BÌNH TÂN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
2	AO ĐÔI	MÃ LÒ	QUỐC LỘ 1A	1.800
3	AO SEN	GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	1.800
4	ẤP CHIẾN LƯỢC	MÃ LÒ	TÂN KỶ TÂN QUÝ	1.600
5	BẾN LỢI	VÕ VĂN VÂN	TÂY LÂN	1.200
6	BÌNH LONG	TÂN KỶ TÂN QUÝ	NGÃ TƯ BÓN XÃ	4.100
7	BÌNH THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
8	BÔNG SEN	TỈNH LỘ 10	LÊ ĐÌNH CẦN	2.000
9	BÙI DƯƠNG LỊCH	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
10	BÙI HỮU DIÊN	NGUYỄN THỨC TỰ	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
11	BÙI HỮU ĐIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
12	BÙI TỰ TOÀN	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RẠCH RUỘT NGỰA	3.000
13	CÁC ĐƯỜNG 1A, 2, 2A, 2B, 3, 4, 6, LÔ D THUỘC KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
14	CÁC ĐƯỜNG SỐ 1A, 1B, 3A, 4B, 6C, 8, 8A, 10, 11, 13, 15, 15A, 17A, 20, 21B, 22, 24, 24A, 24B, 25B, 27, 28, 30, 32, 32A, 33, 34, 34A, 36, 41 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B (P. BTĐB, P. AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
15	CÁC ĐƯỜNG SỐ 2, 3, 4, 5, 9 THUỘC KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
16	CÁC ĐƯỜNG SỐ 3A, 4A, 5A, 6, 8, 10, 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23, THUỘC KHU SAU KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
17	CÁC ĐƯỜNG SỐ 4A, 5A, 6A, 6B, 7A, 8B, 8C, 12, 12A, 12B, 16, 18, 19A, 19B, 19C, 19D, 19F, 21, 21A, 23, 25, 25A, 26, 28A, 31, 31A, 32B, 33A, 33B, 34B, 39 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B (P. BTĐB, P. AN LẠC A)	TRỌN ĐƯỜNG		1.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
18	CẦU KINH	NGUYỄN CỬU PHÚ	NGUYỄN VĂN CỤ	1.200
19	CÂY CẨM	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
20	CHIẾN LƯỢC	TÂN HÒA ĐÔNG	MÃ LÒ	2.000
		MÃ LÒ	QUỐC LỘ 1A	1.200
21	DƯƠNG BÁ CUNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	DƯƠNG TỰ QUÁN	2.300
22	DƯƠNG TỰ QUÁN	HOÀNG VĂN HỢP	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
23	ĐẤT MỚI	LÊ VĂN QUỚI	TỈNH LỘ 10	2.400
24	ĐÌNH NGHI XUÂN, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	PHAN ANH	LIÊN KHU 5-11-12	2.000
25	ĐỖ NĂNG TẾ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG SỐ 17	2.300
26	ĐOÀN PHÚ TỬ	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
27	ĐƯỜNG 504, PHƯỜNG AN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
28	ĐƯỜNG 532, PHƯỜNG AN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
29	ĐƯỜNG BIA TRUYỀN THỐNG	TỈNH LỘ 10	LÊ ĐÌNH CẦN	2.000
30	ĐƯỜNG BỜ SÔNG	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	1.200
31	ĐƯỜNG BỜ TUYẾN	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	1.800
32	ĐƯỜNG MIẾU BÌNH ĐÔNG	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 3	1.600
33	ĐƯỜNG MIẾU GÒ XOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
34	ĐƯỜNG SỐ 1 KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
35	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
36	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	2.000
37	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 4	1.200
38	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHỐ 4 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CẦU KINH	1.200
39	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHỐ 5 PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
40	ĐƯỜNG SỐ 1B, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HÒA A	MIẾU BÌNH ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 6	1.200
41	ĐƯỜNG SỐ 1C, PHƯỜNG BÌNH HÙNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG (KP5)		1.200
42	ĐƯỜNG SỐ 1C, KP4-PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 4C	CUỐI ĐƯỜNG	1.700
43	ĐƯỜNG SỐ 1D, KP4-PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 4C	CUỐI ĐƯỜNG	1.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
44	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	GÒ XOÀI	LIÊN KHU 8 - 9	1.200
45	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
46	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	MÃ LÒ	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
47	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 4 - 5	1.200
48	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
49	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
50	ĐƯỜNG SỐ 2A, 2B, 2C, THUỘC KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
51	ĐƯỜNG SỐ 2A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	GÒ XOÀI	LIÊN KHU 8 - 9	1.200
52	ĐƯỜNG SỐ 2B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 2C	1.200
53	ĐƯỜNG SỐ 2C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 2 (KP9)	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
54	ĐƯỜNG SỐ 2D, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 4 (KP9)	ĐƯỜNG SỐ 2A	1.200
55	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG TÂN TẠO A	TỈNH LỘ 10	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
56	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 2	2.400
57	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
58	ĐƯỜNG SỐ 3A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5D	DỰ ÁN 415	1.200
59	ĐƯỜNG SỐ 3B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3A	DỰ ÁN 415	1.200
60	ĐƯỜNG SỐ 3B, 3C, 3, 5 THUỘC KHU SAU KHU DÂN CƯ AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
61	ĐƯỜNG SỐ 3C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3A	DỰ ÁN 415	1.200
62	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
63	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	1.200
64	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	DỰ ÁN 415	1.400
65	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 8	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
66	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
67	ĐƯỜNG SỐ 4C, KP4 - PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
68	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
69	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	HƯƠNG LỘ 3	QUỐC LỘ 1A	1.200
70	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	2.000
71	ĐƯỜNG SỐ 5A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	KÊNH NƯỚC ĐEN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
72	ĐƯỜNG SỐ 5B, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
73	ĐƯỜNG SỐ 5B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 8	1.200
74	ĐƯỜNG SỐ 5C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5E	DỰ ÁN 415	1.200
75	ĐƯỜNG SỐ 5D, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LIÊN KHU 7-13	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
76	ĐƯỜNG SỐ 5E, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5C	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
77	ĐƯỜNG SỐ 5F, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 5D	KÊNH NƯỚC ĐEN	1.200
78	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
79	ĐƯỜNG SỐ 6 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
80	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
81	ĐƯỜNG SỐ 6, KP3-PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
82	ĐƯỜNG SỐ 7	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
83	ĐƯỜNG SỐ 7 KHU DÂN CƯ NAM LONG	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
84	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
85	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 8	2.000
86	ĐƯỜNG SỐ 7A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	KINH NƯỚC ĐEN	DỰ ÁN 415	1.200
87	ĐƯỜNG SỐ 7B, PHƯỜNG AN LẠC A	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
88	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	TÂN KỶ TÂN QUÝ	HƯƠNG LỘ 3	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
89	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	KÊNH NƯỚC ĐEN	1.700
90	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 5 - 6	1.200
91	ĐƯỜNG SỐ 8B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
92	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
93	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 9A	1.700
94	ĐƯỜNG SỐ 9A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	DỰ ÁN 415	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
95	ĐƯỜNG SỐ 9B, PHƯỜNG AN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
96	ĐƯỜNG SỐ 9B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG BÌNH LONG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
97	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
98	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA B	QUỐC LỘ 1A	LIÊN KHU 5-6	1.200
99	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	BÌNH LONG	ĐƯỜNG SỐ 17	1.200
100	ĐƯỜNG SỐ 11A, KP2 - PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 14	2.000
101	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐƯỜNG 26/3	1.200
102	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
103	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	HƯƠNG LỘ 3	ĐƯỜNG 26/3	1.200
104	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 17	DỰ ÁN 415	1.200
105	ĐƯỜNG SỐ 13A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 17	DỰ ÁN 415	1.200
106	ĐƯỜNG SỐ 14, KP2 - PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 11	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
107	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	DỰ ÁN 415	1.400
108	ĐƯỜNG SỐ 14A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LIÊN KHU 7 - 13	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
109	ĐƯỜNG SỐ 14B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LIÊN KHU 7 - 13	ĐƯỜNG SỐ 2	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
110	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA	ĐƯỜNG 26/3	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
111	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
112	ĐƯỜNG SỐ 16A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	MIẾU GÒ XOÀI	DỰ ÁN 415	1.200
113	ĐƯỜNG SỐ 17, KP2 - PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 14	2.000
114	ĐƯỜNG SỐ 17, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TÂN KỶ - TÂN QUÝ	ĐƯỜNG SỐ 19A	1.400
115	ĐƯỜNG SỐ 17A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
116	ĐƯỜNG SỐ 17B, KP2 - PHƯỜNG AN LẠC A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 14	2.000
117	ĐƯỜNG SỐ 18A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	HƯỚNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	1.200
118	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	GÒ XOÀI	1.400
119	ĐƯỜNG SỐ 18B, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	MIẾU GÒ XOÀI	QUỐC LỘ 1A	1.600
120	ĐƯỜNG SỐ 18C, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 18B	HƯỚNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	1.200
121	ĐƯỜNG SỐ 18D, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
122	ĐƯỜNG SỐ 18E PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	ĐƯỜNG 18B	TRỌN ĐƯỜNG (KP1)	1.200
123	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
124	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TÂN KỶ TÂN QUÝ	DỰ ÁN 415	1.400
125	ĐƯỜNG SỐ 19A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TÂN KỶ TÂN QUÝ	DỰ ÁN 415	1.200
126	ĐƯỜNG SỐ 19A, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
127	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
128	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	QUỐC LỘ 1A	MÃ LÒ	1.200
129	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 16	1.600
130	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG BÌNH HƯNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	ĐƯỜNG SỐ 16	1.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
131	ĐƯỜNG SỐ 24A, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÊ VĂN QUỚI	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
132	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B	ĐƯỜNG SỐ 16	MIẾU GÒ XOÀI	1.200
133	ĐƯỜNG SỐ 26/3 PHƯỜNG BÌNH HUNG HOÀ	HƯƠNG LỘ 13 (LÊ TRỌNG TÂN)	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
134	ĐƯỜNG SỐ 29 THUỘC KHU DÂN CƯ BÌNH TRỊ ĐÔNG B	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
135	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 6	2.000
136	ĐƯỜNG SỐ 38A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 10	2.000
137	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	TỈNH LỘ 10	3.000
138	ĐƯỜNG SỐ 40A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	2.000
139	ĐƯỜNG SỐ 40B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 49	ĐƯỜNG SỐ 51	1.800
140	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 51	2.000
141	ĐƯỜNG SỐ 42A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 49B	ĐƯỜNG SỐ 51	1.800
142	ĐƯỜNG SỐ 44, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 49C	2.000
143	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
144	ĐƯỜNG SỐ 46A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
145	ĐƯỜNG SỐ 46B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 53A	1.800
146	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40A	ĐƯỜNG SỐ 44	1.800
147	ĐƯỜNG SỐ 48, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
148	ĐƯỜNG SỐ 48A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 55	1.800
149	ĐƯỜNG SỐ 48B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
150	ĐƯỜNG SỐ 48C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55A	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
151	ĐƯỜNG SỐ 49, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 46	ĐƯỜNG SỐ 40	3.000
152	ĐƯỜNG SỐ 49A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40A	ĐƯỜNG SỐ 40B	1.800
153	ĐƯỜNG SỐ 49B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 44	ĐƯỜNG SỐ 42	1.800
154	ĐƯỜNG SỐ 49C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 42A	ĐƯỜNG SỐ 44	1.800
155	ĐƯỜNG SỐ 50, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57	2.000
156	ĐƯỜNG SỐ 50A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53	ĐƯỜNG SỐ 55	1.800
157	ĐƯỜNG SỐ 50B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55A	ĐƯỜNG SỐ 57	1.800
158	ĐƯỜNG SỐ 50C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 53C	2.000
159	ĐƯỜNG SỐ 50D, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 55	ĐƯỜNG SỐ 57A	1.800
160	ĐƯỜNG SỐ 51, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 40	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
161	ĐƯỜNG SỐ 52, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57A	2.000
162	ĐƯỜNG SỐ 52A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 53D	ĐƯỜNG SỐ 55	1.800
163	ĐƯỜNG SỐ 52B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 57C	ĐƯỜNG SỐ 57	1.800
164	ĐƯỜNG SỐ 53, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50C	ĐƯỜNG SỐ 46	1.800
165	ĐƯỜNG SỐ 53A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 48	ĐƯỜNG SỐ 46A	1.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
166	ĐƯỜNG SỐ 53B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52	ĐƯỜNG SỐ 50C	1.800
167	ĐƯỜNG SỐ 53C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52A	ĐƯỜNG SỐ 50C	1.800
168	ĐƯỜNG SỐ 53D, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 54	ĐƯỜNG SỐ 52	1.800
169	ĐƯỜNG SỐ 54, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 57	2.000
170	ĐƯỜNG SỐ 54A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 57	ĐƯỜNG SỐ 59	2.000
171	ĐƯỜNG SỐ 55, PHƯỜNG TÂN TẠO	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 46	2.400
172	ĐƯỜNG SỐ 55A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50 D	ĐƯỜNG SỐ 50	1.800
173	ĐƯỜNG SỐ 55B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 48C	ĐƯỜNG SỐ 46A	1.800
174	ĐƯỜNG SỐ 57, PHƯỜNG TÂN TẠO	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG SỐ 50	2.400
175	ĐƯỜNG SỐ 57A, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 52B	ĐƯỜNG SỐ 50B	1.800
176	ĐƯỜNG SỐ 57B, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 50B	ĐƯỜNG SỐ 50D	1.800
177	ĐƯỜNG SỐ 57C, PHƯỜNG TÂN TẠO	ĐƯỜNG SỐ 54	ĐƯỜNG SỐ 52	1.800
178	ĐƯỜNG SỐ 59, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
179	ĐƯỜNG SỐ 59B, PHƯỜNG TÂN TẠO	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
180	GÒ XOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
181	HỒ HỌC LÂM	QUỐC LỘ 1A	RẠCH CÁT (PHÚ ĐÌNH)	4.100
182	HỒ VĂN LONG	NGUYỄN THỊ TÚ	BÙI DƯƠNG LỊCH	1.600
		TỈNH LỘ 10	SÔNG SUỐI	2.400
183	HOÀNG HÙNG	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
184	HOÀNG VĂN HỢP	KINH DƯƠNG VƯƠNG	ĐƯỜNG 1A	2.300
185	HƯƠNG LỘ 2	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
186	HƯƠNG LỘ 3	TÂN KỶ TÂN QUÝ	ĐƯỜNG SỐ 5	2.400
187	HƯƠNG LỘ 13 (LÊ TRỌNG TẤN)	BÌNH LONG	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
188	KÊNH NƯỚC ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
189	KHIẾU NĂNG TỈNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
190	KINH DƯƠNG VƯƠNG	MŨI TÀU	CẦU AN LẠC	8.300
		CẦU AN LẠC	VÒNG XOAY AN LẠC	4.800
191	LÂM HOÀNH	KINH DƯƠNG VƯƠNG	SỐ 72 LÂM HOÀNH	2.500
		TỪ SỐ 72 LÂM HOÀNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.900
192	LÊ CƠ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RANH KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	1.900
		RANH KHU DÂN CƯ NAM HÙNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
193	LÊ CÔNG PHÉP	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
194	LÊ ĐÌNH CẦN	QUỐC LỘ 1A	TỈNH LỘ 10	2.000
195	LÊ ĐÌNH DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
196	LÊ NGUNG	NGUYỄN CỬU PHÚ	KÊNH 5	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
197	LÊ TẤN BÊ	CẦU AN LẠC	CẦU GIẤY	2.400
198	LÊ TRỌNG TẤN	CẦU BỤNG	QUỐC LỘ 1A	2.400
199	LÊ VĂN QUỚI	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
200	LIÊN KHU 1 - 6 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
201	LIÊN KHU 2 - 5 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
202	LIÊN KHU 2 - 10, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	LÔ TƯ	GÒ XOÀI	1.200
203	LIÊN KHU 4 - 5, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
204	LIÊN KHU 5, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
205	LIÊN KHU 5 - 6, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
206	LIÊN KHU 7 - 13, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 8B	DỰ ÁN 415	1.200
207	LIÊN KHU 8 - 9, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 4	1.200
208	LIÊN KHU PHỐ 10 - 11, PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG	PHAN ANH	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
209	LIÊN KHU 16 - 18 BÌNH TRỊ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
210	LỘ TÊ	TỈNH LỘ 10	NGÃ BA ĐƯỜNG BÀ TIẾNG	1.800
211	LÔ TƯ	MÃ LÒ	ĐƯỜNG GÒ XOÀI	1.200
212	MÃ LÒ	TỈNH LỘ 10	TÂN KỶ TÂN QUÝ	3.000
213	NGÔ Y LINH	AN DƯƠNG VƯƠNG	RẠCH RUỘT NGỰA	2.400
214	NGUYỄN CỬU PHÚ	TỈNH LỘ 10	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	1.700
215	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
216	NGUYỄN HỐI	KINH DƯƠNG VƯƠNG	LÒ GỒM	2.400
217	NGUYỄN QUÝ YÊM	AN DƯƠNG VƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	2.400
218	NGUYỄN THỊ TÚ	QUỐC LỘ 1A	VĨNH LỘC	3.000
219	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	NGUYỄN THỨC TỰ	3.600
220	NGUYỄN THỨC TỰ	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	HOÀNG VĂN HỢP	2.400
221	NGUYỄN TRIỆU LUẬT	QUỐC LỘ 1A	HỒ VĂN LONG	1.200
222	NGUYỄN TRỌNG TRÍ	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TÊN LỬA	2.300
223	NGUYỄN VĂN CỰ	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
224	PHẠM BÀNH	NGUYỄN THỨC TỰ	PHAN CÁT TỰU	1.600
225	PHẠM ĐĂNG GIẢNG	HƯƠNG LỘ 13	RANH QUẬN 12	2.400
226	PHAN CÁT TỰU	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
227	PHAN ANH	NGÃ TƯ BỐN XÃ	TÂN HÒA ĐÔNG	4.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
228	PHAN ĐÌNH THÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
229	PHÙNG TÁ CHU	BÀ HOM	KHIẾU NĂNG TỈNH	2.000
230	QUỐC LỘ 1A	GIÁP RANH BÌNH CHÁNH	GIÁP HUYỆN HÓC MÔN	4.000
231	SINCO	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
232	SÔNG SUỐI	QUỐC LỘ 1A	RANH SÔNG SUỐI	1.200
233	SÔNG TẮC	TRẦN ĐẠI NGHĨA	RANH KHU CÔNG NGHIỆP TÂN TẠO	1.200
234	TẠ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	CUỐI ĐƯỜNG	2.300
235	TÂN HÒA ĐÔNG	AN DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2	3.600
236	TÂN KỶ TÂN QUÝ	BÌNH LONG	QUỐC LỘ 1A	3.600
237	TẬP ĐOÀN 6B	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
238	TÂY LÂN	QUỐC LỘ 1A	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
239	TÊN LỬA	KINH DƯƠNG VƯƠNG	RANH KHU DÂN CƯ AN LẠC	4.100
		RANH KHU DÂN CƯ AN LẠC	ĐƯỜNG SỐ 29	4.100
		ĐƯỜNG SỐ 29	TỈNH LỘ 10	2.400
240	TỈNH LỘ 10	CÂY DA SÀ	QUỐC LỘ 1A	4.100
		QUỐC LỘ 1A	CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	3.100
		CẦU TÂN TẠO (TỈNH LỘ 10)	RANH BÌNH CHÁNH	2.000
241	TRẦN ĐẠI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
242	TRẦN THANH MẠI	TỈNH LỘ 10	GIÁP KHU DÂN CƯ BẮC LƯƠNG BÈO	1.200
243	TRƯƠNG PHƯỚC PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
244	VÀNH ĐAI TRONG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HƯƠNG LỘ 2 (BÌNH TRỊ ĐÔNG)	4.800
245	VĨNH LỘC (HƯƠNG LỘ 80)	NGUYỄN THỊ TÚ	KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC	1.600
246	VÕ VĂN VÂN	TỈNH LỘ 10	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	1.200
247	VŨ HỮU	TẠ MỸ DUẬT	NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG	2.300
248	VƯƠNG VĂN HUÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.600

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN HUYỆN BÌNH CHÁNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN HẠ	TỈNH LỘ 10	NGUYỄN VĂN BỬA	800
2	AN PHÚ TÂY - HUNG LONG	QUỐC LỘ 1A	CẦU RẠCH GIA	2.200
		CẦU RẠCH GIA	ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	1.000
3	BÀ CẢ	QUỐC LỘ 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4, 5	400
4	BÀ THAO	NGUYỄN CỬU PHÚ	XÃ TÂN NHỰT	1.000
5	BÀU GỐC	DƯƠNG ĐÌNH CÚC	HUNG NHƠN	1.000
6	BẾN LỢI	VÕ VĂN VÂN	RANH QUẬN BÌNH TÂN	900
7	BÌNH HƯNG	QUỐC LỘ 50	NGUYỄN VĂN LINH	1.800
		NGUYỄN VĂN LINH	ĐỒN ÔNG VĨNH	1.100
8	BÌNH MINH	TỈNH LỘ 10	THÍCH THIỆN HÒA	600
9	BÌNH TRƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		900
10	BỜ HUỆ	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG NÔNG THÔN ẤP 2	700
11	BÔNG VĂN DĨA	NGUYỄN CỬU PHÚ	CẦU LÁNG MẶN	800
12	BÙI THANH KHIẾT	QUỐC LỘ 1A	NGUYỄN HỮU TRÍ	1.900
13	CÁC ĐƯỜNG ĐÁ ĐỎ, ĐÁ XANH CÒN LẠI TRONG HUYỆN	BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG DƯỚI 2M		400
		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 2M TRỞ LÊN		600
14	CÁC ĐƯỜNG ĐẤT NÔNG THÔN CÒN LẠI TRONG HUYỆN	BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG DƯỚI 2M		300
		BỀ RỘNG MẶT ĐƯỜNG TỪ 2M TRỞ LÊN		400
15	CÁI TRUNG	HUNG NHƠN	TRẦN ĐẠI NGHĨA	800
16	CÂY BÀNG	HUNG NHƠN	TRẦN ĐẠI NGHĨA	800
17	CHÁNH HƯNG (NÓI DÀI)	RANH QUẬN 8	NGUYỄN VĂN LINH	7.600
		NGUYỄN VĂN LINH	CÔNG ĐỒN ÔNG VĨNH	5.000
		CÔNG ĐỒN ÔNG VĨNH	CÁCH RANH HUYỆN NHÀ BÈ 1KM	3.000
		CÁCH RANH HUYỆN NHÀ BÈ 1KM	RANH HUYỆN NHÀ BÈ	1.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
18	ĐA PHƯỚC	QUỐC LỘ 50	SÔNG CÀN GIUỘC	800
19	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	QUỐC LỘ 1A	RANH XÃ BÌNH CHÁNH - XÃ TÂN QUÝ TÂY	1.500
		RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH - XÃ TÂN QUÝ TÂY	RANH TỈNH LONG AN	1.100
20	ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	QUỐC LỘ 1A	NGÃ BA HƯƠNG LỘ 11 - ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	900
		NGÃ BA HƯƠNG LỘ 11 - ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	RANH TỈNH LONG AN	1.500
21	ĐƯỜNG 1A (CÔNG NGHỆ MỚI)	VÕ VĂN VÂN	BẾN LỘI	900
22	ĐƯỜNG 6A	VĨNH LỘC	VÕ VĂN VÂN	600
23	ĐƯỜNG 11A, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 14	6.900
24	ĐƯỜNG 13A, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐƯỜNG SỐ 20	6.900
25	ĐƯỜNG 18B	CHỢ BÌNH CHÁNH	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	1.700
26	ĐƯỜNG ÁP 4 (KINH A)	TỈNH LỘ 10	THÍCH THIỆN HÒA	400
27	ĐƯỜNG ĐÊ RẠCH ÔNG ĐỒ	QUỐC LỘ 1A	NGUYỄN HỮU TRÍ	700
28	DƯƠNG ĐÌNH CÚC	QUỐC LỘ 1A	CẦU TÂN KIÊN CŨ	1.300
		CẦU TÂN KIÊN CŨ	NGUYỄN CỬU PHÚ	1.100
29	ĐƯỜNG KINH T11	QUỐC LỘ 1A	RẠCH CẦU GIA	600
30	ĐƯỜNG KINH T14	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	CẦU TÂN QUÝ TÂY	600
31	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3, 4	TÂN LIÊM	NGUYỄN VĂN LINH	400
32	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3, 4, 5	ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	HUNG LONG-QUI ĐỨC	600
33	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4, 5	ĐA PHƯỚC	QUỐC LỘ 50	600
34	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 5, 6	QUÁCH ĐIỀU	VĨNH LỘC	1.000
	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 5, 6	VĨNH LỘC	THỜI HÒA	700
35	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 6, 2	QUÁCH ĐIỀU	KINH TRUNG ƯƠNG	1.000
36	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 24	6.500
37	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	QUỐC LỘ 50	ĐƯỜNG SỐ 5	3.600
38	ĐƯỜNG SỐ 1, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 9A	ĐƯỜNG SỐ 4	6.900
39	ĐƯỜNG SỐ 1A, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 1		3.600
40	ĐƯỜNG SỐ 1A, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 1	6.300
41	ĐƯỜNG SỐ 1B, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 1C	6.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
42	ĐƯỜNG SỐ 1C, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 4A	6.300
43	ĐƯỜNG SỐ 1D, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 6D	ĐƯỜNG SỐ 6A	6.300
44	ĐƯỜNG SỐ 1E, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 8A	ĐƯỜNG SỐ 7	6.300
45	ĐƯỜNG SỐ 1F, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		6.300
46	ĐƯỜNG SỐ 2, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 21	4.600
47	ĐƯỜNG SỐ 2, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 5	3.900
48	ĐƯỜNG SỐ 2, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG 9A	ĐƯỜNG SỐ 4	6.700
49	ĐƯỜNG SỐ 2A, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 2	6.300
50	ĐƯỜNG SỐ 2B, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 2	5.800
51	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG 4	4.500
52	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 12	3.300
53	ĐƯỜNG SỐ 3, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 12	8.400
54	ĐƯỜNG SỐ 3A, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 8	3.100
55	ĐƯỜNG SỐ 4, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 7	4.600
56	ĐƯỜNG SỐ 4, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 5	3.200
57	ĐƯỜNG SỐ 4, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
58	ĐƯỜNG SỐ 5, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 8	ĐƯỜNG SỐ 4	4.600
59	ĐƯỜNG SỐ 5, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
60	ĐƯỜNG SỐ 5, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6B	ĐƯỜNG SỐ 6	PHẠM HÙNG	6.700
61	ĐƯỜNG SỐ 5, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1E	7.000
62	ĐƯỜNG SỐ 5 A,B,C, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 4	4.600
63	ĐƯỜNG SỐ 5A, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 4	5.800
64	ĐƯỜNG SỐ 5B, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 8C	ĐƯỜNG SỐ 8	5.800
65	ĐƯỜNG SỐ 5C, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 1E	ĐƯỜNG SỐ 10A	5.800
66	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 21	4.600
67	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 5	4.000
68	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6B	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
69	ĐƯỜNG SỐ 6, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 9A	ĐƯỜNG SỐ 1	8.400
70	ĐƯỜNG SỐ 6A, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 3	5.800
71	ĐƯỜNG SỐ 6B, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	5.800
72	ĐƯỜNG SỐ 6C, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	5.800
73	ĐƯỜNG SỐ 6D, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 3	5.800
74	ĐƯỜNG SỐ 7, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 2	5.000
75	ĐƯỜNG SỐ 7, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 1C	8.100
76	ĐƯỜNG SỐ 7A, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 9A	NGUYỄN VĂN LINH	5.800
77	ĐƯỜNG SỐ 8, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 19	5.000
78	ĐƯỜNG SỐ 8, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 1A	ĐƯỜNG SỐ 5	3.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
79	ĐƯỜNG SỐ 8, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 9A	8.600
80	ĐƯỜNG SỐ 8A, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 12	ĐƯỜNG SỐ 3	5.800
81	ĐƯỜNG SỐ 8B, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 1E	ĐƯỜNG SỐ 1F	5.800
82	ĐƯỜNG SỐ 8C, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 5	5.800
83	ĐƯỜNG SỐ 9, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 24	5.300
84	ĐƯỜNG SỐ 9, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6B	ĐƯỜNG SỐ 6	PHẠM HÙNG	6.700
85	ĐƯỜNG SỐ 9, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 4	ĐƯỜNG SỐ 10	6.900
86	ĐƯỜNG SỐ 9A, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	NGUYỄN VĂN LINH	CẦU KÊNH XÁNG	10.100
87	ĐƯỜNG SỐ 10, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	QUỐC LỘ 50	RANH XÃ PHONG PHÚ	9.600
88	ĐƯỜNG SỐ 10, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 1A	3.600
89	ĐƯỜNG SỐ 10, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 9A	ĐƯỜNG SỐ 3	8.500
90	ĐƯỜNG SỐ 10A, KHU DÂN CƯ TRUNG SƠN	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	6.600
91	ĐƯỜNG SỐ 11, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 24	5.300
92	ĐƯỜNG SỐ 11, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	NGUYỄN VĂN LINH	ĐƯỜNG SỐ 14	9.200
93	ĐƯỜNG SỐ 12, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 19	4.500
94	ĐƯỜNG SỐ 12, KHU DÂN CƯ GIA HÒA	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 5	3.100
95	ĐƯỜNG SỐ 13, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 24	ĐƯỜNG SỐ 14	4.600
96	ĐƯỜNG SỐ 13, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐƯỜNG SỐ 24	8.400
97	ĐƯỜNG SỐ 14, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 15	5.600
98	ĐƯỜNG SỐ 14, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	7.400
99	ĐƯỜNG SỐ 15, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 18	4.500
100	ĐƯỜNG SỐ 15, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 26	ĐƯỜNG SỐ 14	6.500
101	ĐƯỜNG SỐ 16, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 21	ĐƯỜNG SỐ 13	4.500
102	ĐƯỜNG SỐ 16, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	8.400
103	ĐƯỜNG SỐ 17, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 22	ĐƯỜNG SỐ 12	4.600
104	ĐƯỜNG SỐ 18, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 19	5.700
105	ĐƯỜNG SỐ 18, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	8.400
106	ĐƯỜNG SỐ 19, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 22	6.100
107	ĐƯỜNG SỐ 20, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 13	ĐƯỜNG SỐ 17	4.600
108	ĐƯỜNG SỐ 20, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	7.400
109	ĐƯỜNG SỐ 21, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 22	5.600
110	ĐƯỜNG SỐ 22, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	ĐƯỜNG SỐ 21	ĐƯỜNG SỐ 1	4.600
111	ĐƯỜNG SỐ 22, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	8.800
112	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.500
113	ĐƯỜNG SỐ 24, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	7.800
114	ĐƯỜNG SỐ 26, KHU DÂN CƯ HIM LAM 6A	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG SỐ 15	10.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
115	ĐƯỜNG T12	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1, 3	700
116	HOÀNG ĐẠO THÚY	QUỐC LỘ 1A	RANH QUẬN 8	1.400
117	HOÀNG PHAN THÁI	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG GIAO THÔNG ÁP 1, BÌNH CHÁNH	1.100
		ĐƯỜNG GIAO THÔNG ÁP 1, BÌNH CHÁNH	RANH TỈNH LONG AN	900
118	HỒC HUU	ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	QUI ĐỨC	600
119	HUNG LONG - QUI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		800
120	HUNG NHƠN	QUỐC LỘ 1A	CẦU HUNG NHƠN	1.700
	HUNG NHƠN	CẦU HUNG NHƠN	NGUYỄN CỬU PHÚ	1.300
121	HƯƠNG LỘ 11	NGÃ 3 ĐÌNH ĐỨC THIỆN - TÂN QUÝ TÂY	NGÃ BA HƯƠNG LỘ 11 - ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	1.500
122	HUỲNH BÁ CHÁNH	QUỐC LỘ 1A	SÔNG CHỢ ĐỆM	1.100
123	HUỲNH VĂN TRÍ	QUỐC LỘ 1A	ĐÌNH ĐỨC THIỆN	900
		ĐÌNH ĐỨC THIỆN	RANH TỈNH LONG AN	700
124	KHOA ĐÔNG (LÊ MINH XUÂN)	TỈNH LỘ 10	RANH XÃ TÂN NHỰT	600
125	KHUẤT VĂN BỨT	XÓM HỒ	TRẦN ĐẠI NGHĨA	600
126	KINH 5	VƯỜN THƠM	RANH TỈNH LONG AN	400
127	KINH LIÊN VÙNG (KINH TRUNG ƯƠNG)	VĨNH LỘC	RANH QUẬN BÌNH TÂN	1.100
128	KINH SỐ 7	NGUYỄN CỬU PHÚ	RẠCH TÂN NHỰT	700
129	KINH T12	HUỲNH VĂN TRÍ	RANH XÃ TÂN QUÝ TÂY	800
130	LẠI HÙNG CƯỜNG	VĨNH LỘC	VÕ VĂN VÂN	1.500
131	LÁNG LE - BÀU CÒ	TỈNH LỘ 10	CẦU KINH B	1.000
132	LÊ BÁ TRỊNH	NGUYỄN CỬU PHÚ	CÁI TRUNG	600
133	LÊ CHÍNH ĐÁNG	KÊNH A - LÊ MINH XUÂN	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 1, 2, 3	400
134	LÊ ĐÌNH CHI	TỈNH LỘ 10	THÍCH THIỆN HÒA	400
135	LINH HÒA	QUỐC LỘ 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 4, 5	800
136	LƯƠNG KHÁNH THIÊN	THẾ LỬ	ĐƯỜNG SỐ 3	400
137	LƯƠNG NGANG	CẦU DIỆT LỆ	CẦU BÀ TỶ	400
138	MAI BÁ HƯƠNG	CẦU XÁNG	NGÃ BA LÝ MẠNH	1.300
139	NGÃ BA CHÚ LƯỜNG	QUỐC LỘ 50	CẦU BÓNG XEO	600
140	NGUYỄN CỬU PHÚ	CẦU CHỢ ĐỆM	RANH QUẬN BÌNH TÂN	1.500
141	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	CẦU LÁNG LE	RANH QUẬN BÌNH TÂN	400
142	NGUYỄN HỮU TRÍ	QUỐC LỘ 1A	BÙI THANH KHIẾT	1.700
		BÙI THANH KHIẾT	RANH TỈNH LONG AN	1.200
143	NGUYỄN THỊ TÚ	VĨNH LỘC	RANH QUẬN BÌNH TÂN	2.200
144	NGUYỄN VĂN BỬA	NGÃ TƯ ĐẠNG CÔNG BÌNH	RANH TỈNH LONG AN	600
145	NGUYỄN VĂN LINH	RANH QUẬN 7	QUỐC LỘ 1A	4.300
146	NGUYỄN VĂN LONG	ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	HUNG LONG - QUI ĐỨC	400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
147	NỮ DÂN CÔNG	QUÁCH ĐIỀU	RANH HUYỆN HỌC MÔN	1.000
148	PHAN TÂN MƯỜI	QUỐC LỘ 50	ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	400
149	QUÁCH ĐIỀU	VĨNH LỘC	RANH HUYỆN HỌC MÔN	1.700
150	QUI ĐỨC	ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	RẠCH TRỊ YÊN	400
151	QUỐC LỘ 1A	RANH QUẬN BÌNH TÂN	CẦU BÌNH ĐIỀN	4.100
		CẦU BÌNH ĐIỀN	NGÃ BA QUÁN CHUỐI	2.800
		NGÃ BA QUÁN CHUỐI	BỜ NHÀ THỜ BÌNH CHÁNH	2.400
		BỜ NHÀ THỜ BÌNH CHÁNH	RANH TỈNH LONG AN	2.200
152	QUỐC LỘ 50	RANH QUẬN 8	RANH XÃ BÌNH HƯNG - PHONG PHÚ	7.200
		RANH XÃ BÌNH HƯNG - PHONG PHÚ	CẦU ÔNG THÌN	4.300
		CẦU ÔNG THÌN	RANH TỈNH LONG AN	1.900
153	TÂN LIÊM	QUỐC LỘ 50	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3,4	2.000
154	TÂN LIỄU	ĐOÀN NGUYỄN TUÂN	HÙNG LONG - QUI ĐỨC	400
155	TÂN LONG	CÁU ÁP QUÁN	CẦU CHỢ ĐỆM	600
156	TÂN TÚC	QUỐC LỘ 1A	NGUYỄN HỮU TRÍ	1.100
157	THANH NIÊN	CẦU XÁNG	RANH HUYỆN HỌC MÔN	1.400
158	THẾ LỬ	NGUYỄN CỬU PHÚ	CẦU BÀ TỶ	900
159	THÍCH THIÊN HÒA	TRỌN ĐƯỜNG		400
160	THIÊN GIANG	BÙI THANH KHIẾT	NGUYỄN HỮU TRÍ	800
161	THỐI HÒA	QUÁCH ĐIỀU	VĨNH LỘC	1.100
162	TỈNH LỘ 10	RANH QUẬN BÌNH TÂN	CẦU XÁNG	1.700
		CẦU XÁNG	RANH TỈNH LONG AN	1.300
163	TRẦN ĐẠI NGHĨA	QUỐC LỘ 1A	CẦU KINH B	2.500
		CẦU KINH B	MAI BÁ HƯƠNG	1.100
164	TRẦN HẢI PHỤNG	VĨNH LỘC	RANH HUYỆN HỌC MÔN	800
165	TRẦN THỨC NHẪN	VĨNH LỘC	RANH HUYỆN HỌC MÔN	800
166	TRỊNH NHƯ KHUÊ	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
167	TRỊNH QUANG NGHỊ	RANH QUẬN 8	QUỐC LỘ 50	2.500
168	TRƯƠNG VĂN ĐA	CẦU KÊNH B	CẦU KÊNH C	400
169	VĨNH LỘC	KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC	TỈNH LỘ 10	2.200
170	VỖ HỮU LỢI	TỈNH LỘ 10	RANH XÃ TÂN NHỰT	700
171	VỖ VĂN VÂN	TỈNH LỘ 10	VĨNH LỘC	1.700
172	VƯỜN THƠM	CẦU XÁNG	RANH TỈNH LONG AN	1.300
173	XÓM DẦU	BÙI THANH KHIẾT	RẠCH ÔNG ĐỒ	800
174	XÓM GIỮA	CẦU KINH C	CẦU CHỢ ĐỆM	400
175	XÓM HỒ	DƯƠNG ĐÌNH CÚC	NGUYỄN CỬU PHÚ	800

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN HUYỆN HÓC MÔN
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ẤP 1 XÃ XUÂN THỚI SƠN	NGUYỄN VĂN BỬA	DƯƠNG CÔNG KHI	330
2	ẤP DÂN THẮNG 1	QUỐC LỘ 22	GIÁP XÃ XUÂN THỚI SƠN	550
3	ẤP DÂN THẮNG 2	QUỐC LỘ 22	HƯƠNG LỘ 60	550
4	ẤP TAM ĐÔNG	ĐẶNG THỨC VỊNH	KÊNH TRẦN QUANG CỐ	330
5	ẤP THỐNG NHẤT 2 - NHỊ TÂN 1	QUỐC LỘ 22	NHÀ ÔNG MỘT EM	550
6	BÀ TRIỆU	QUANG TRUNG	NGÃ 4 GIÉNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	2.530
7	BÙI CHU	NGUYỄN ẢNH THỦ	HỒ NGỌC CÂN	1.100
8	BÙI CÔNG TRỪNG	CẦU VỒNG	NGÃ 3 ĐÒN	990
9	BÙI VĂN NGŨ	NGÃ 3 BẦU	NGUYỄN ẢNH THỦ	1.430
10	DƯƠNG CÔNG KHI (ĐƯỜNG LIÊN XÃ TÂN HIỆP - TÂN THỚI NHÌ - XUÂN THỚI THƯỢNG - VĨNH LỘC)	NGÃ 3 ÔNG TRÁC	HƯƠNG LỘ 60	660
		HƯƠNG LỘ 60	NGÃ 4 HỒNG CHÂU	1.320
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	TỈNH LỘ 14	440
		TỈNH LỘ 14	GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH	330
11	ĐẶNG CÔNG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		550
12	ĐẶNG THỨC VỊNH	NGÃ 3 CHÙA	NGÃ 4 THỐI TỨ	880
		NGÃ 4 THỐI TỨ	CẦU RẠCH TRÀ (GIÁP HUYỆN CỬ CHI)	770
13	ĐỖ VĂN DẬY	LÒ SÁT SINH CŨ	CẦU XÁNG	770
		CẦU XÁNG	NGÃ 3 LÁNG CHÀ (GIÁP HUYỆN CỬ CHI)	550

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
14	ĐỒNG TÂM	NGUYỄN ẢNH THỦ	QUỐC LỘ 22	660
15	ĐƯỜNG 02 - ÁP MỚI 2	TÔ KÝ	MỸ HUỀ	330
16	ĐƯỜNG TUYẾN ỐNG NƯỚC SẠCH	NGUYỄN ẢNH THỦ	LÊ THỊ HÀ	880
		LÊ THỊ HÀ	LÝ THƯỜNG KIỆT	770
		LÝ THƯỜNG KIỆT	NHÀ MÁY NƯỚC TÂN HIỆP	440
17	GIÁC ĐẠO	TRUNG MỸ - TÂN XUÂN	THƯƠNG MẠI 1	440
18	HÀ NỘI	NGUYỄN ẢNH THỦ	LÊ LỢI	440
19	HƯƠNG LỘ 60 (LÊ LỢI)	LÝ THƯỜNG KIỆT	DƯƠNG CÔNG KHI	1.320
20	HƯƠNG LỘ 60B	NGÃ 3 LAM SƠN	HƯƠNG LỘ 60	1.320
21	LÊ LAI	TRỌN ĐƯỜNG		5.060
22	LÊ THỊ HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		1.430
23	LÊ VĂN KHƯƠNG	CẦU DỪA	ĐẶNG THỨC VỊNH	1.430
24	LIÊN ÁP NAM THỚI - THỚI TỬ XÃ THỚI TAM THÔN	TRẦN KHẮC CHÂN NỘI DÀI	TRỊNH THỊ MIẾNG	440
25	LIÊN ÁP: 1 - 4 XÃ XUÂN THỚI SƠN	NGUYỄN VĂN BỬA	DƯƠNG CÔNG KHI	220
26	LIÊN ÁP: 1 - 4 XÃ XUÂN THỚI THƯỢNG	PHAN VĂN HÓN	DƯƠNG CÔNG KHI	330
27	LIÊN ÁP: 2 - 6 - 7 XÃ ĐÔNG THẠNH	ĐẶNG THỨC VỊNH	NGUYỄN ẢNH THỦ	440
28	LIÊN ÁP: 3 - 7 XÃ XUÂN THỚI THƯỢNG	PHAN VĂN HÓN	TRẦN VĂN MƯỜI	330
29	LIÊN ÁP: 5 - 7 XÃ ĐÔNG THẠNH	ĐẶNG THỨC VỊNH	NGUYỄN ẢNH THỦ	660
30	LIÊN XÃ TÂN THỚI NHÌ - THỊ TRẦN	QUỐC LỘ 22	HƯƠNG LỘ 60	660
31	LIÊN XÃ THỊ TRẦN - TÂN HIỆP	LÝ NAM ĐỀ	HƯƠNG LỘ 65	660
32	LIÊN XÃ THỊ TRẦN - THỚI TAM THÔN	QUANG TRUNG	TRỊNH THỊ MIẾNG	440
33	LIÊN XÃ THỊ TRẦN - THỚI TAM THÔN	NGÃ BA CHÙA	LÊ THỊ HÀ	660
34	LIÊN XÃ THỚI TAM THÔN - ĐÔNG THẠNH	ĐẶNG THỨC VINH	TRỊNH THỊ MIẾNG	330
35	LÝ NAM ĐỀ	TRỌN ĐƯỜNG		5.390
36	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		2.860
37	MỸ HUỀ	THIÊN QUANG	TÂN XUÂN - TRUNG CHÁNH 1	440

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
38	NGÔ QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		5.060
39	NGUYỄN ẢNH THỦ	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 22 (NGÃ 4 TRUNG CHÁNH)	1.760
		QUỐC LỘ 22 (NGÃ 4 TRUNG CHÁNH)	TÔ KÝ	2.970
		BÙI VĂN NGŨ	PHƯỜNG HIỆP THÀNH - Q12	1.430
40	NGUYỄN HỮU CẦU	NGUYỄN ẢNH THỦ	TÔ KÝ	660
41	NGUYỄN THỊ SÓC	NGUYỄN ẢNH THỦ	NGÃ 3 QUỐC LỘ 22	1.600
42	NGUYỄN THỊ THỦ (ĐƯỜNG LIÊN XÃ XUÂN THỚI SON - XUÂN THỚI THƯỢNG)	NGUYỄN VĂN BỬA (TỈNH LỘ 9)	PHAN VĂN HÓN (TỈNH LỘ 14)	550
43	NGUYỄN VĂN BỬA	NGÃ 4 HÓC MÔN	PHAN VĂN HÓN (TỈNH LỘ 14)	1.200
		PHAN VĂN HÓN	GIÁP TỈNH LONG AN	990
44	NHÀ VUÔNG	QUỐC LỘ 22 (ĐƯỜNG XUYÊN Á)	ĐỒNG TÂM	440
45	PHẠM VĂN SÁNG	TỈNH LỘ 14 XUÂN THỚI THƯỢNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	550
46	PHAN VĂN ĐÔI	PHAN VĂN HÓN	CẦU SA (GIÁP HUYỆN BÌNH CHÁNH)	880
47	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 1A	NGUYỄN VĂN BỬA	1.200
48	QUANG TRUNG	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ THỊ HÀ	3.630
		LÊ THỊ HÀ	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 15)	2.860
49	QUỐC LỘ 1A	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	CẦU BÌNH PHÚ TÂY	2.860
50	QUỐC LỘ 22 (QUỐC LỘ 1)	CẦU VƯỢT AN SƯƠNG	NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	2.860
		NGÃ 4 TRUNG CHÁNH	NGÃ 4 HÓC MÔN	2.750
		NGÃ 4 HÓC MÔN	NGÃ 4 HỒNG CHÂU	2.200
		NGÃ 4 HỒNG CHÂU	CẦU AN HẠ (GIÁP HUYỆN CỬ CHI)	1.650
51	RẠCH HÓC MÔN	KHU PHỐ 1	KHU PHỐ 6	660
52	RẠCH HÓC MÔN	KHU PHỐ 7	KHU PHỐ 8	660
53	RANH ÁP MỸ HÒA 1 - MỸ HÒA 3	TRUNG MỸ	ĐỒNG TÂM	330
54	RANH XÃ TRUNG CHÁNH - TÂN XUÂN	TÔ KÝ	TRUNG MỸ	440
55	RỒNG BÀNG XÃ TÂN HIỆP	DƯƠNG CÔNG KHI	DƯƠNG CÔNG KHI	440
56	THÁI BÌNH	NGUYỄN ẢNH THỦ	HỒ NGỌC CẦN	440
57	THIÊN QUANG	TÔ KÝ	TRUNG MỸ - TÂN XUÂN	440

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
58	THƯỜNG MẠI 1	NGUYỄN ẢNH THỦ	QUANG TRUNG	440
59	THƯỜNG MẠI 3	NGUYỄN ẢNH THỦ	QUANG TRUNG	660
60	TÔ KÝ	NGUYỄN ẢNH THỦ	NGÃ 3 CHÙA (TỈNH LỘ 9)	2.200
61	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.060
62	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		3.630
63	ĐƯỜNG TRẦN KHẮC CHÂN NỐI DÀI	RẠCH HÓC MÔN	ĐƯỜNG LIÊN XÃ THỊ TRẦN - THỐI TAM THÔN	440
64	TRẦN VĂN MƯỜI	NGÃ 4 GIẾNG NƯỚC (QUỐC LỘ 22)	PHAN VĂN HÓN	770
65	TRINH THỊ MIẾNG (ĐƯỜNG TRUNG CHÁNH - TÂN HIỆP)	BÙI VĂN NGŨ (NGÃ 3 BÀU)	CẦU BẾN NỌC	440
66	TRUNG MỸ	NGUYỄN ẢNH THỦ	LÊ THỊ HÀ	330
67	TRUNG NỮ VƯƠNG	QUANG TRUNG	TRẦN KHẮC CHÂN	5.390
		TRẦN KHẮC CHÂN	LÒ SÁT SINH	2.530
68	TRUNG VƯƠNG 3	NGUYỄN ẢNH THỦ	TUYẾN ỐNG NƯỚC	440
69	VẠN HẠNH 1	NGUYỄN ẢNH THỦ	TRUNG MỸ - TÂN XUÂN	440
70	VẠN HẠNH 3	NGUYỄN ẢNH THỦ	VẠN HẠNH 1	440
71	VẠN HẠNH 4	NGUYỄN ẢNH THỦ	VẠN HẠNH 1	440
72	XUÂN THỐI 2, XÃ XUÂN THỐI ĐÔNG	TRẦN VĂN MƯỜI	KÊNH TIÊU LIÊN XÃ XUÂN THỐI ĐÔNG - XUÂN THỐI SƠN	330
73	XUÂN THỐI 3, XÃ XUÂN THỐI ĐÔNG	QUỐC LỘ 22	TRẦN VĂN MƯỜI	330

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN HUYỆN CỬ CHI***(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN NHƠN TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		240
2	BÀ THIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		240
3	BÀU LÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		215
4	BÀU TRĂM	TRỌN ĐƯỜNG		360
5	BÀU TRE	TRỌN ĐƯỜNG		610
6	BẾN CỎ	TỈNH LỘ 15	SÔNG SÀI GÒN	220
7	BẾN ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		215
8	BẾN SÚC	TRỌN ĐƯỜNG		220
9	BÌNH MỸ	UBND XÃ BÌNH MỸ	TỈNH LỘ 15	730
10	BÓN PHÚ (TRUNG AN) - HUỶNH THỊ BẰNG (PHÚ HÒA ĐÔNG)	TRỌN ĐƯỜNG		240
11	BÙI THỊ DIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		240
12	CÁ LĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		220
13	CÂY BÀI	TỈNH LỘ 8	NGUYỄN VĂN KHẬ	250
14	CÂY GỎ	TRỌN ĐƯỜNG		220
15	CÂY TRÔM - MỸ KHÁNH	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 7	250
16	ĐÀO VĂN THỬ	TRỌN ĐƯỜNG		500
17	ĐỖ ĐĂNG TUYẾN	TỈNH LỘ 7	NGÃ BA PHÚ THUẬN (PHÚ MỸ HƯNG)	250
18	ĐƯỜNG 11	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
19	ĐƯỜNG 35, 39, 40	TRỌN ĐƯỜNG		880
20	ĐƯỜNG 41	TRỌN ĐƯỜNG		550
21	ĐƯỜNG 42	TRỌN ĐƯỜNG		550
22	ĐƯỜNG LÀNG SỐ 4	TRƯỚC UBND XÃ HÒA PHÚ	TỈNH LỘ 15	730
23	ĐƯỜNG RANH KHU CÔNG NGHIỆP	TỈNH LỘ 15	ĐƯỜNG TRUNG AN	260
24	GIÁP HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		660
25	GIÁP HẢI (NÓI DÀI)	CẦU KÊNH KHU CÔNG NGHIỆP TÂY BẮC CỬ CHI	TỈNH LỘ 2	660

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
26	HÀ VĂN LAO	TRỌN ĐƯỜNG		390
27	HỒ VĂN TẮNG	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 15	660
28	HƯƠNG LỘ 10	TỈNH LỘ 7	KÊNH T38	360
29	HUỲNH MINH MƯƠNG	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	770
30	HUỲNH THỊ BĂNG	TỈNH LỘ 15	CẦU ÔNG CHƯƠNG	620
31	HUỲNH VĂN CỌ	TRỌN ĐƯỜNG		390
32	LÁNG THE	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	500
33	LÊ MINH NHỰT	TỈNH LỘ 8	QUỐC LỘ 22	390
34	LÊ THỊ SIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		550
35	LIÊN ÁP HỘI THẠNH - ẤP CHỢ - ẤP AN BÌNH	TỈNH LỘ 8	ẤP AN BÌNH	390
36	LIÊN XÃ BÀU HÙNG LỢI	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 8	660
37	LIÊN XÃ PHƯỚC VĨNH AN - PHẠM VĂN CỘI	TRỌN ĐƯỜNG		390
38	LIÊN XÃ TRUNG LẬP - SA NHỎ	TỈNH LỘ 7	TỈNH LỘ 6	280
39	LIÊU BÌNH HƯƠNG	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 8	990
40	NGUYỄN GIAO	TRỌN ĐƯỜNG		1.100
41	NGUYỄN KIM CƯƠNG	TỈNH LỘ 15	TỈNH LỘ 8	550
42	NGUYỄN THỊ NÊ	NGÃ TƯ BẾN MƯƠNG	TỈNH LỘ 15	260
43	NGUYỄN THỊ RÀNH	QUỐC LỘ 22	TỈNH LỘ 2	660
		TỈNH LỘ 2	UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	390
		UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	TỈNH LỘ 15	390
44	NGUYỄN THỊ RỪ	TRỌN ĐƯỜNG		660
45	NGUYỄN THỊ TRIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		1.210
46	NGUYỄN VĂN KHẠ	BUÙ ĐIỆN CỬ CHI	CÔNG SAU ĐỒNG DÙ	990
47	NGUYỄN VĂN KHẠ (NỘI DÀI)	CÔNG SAU ĐỒNG DÙ	TỈNH LỘ 15	440
48	NGUYỄN VĂN NI	TRỌN ĐƯỜNG		1.210
49	NGUYỄN VĂN NỈ	TRỌN ĐƯỜNG		880
50	NGUYỄN VIỆT XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		550
51	NHUẬN ĐỨC	UBND XÃ NHUẬN ĐỨC	CẦU BẾN MƯƠNG	390
52	ÔNG ÍCH ĐƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		770
53	PHẠM VĂN CHÈO	TRỌN ĐƯỜNG		880
54	QUỐC LỘ 22	CẦU AN HẠ	UBND XÃ TÂN PHÚ TRUNG	1.320
		UBND XÃ TÂN PHÚ TRUNG	UBND XÃ TÂN THÔNG HỘI	1.650
		UBND XÃ TÂN THÔNG HỘI	NGÃ BA LÒ MUỐI (THỊ TRẦN CỬ CHI)	1.980
		NGÃ BA LÒ MUỐI (THỊ TRẦN CỬ CHI)	NGÃ TƯ CHỢ CHIỀU	2.640

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
		NGÃ TƯ CHỢ CHIỀU	CÔNG CẠNH BÊN XE CỬ CHI	3.300
		CÔNG CẠNH BÊN XE CỬ CHI	NGÃ BA BÀU TRE	1.980
		NGÃ BA BÀU TRE	SÂN BÓNG PHƯỚC THẠNH	990
		SÂN BÓNG PHƯỚC THẠNH	QUA NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M	1.210
		CÁCH NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M	SUỐI SÂU	880
55	SÔNG LU	TỈNH LỘ 8	SÔNG SÀI GÒN	500
56	SUỐI LỘI	TRỌN ĐƯỜNG		500
57	TAM TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		280
58	TỈNH LỘ 15	CẦU BẾN SÚC	ĐƯỜNG LÀNG SỐ 3 (XÃ PHÚ HÒA ĐÔNG)	390
		ĐƯỜNG LÀNG SỐ 3 (XÃ PHÚ HÒA ĐÔNG)	CÂY XĂNG BÀU TRÂM (NGÃ TƯ TÂN QUI)	880
		CÂY XĂNG BÀU TRÂM (NGÃ TƯ TÂN QUI)	XƯỜNG NƯỚC ĐÁ TÂN QUI	1.320
		XƯỜNG NƯỚC ĐÁ TÂN QUI	CÁCH CHỢ TÂN THẠNH ĐÔNG 200M (HƯỚNG NGÃ TƯ TÂN QUI)	770
		CÁCH CHỢ TÂN THẠNH ĐÔNG 200M (HƯỚNG NGÃ TƯ TÂN QUI)	CÁCH CHỢ TÂN THẠNH ĐÔNG 200M (HƯỚNG HUYỆN HÓC MÔN)	1.320
		CÁCH CHỢ TÂN THẠNH ĐÔNG 200M (HƯỚNG HUYỆN HÓC MÔN)	CẦU XĂNG (RANH HUYỆN HÓC MÔN)	550
59	TỈNH LỘ 2	NGÃ BA TÂN PHÚ (GIÁP QUỐC LỘ 22)	CÔNG CHÍNH ĐÔNG DỪ	880
		CÔNG CHÍNH ĐÔNG DỪ	NGÃ TƯ SỞ	390
		NGÃ TƯ SỞ	RANH TỈNH TÂY NINH	280
60	TỈNH LỘ 6	TRỌN ĐƯỜNG		390
61	TỈNH LỘ 7	CẦU TÂN THÁI (RANH TỈNH LONG AN)	CÁCH NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG XÃ THÁI MỸ)	390
		CÁCH NGÃ TƯ PHƯỚC THẠNH 500M (HƯỚNG XÃ THÁI MỸ)	NGÃ TƯ CHỢ PHƯỚC THẠNH	550
		NGÃ TƯ CHỢ PHƯỚC THẠNH	KÊNH ĐÔNG (CHÍNH)	550
		KÊNH ĐÔNG (CHÍNH)	TRƯỜNG CẤP 1 TRUNG LẬP HẠ	550
		TRƯỜNG CẤP 1 TRUNG LẬP HẠ	CÁCH NGÃ BA VÀO UBND XÃ TRUNG LẬP THƯỢNG 300M (HƯỚNG AN NHƠN TÂY)	280
		CÁCH NGÃ BA VÀO UBND XÃ TRUNG LẬP THƯỢNG 300M (HƯỚNG AN NHƠN TÂY)	NGÃ BA LỘ 6	280

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
		NGÃ BA LỘ 6	BỆNH VIỆN AN NHƠN TÂY	280
		BỆNH VIỆN AN NHƠN TÂY	CÁCH NGÃ TƯ AN NHƠN TÂY 200M (HƯỚNG SÔNG SÀI GÒN)	390
		CÁCH NGÃ TƯ AN NHƠN TÂY 200M (HƯỚNG SÔNG SÀI GÒN)	BẾN TÀU (CHỢ CŨ - XÃ AN NHƠN TÂY)	280
62	TỈNH LỘ 8	CẦU LONG AN (ẤP TAM TÂN - XÃ TÂN AN HỘI)	KÊNH N46	770
		KÊNH N46	CÁCH NGÃ TƯ CỬ CHI 500M HƯỚNG TAM TÂN	880
		CÁCH NGÃ TƯ CỬ CHI 500M HƯỚNG TAM TÂN	TRƯỜNG CẤP 3 CỬ CHI	1.980
		TRƯỜNG CẤP 3 CỬ CHI	NGÃ BA TỈNH LỘ 2	1.760
		NGÃ BA TỈNH LỘ 2	NGÃ BA DỐC CẦU LẮNG THE (NGHĨA ĐỊA PHƯỚC VĨNH AN)	990
		NGÃ BA DỐC CẦU LẮNG THE (NGHĨA ĐỊA PHƯỚC VĨNH AN)	CÁCH NGÃ TƯ TÂN QUI 300M (HƯỚNG TRUNG TÂM HUYỆN CỬ CHI)	770
		CÁCH NGÃ TƯ TÂN QUI 300M (HƯỚNG TRUNG TÂM HUYỆN CỬ CHI)	TRƯỜNG THPT TRUNG PHÚ	1.430
		TRƯỜNG THPT TRUNG PHÚ	NGÃ BA TRUNG AN (ĐƯỜNG VÀO UBND XÃ TRUNG AN)	990
		NGÃ BA TRUNG AN (ĐƯỜNG VÀO UBND XÃ TRUNG AN)	CÁCH CHỢ HÒA PHÚ 200M (HƯỚNG HUYỆN CỬ CHI)	880
		CÁCH CHỢ HÒA PHÚ 200M (HƯỚNG HUYỆN CỬ CHI)	CÁCH CHỢ HÒA PHÚ 200M (HƯỚNG BÌNH MỸ)	1.210
		CÁCH CHỢ HÒA PHÚ 200M (HƯỚNG BÌNH MỸ)	CẦU PHÚ CƯỜNG (GIÁP TỈNH BÌNH DƯƠNG)	1.100
		NGÃ BA BÌNH MỸ	BẾN ĐÒ (GIÁP TỈNH BÌNH DƯƠNG)	990
63	TỈNH LỘ 9	TỈNH LỘ 8	CẦU RẠCH TRA (RANH HUYỆN HÓC MÔN)	770
64	TRẦN THỊ NGÂN	TRỌN ĐƯỜNG		770
65	TRẦN TỬ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		880
66	TRẦN VĂN CHÂM	TRỌN ĐƯỜNG		660
67	TRUNG AN	TỈNH LỘ 8	CẦU RẠCH KÈ	500
		CẦU RẠCH KÈ	GIÁP SÔNG SÀI GÒN	390
68	TRƯƠNG THỊ KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		390
69	VÕ THỊ HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		550
70	VÕ VĂN BÍCH	CẦU BÀ ĐỀ	TỈNH LỘ 15	660
71	VÕ VĂN ĐIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		390

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN HUYỆN NHÀ BÈ***(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	DƯƠNG CÁT LỢI	HUỶNH TẤN PHÁT	KHO DẦU A	2.400
2	ĐẶNG NHỮ LÂM	HUỶNH TẤN PHÁT	KHO DẦU B	2.400
3	ĐÀO SƯ TÍCH	LÊ VĂN LƯƠNG	CẦU PHƯỚC LỘC	1.300
		CẦU PHƯỚC LỘC	CUỐI ĐƯỜNG	1.300
4	ĐÀO TÔNG NGUYÊN	HUỶNH TẤN PHÁT	KHO DẦU C	2.000
5	ĐƯỜNG BỜ TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		900
6	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ KHU CÔNG NGHIỆP HIỆP PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		1.000
7	ĐƯỜNG KHU TRUNG TÂM HUYỆN	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
8	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 2 - 3	TRỌN ĐƯỜNG		800
9	ĐƯỜNG LIÊN ÁP 3 - 4	TRỌN ĐƯỜNG		800
10	ĐƯỜNG NƯỚC LONG HẬU	TRỌN ĐƯỜNG		1.000
11	ĐƯỜNG VÀO DẦU NHỚT BP	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
12	ĐƯỜNG VÀO KHO XĂNG DẦU LÂM TÀI CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
13	ĐƯỜNG VÀO KHO XĂNG DẦU PETECHIM	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
14	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN HUYỆN, XÃ LONG THỜI	TRỌN ĐƯỜNG		1.000
15	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ RẠCH NÒ	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
16	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ VITACO	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
17	ĐƯỜNG VÀO TRUNG TÂM SINH HOẠT THANH THIẾU NIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ THÁI SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	TRỌN ĐƯỜNG		1.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
20	HUỶNH TẤN PHÁT	CẦU PHÚ XUÂN	ĐÀO TÔNG NGUYÊN	4.400
		ĐÀO TÔNG NGUYÊN	MŨI NHÀ BÈ	4.000
21	LÊ VĂN LƯƠNG	CẦU RẠCH ĐĨA	CẦU PHƯỚC KIÊN	2.200
		CẦU PHƯỚC KIÊN	CẦU RẠCH TÔM	1.700
		CẦU RẠCH TÔM	CẦU RẠCH DỜI	1.300
22	LONG THỚI - NHƠN ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		1.100
23	NHƠN ĐỨC - PHƯỚC LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
24	NGÃ BA ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		900
25	NGUYỄN BÌNH	LÊ VĂN LƯƠNG	CẦU MƯƠNG CHUỐI	1.800
		CẦU MƯƠNG CHUỐI	HUỶNH TẤN PHÁT	2.400
26	NGUYỄN HỮU THỌ	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
27	NGUYỄN VĂN TẠO	NGUYỄN BÌNH	CẦU HIỆP PHƯỚC	1.700
		CẦU HIỆP PHƯỚC	SÔNG KINH LỘ	1.100
		SÔNG KINH LỘ	RANH TỈNH LONG AN	600
28	PHẠM HỮU LẬU	CẦU PHƯỚC LONG	LÊ VĂN LƯƠNG	1.700
29	PHAN VĂN BẢY	TRỌN ĐƯỜNG		1.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bảng 6**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN HUYỆN CẦN GIỜ***(Ban hành kèm theo Quyết định số 144/2007/QĐ-UBND**ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN THỐI ĐÔNG	SÔNG SOÀI RÁP	+1KM	330
		+1KM	RANH RỪNG PHÒNG HỘ	220
2	BÀ XÁN	TRỌN ĐƯỜNG		220
3	BẾN ĐÒ MỚI	DUYÊN HẢI	CẦU ĐÒ	330
4	BÙI LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		550
5	ĐẶNG VĂN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		660
6	ĐÀO CỬ	DUYÊN HẢI	TẮC XUẤT	770
		TẮC XUẤT	LÊ HÙNG YÊN	550
7	ĐÊ EC	TRỌN ĐƯỜNG		170
8	DƯƠNG VĂN HẠNH	ĐẦU ĐƯỜNG	ĐÌNH THỜ DƯƠNG VĂN HẠNH	220
		ĐÌNH THỜ DƯƠNG VĂN HẠNH	AO LÀNG	330
		AO LÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	220
9	DUYÊN HẢI	CHỢ CẦN THẠNH	NGHĨA TRANG LIỆT SĨ	770
		NGHĨA TRANG LIỆT SĨ	CẦU RẠCH LỖ	660
		CẦU RẠCH LỖ	THẠNH THỐI	770
		THẠNH THỐI	NGUYỄN VĂN MẠNH	770
		NGUYỄN VĂN MẠNH	CHỢ ĐỒNG HÒA	660
10	ĐƯỜNG CHÍNH VÀO KHU DÂN CƯ ĐỒNG TRANH			390
11	GIÔNG AO	TẮC XUẤT	CUỐI ĐƯỜNG	330
12	HÀ QUANG VÓC	RỪNG SÁC	CẦU BÔNG GIÉNG	220
		CẦU BÔNG GIÉNG	KHU DÂN CƯ BÌNH THẠNH	200
13	KHU DÂN CƯ AN PHƯỚC	TRỌN KHU		200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
14	KHU DÂN CƯ BÌNH TRUNG	TRỌN KHU		200
15	KHU DÂN CƯ MỸ KHÁNH	TRỌN KHU		170
16	KHU DÂN CƯ RẠCH LÁ	TRỌN KHU		170
17	KHU DÂN CƯ THẠNH BÌNH	TRỌN KHU		150
18	KHU DÂN CƯ THẠNH HÒA	TRỌN KHU		150
19	KHU DÂN CƯ THIỀNG LIỀNG	TRỌN KHU		100
20	LÊ HÙNG YÊN	TRỌN ĐƯỜNG		660
21	LÊ THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		770
22	LÊ TRỌNG MÂN	TRỌN ĐƯỜNG		770
23	LƯƠNG VĂN NHO	TẮC XUẤT	CUỐI ĐƯỜNG	440
24	LÝ NHƠN	RANH RỪNG PHÒNG HỘ	UBND XÃ LÝ NHƠN	330
25	NGUYỄN CÔNG BAO	TRỌN ĐƯỜNG		330
26	NGUYỄN PHAN VINH	GIÁP BIỂN	LÊ TRỌNG MÂN	550
27	NGUYỄN VĂN MẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		440
28	PHAN ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		550
29	PHAN TRỌNG TUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		440
30	QUẢNG XUYẾN	TRỌN ĐƯỜNG		330
31	RỪNG SÁC	PHÀ BÌNH KHÁNH	RANH TRẠM ĐIỆN BÌNH KHÁNH	770
		RANH TRẠM ĐIỆN BÌNH KHÁNH	+ 0,5KM	550
		+ 0,5KM	TRƯỜNG CẤP III BÌNH KHÁNH	440
		TRƯỜNG CẤP III BÌNH KHÁNH	CẦU RẠCH LÁ	330
		CẦU RẠCH LÁ	NGÃ 3 LONG HÒA	440
32	TẮC XUẤT	BẾN TẮC XUẤT	BƯU ĐIỆN HUYỆN	330
		BƯU ĐIỆN HUYỆN	BIỂN ĐÔNG	770
33	TAM THÔN HIỆP	RỪNG SÁC	TẮC TÂY ĐEN	330
34	THẠNH THỚI	ĐẦU ĐƯỜNG	BIỂN ĐÔNG	770
35	TRẦN QUANG ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		330
36	TRẦN QUANG QUỠN	RỪNG SÁC	CẦU KINH ĐÔNG	220
		CẦU KINH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	200

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ